

TUYỂN TẬP
THẨM THỆ HÀ
TRUYỆN DỊCH

1001
Truyện ngắn
THE HAY NHẤT
GIỚI



ÉMILE ZOLA – ALPHONSE DAUDET
GUY DE MAUPASSANT – ALEXIS TOLSTOI
O.HERRY – OSCAR WILDE
A.J.CRONIN – TARUMA SAMARU
LUICI PIRANDELLO – R.K.NARAYAN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

TUYỂN TẬP
THẨM THỆ HÀ
TRUYỆN DỊCH

1001
Truyện ngắn
**THE HAY NHẤT
GIỚI**



ÉMILE ZOLA – ALPHONSE DAUDET
GUY DE MAUPASSANT – ALEXIS TOLSTOI
O.HERRY – OSCAR WILDE
A.J.CRONIN – TARUMA SAMARU
LUICI PIRANDELLO – R.K.NARAYAN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ebook©vctvegroup

01-05-2018

MÁU

(*Émile Zola*)

ÉMILE ZOLA (1840-1902) là nhà văn Pháp thuộc trường phái Tự Nhiên (Naturalisme), một văn phái bắt nguồn từ nghệ thuật tả chân thô thiển để mô tả những trạng huống xã hội căn cứ vào thật tế và thiên nhiên. Ông thường ví mình như người cầm đuốc đi giữa ban ngày, soi sáng những cảnh lầm than của xã hội. Chính ở ngọn đuốc ấy, người ta thấy lò ra những tia sáng dịu dàng nhuộm màu sắc tôn giáo.

Những tác phẩm của ông như: Bác sĩ Pascal, Giấc mơ, Cuộc đời một thanh niên nghèo, Tác phẩm, Sự phong phú, Sự làm việc, Chân lý... đều được sáng tác theo nghệ thuật thuần lương ấy. Mặc dầu theo khuynh hướng Tự nhiên, người ta nhận thấy Émile Zola thiên nhiều về tưởng tượng hơn là thật tế. Truyện MÁU (Lê sang) là một trường hợp điển hình.

MÁU là một truyện ngắn của ông viết để gửi người bạn gái Ninon của mình, kỷ niệm những ngày thơ mộng bên nàng trên dãy đồi xanh xứ Provence. Đó là truyện ông từng kể cho nàng nghe vào những buổi chiều tà, để gợi lại ở lòng người bạn gái những tình cảm hồn nhiên, thuần hậu của con Người, không để chi phối bởi những biến thiên của thời cuộc.

Ngày nay Émile Zola đã thuộc về dĩ vãng xa xưa nhưng tác phẩm ông vẫn còn mang những chất sống thật vì nó gần với Con Người

và Tự Nhiên. Truyện MÁU của ông chứa đựng một ý nghĩa rất thâm trầm.

I

Sau buổi chiều thắng trận, bốn người chiến sĩ đóng trại nghỉ ở một góc chiến trường hẻo lánh. Bóng tối ùa về và họ vui vẻ dùng buổi cơm chiều giữa những xác chết.

Ngồi trên cỏ quanh ngọn lửa, họ nướng thịt trên đồng lửa than, rồi ăn ngon lành những thức ăn còn đỏ máu. Ánh lửa chiếu lên người họ, rọi những cái bóng khổng lồ của họ xuống nền đất. Thỉnh thoảng những tia sáng tái mờ dỗi theo những đôi mắt mở trao tráo.

Đoàn chiến sĩ cất lên những chuỗi cười ròn rã, không để ý đến những tia mắt ấy. Ngày đã qua thật là nặng nhọc. Họ phải vui say với hiện tại, không cần đếm xỉa đến ngày mai.

Thần Đêm và Thần Chết bay lơ lửng trên bãi chiến trường, rung chuyển đôi cánh trong cảnh hãi hùng và lặng lẽ.

Bữa ăn vừa xong, Khải Minh bắt đầu ca. Tiếng hát sang sảng của chàng vang vang trong màn tối, phá tan bầu không khí tang tóc. Giọng hát vui tươi ngân lên như khúc nhạc thốn thức trong tiếng vọng của cát bãi, sương ngàn. Ngạc nhiên vì giọng hát như chan chứa cả những nỗi niềm cảm xúc của mình, chàng càng cao hứng cất giọng cao lên. Bỗng có một tiếng rú hãi hùng trong đêm tối làm cho chàng nín bật.

Chàng run run bảo khẽ với Anh Lê:

— Bạn đi tìm xem có tử thi nào vừa tỉnh lại đó. Anh Lê cầm lấy một que lửa rồi lần bước ra đi.

Mọi người đều đưa mắt nhìn theo chàng cho đến khi dạng người và ánh lửa đều biến mất.

Sau một phút yên lặng, Khải Minh lại bảo bạn:

— Lê An, dường như có chó sói đang rình rập chúng ta. Anh hãy ra tìm người bạn của chúng ta đi.

Đến phiên Lê An lại biến mất trong đêm tối.

Khải Minh và Huy Kỳ chờ đợi đã mệt mà không thấy bóng ai trở lại. Họ mệt lã, ngủ thiếp bên ngọn lửa tàn. Nhưng khi họ vừa chợp mắt, tiếng rú hãi hùng khi nãy lại thét lên.

Họ giật mình bật dậy, và Huy Kỳ loạng choạng lần theo ngõ hai người bạn đã ra đi.

Một mình Khải Minh ở lại. Chàng thấy sợ, sợ vực đen thăm thẳm, dường như đang run lên trong cơn hấp hối não nùng. Chàng bỏ thêm vài nắm cỏ khô vào ngọn lửa, hy vọng ánh sáng sẽ làm tiêu tan sự khủng khiếp. Ngọn lửa bắt cao lên, ánh sáng như chan hòa màu máu. Quanh ngọn lửa, các bụi cây thi nhau nhảy múa một cách kỳ dị và những xác chết dường như cũng lay động bởi những bàn tay vô hình.

Khải Minh đâm sợ cả ánh sáng. Chàng lấy gót giày giẫm lên ngọn lửa cho tắt. Bóng tối trở về, dày đặc, nặng nề. Chàng rùng mình, có cảm giác như vừa nghe đâu đây tiếng gọi của Thần Chết. Chàng ngồi xuống, rồi đứng lên, cất tiếng gọi các đồng bạn. Nhưng tiếng gọi của chàng làm cho chàng khiếp sợ. Chàng sợ tiếng gọi ấy sẽ làm chú ý các thầy ma.

Trăng lần lần lên. Khải Minh nhận thấy một vầng ánh sáng tái mét bao trùm lên bãi chiến trường. Bây giờ thì đêm tối không còn giấu giếm sự kinh khủng nữa. Cánh đồng vắng vẻ, rải rác đây xác chết, chạy dài dưới tầm mắt trong một luồng ánh sáng; và luồng ánh sáng ấy cố rơi vào màu u ám nhưng không thể phá tan sự ghê tởm âm thầm.

Khải Minh đứng lặng, trán đượm mồ hôi. Chàng muốn vượt lên sườn đồi, dập tắt luồng ánh sáng xanh mờ huyền ảo ấy. Chàng tự hỏi: “Những thầy ma kia còn đợi gì mà không trỗi dậy và đến quanh chàng?”. Sự lặng im của chúng làm cho chàng lo ngại. Chàng nhắm nghiền mắt lại, chờ đợi một điều gì khủng khiếp sắp xảy ra.

Bỗng chàng có cảm giác như có một vật gì nóng chảy dưới gót chân. Chàng mở bừng mắt ra, cúi xuống nhìn. Một dòng suối máu cuộn cuộn chảy dưới chân chàng. Dòng suối ấy chảy từ hòn sỏi này đến hòn sỏi khác, ro re một điệu nhạc vui tươi, Khải Minh lùi bước nhưng không hề nhắm mắt được, đôi mắt chàng trân tráo nhìn theo dòng máu.

Chàng thấy dòng suối ấy lớn dần ra rồi biến thành rạch, một con rạch lờ đờ, phẳng lặng. Rạch biến thành sông, một con sông bát ngát, bao la. Con sông máu chảy đi, mang theo tất cả xác chết.

Khải Minh lùi mãi trước dòng nước càng dâng cao. Chàng không còn nhìn thấy bên kia bờ; cả bãi chiến trường dường như đã biến thành bể máu. Thành linh lưng chàng đụng vào một chòm đá, chàng đành dừng bước, không còn chạy đâu được nữa. Tức thì chàng thấy từng loạt sóng đánh tạt vào người chàng. Những xác chết bị sóng cuốn đến gần, cất lời nguyện rửa. Mỗi vết thương của chúng biến thành một cái miệng cùng nhau chế nhạo sự hãi hùng của chàng. Mặt bể bát ngát vẫn dâng lên, dâng lên ... Nước đã lên đến ngang

lưng chàng. Chàng cố sức vẫy vùng, cố sức leo lên chỏm đá; chỏm đá bỗng bể ra làm hai, chàng lại rơi xuống và nước đã bao phủ ngang vai.

Mặt trăng tái mét ảo não nhìn mặt bể. Ánh sáng mờ dần trước vực thẳm của bể cả mênh mông.

Sóng nước vẫn dâng lên, dâng lên...

Bọt sóng đỏ lòm đã liếm đôi môi chàng tuổi trẻ...

II

Trời vừa hừng sáng, Anh Lê đến, thấy Khải Minh còn ngủ mê man, đầu gối trên tảng đá. Chàng bèn đánh thức bạn dậy:

— Bạn Khải Minh này, đêm hôm rồi tôi đi lạc đường. Khi tìm mãi lối về mà không được, tôi bèn ngồi nghỉ dưới gốc cây. Bỗng tôi ngủ quên đi lúc nào không hay, và trong mộng, tôi trông thấy nhiều điều quái lạ, cho đến khi tỉnh dậy, tôi còn nhớ rành rành.

Cả thế giới dường như sống trong thời kỳ ấu trĩ. Bầu trời mím một nụ cười bao la. Mặt đất còn trinh nở ra dưới ánh sáng tinh khiết của mặt trời tháng năm. Cỏ xanh mượt trên khắp cánh đồng và cây vươn mình lên trên cánh gió. Nhựa sống chuyển tràn trong huyết mạch của thế giới dồi dào cho đến nỗi không thể chứa đựng hết trong lòng cây cỏ, tuôn trào qua những ghềnh đá, nuôi sống cả sườn non.

Phương trời chảy dài lặng lẽ và rục rờ. Tạo vật thức dậy. Như một đứa trẻ quỳ gối trước bình minh, cảm ơn đấng Chí Tôn đã ban ánh sáng, nó dâng lên khoảng không biết bao nhiêu là hương là nhạc, hương ngát và nhạc nồng.

Đất dịu ngọt và phì nhiêu, sinh sản không hề đau đớn. Cây trái mặc sức mà nảy mầm, ruộng lúa mì viền quanh cả đường lộ. Không có một giọt mồ hôi nhân loại nào chan hòa trong không khí. Chỉ có Chúa làm việc cho các con mình.

Người cũng như cầm điều sống nhờ những vật thực thiên nhiên. Họ đi lòng cầu khẩn Chúa hái trái cây, uống nước dưới suối, và đêm đến, ngủ dưới sự che chở của tàn cây. Môi họ rất gớm ghiếc thịt, họ không hề biết đến mùi máu, họ chỉ tìm những thực phẩm do sương và ánh sáng nấu thành.

Vì vậy mà loài người giữ được sự thuần phác, ngây thơ và sự thuần phác, ngây thơ ấy tôn trọng họ như là chúa tể của muôn loài. Tất cả đều là sự điều hòa. Tôi không biết màu trắng nào đang lồng khung thế giới, sự thanh bình cao cả nào đang ru nó trong một giấc mộng vô cùng. Cánh của con chim không cần phải vẫy đập để trốn tránh, rừng rú không cần phải che đậy sự huyền bí dưới những tàn cây. Tất cả vạn vật do Chúa sinh ra đều sống dưới ánh mặt trời, chỉ họp thành một dân tộc, chịu khếp dưới một luật lệ, lòng tốt.

Tôi đi với những người ấy, giữa lòng vạn vật. Tôi có cảm giác mình trở nên hùng tráng và tốt lành. Ngực tôi hít những làn không khí trong trẻo. Tôi cảm thấy từ già những cảnh vương bận ngày xưa để bước sang thế giới mới, tôi chẳng khác nào một người thở mở vừa được bước lên mặt đất thênh thang.

Và đây là những điều tôi trông thấy trong một cánh rừng. Hai người đang lần đi trên một nẻo đường mòn, dưới bóng cây.

Người trẻ đi trước, nụ cười vô tư điểm trên môi, tâm mắt thơ mộng như mơn trớn trên đài hoa, ngọn cỏ. Thịnh thoảng, chàng ngảnh lại sau, cười với người bạn đường. Tôi nhận thấy nụ cười ấy bao hàm cả một cảm tình thâm thúy. Cặp mắt và đôi môi người đi sau có vẻ cau có. Hẳn nhìn bạn mình với vẻ hằn học, rồi hẳn dồn bước, dường như để đuổi theo một nạn nhân không hề trốn tránh.

Tôi trông thấy hằn nắm chặt một khúc cây. Rồi sợ lạc mất người bạn, hằn vội vã chạy theo, giấu khí giới sau lưng. Người bạn trẻ

đang ngồi đợi hắt dưới bóng cây, mừng rỡ đứng lên khi hắt đến, và thân mật đặt trên trán hắt một cái hôn như sau một thời gian dài xa cách.

Hai người lại lên đường. Hoàng hôn lần lần xuống. Người bạn trẻ dồn bước, mắt nhìn thẳng ra phía trước, thấy xa xa, qua hàng cây cuối cùng của rừng thẳm, những đường yên tĩnh của một dãy đồi vàng dưới ánh chiều tà. Người sau ngỡ ngàng rằng bạn hắt toan chạy. Và không ngần ngại, hắt giơ thẳng khúc cây lên.

Người bạn trẻ ngoảnh đầu nhìn lại, trên môi sẵn sàng một lời khuyến lệ thân yêu. Nhưng khúc cây đã đập mạnh xuống đầu chàng và máu bắn lên tung tóe.

Ngọn cỏ đầu tiên hứng lấy giọt máu ấy, khủng khiếp hất mạnh nó xuống đất. Đất uống nó vào bụng, run rẩy, sợ hãi; một tiếng rú hãi hùng thốt ra từ lòng đất.

Khi tiếng của nạn nhân vừa thét lên, vạn vật đều chạy trốn dưới cơn gió rợn người. Chúng chạy khắp thế giới, trong những nơi hẻo lánh, tụ tập về các đô thị, rồi kẻ mạnh đàn áp kẻ yếu. Tôi thấy họ mài nhanh trong đêm yên lặng và chuốt móng suốt canh trường. Thế hệ cướp bóc đã gây mầm trong nhân loại.

Trước mắt tôi là một sự trốn tránh vĩnh viễn. Con diều hâu nhảy vồ con én; con én bay đi vớ lấy con ruồi; con ruồi tìm mồi trên xác chết. Từ con trùng đến con sư tử, mọi sinh vật đều cảm thấy mình bị hăm dọa. Nhân loại tự cắn lấy cái đuôi của mình và tự giày xéo mình vĩnh viễn.

Cảnh vật cũng lấy làm khiếp đảm. Những làn chân trời trong ánh sáng bỗng tan vỡ đi. Bình minh và hoàng hôn đều vẫn bởi những chòm mây máu. Làn nước thối thức trong những lời nghẹn ngào vô tận và cành cây buông lá chết xuống mảnh đất tanh hôi.

III

Anh Lê vừa dứt lời thì Lê An cũng vừa bước đến. Chàng ngồi xuống giữa hai bạn, bắt đầu thuật:

— Tôi chẳng rõ rằng tôi đã thấy hay là tôi đã mơ những điều mà tôi sắp thuật cho hai bạn nghe đây. Nếu chỉ là mơ, sao mà nó giống y như thật? Và nếu là thật, thì sao nó giống hệt như mơ?

Tôi thấy tôi đang đi trên con đường xuyên ngang qua thế giới. Hai bên đường, thành phố bao bọc, và các dân tộc đều chăm chú nhìn nó, qua bước lãng du.

Mặt đường đen bóng, tôi nhận thấy nó vấy đầy máu. Một dòng suối ro re chảy giữa đường, làn nước đỏ lôm và dày đặc.

Tôi theo con đường đó giữa sự chen chúc của đám người. Tôi đi từ đám người này qua đám người khác, quan sát cuộc sống trước mắt tôi.

Nơi đây, những người cha đem tế con gái mình, và họ đã dâng máu những đứa con thân yêu ấy cho một vị thần hung dữ nào đó. Những mái đầu xanh nghiêng trên trụ tử hình, mặt tái mét trước cái hôn của Thần Chết.

Kìa những thiếu nữ đồng trinh đành tử tiết trước những cái ôm hoen ố, và năm mồ là mảnh áo trắng che chở những linh hồn trinh trắng.

Xa xa, những ả tình nhân chết lịm giữa những cái hôn. ả buồn vì bị phụ rẫy, mượn dòng sông để trả nợ oan khiên; ả chết trên cánh tay người yêu dền tội trên dâu trong bộc.

Xa nữa, những kẻ chán nản vì cuộc sống lầm than, hệ lụy, gởi hồn tìm một thế giới hoàn toàn hơn, đòi hỏi sự tự do mà họ không thể nào tìm ra trên mặt đất.

Khắp nơi, gót chân của các vị vua ghi lại không biết bao nhiêu là dấu vết đẫm máu.

Tôi bước vội đi, không muốn thấy những cảnh tượng tàn ấy. Con đường tối càng lúc càng dan thẳng ra khi gặp một chân trời mới; dòng suối mà tôi đang ruối dường như chứa đựng những khối màu ở từ một bãi biển vô danh nào.

Và trong lúc tôi đang tiến tới. Tôi bỗng thấy cảnh vật tối sầm và nghiêm nghị. Lòng đất rạn nứt, dựng đá vỡ đôi, chia rẽ cánh đồng thành đồi cao và vực thẳm.

Không một bóng cây, không một đám rong, những dựng đá trơ vơ trắng đầu vì nắng gió. Con đường chạy dài giữa hang đá, trong sự yên tĩnh tang tóc ngàn đời.

Sau cùng, qua khỏi một khúc quanh, tôi đến trước một cảnh thê lương, ảm đạm. Bốn rặng núi châu mình vào nhau, sườn núi sừng sững như những bức tường của một thành phố dị thường, tạo thành ở khoảng giữa một cái giếng khổng lồ bao trùm cả chân trời. Giếng chứa đầy máu vì nó bắt nguồn từ dòng suối.

Mặt bể dày đặc dâng lên, phản chiếu lên bầu trời những đám mây hồng.

Tôi biết ngay đó là nơi tụ hợp của tất cả những dòng máu tuôn ra vì bạo động. Ngay từ nạn nhân đầu tiên, mỗi vết thương của nó đã

tuôn ra bao nhiêu lệ, và lệ ấy nhiều cho đến nỗi vực thăm phải tràn đây...

Nghe bạn thuật đến đây, Khải Minh buồn bã ngắt lời:

— Tôi cũng đã thấy, đêm qua, một con sông chảy về vực thăm ấy.

Lê An kể tiếp:

— Lúc đó tôi lấy làm kinh dị, bèn lần bước đến bên vực, nhìn xuống. Tôi nhận thấy, qua tiếng dội rền của nó, dòng máu đang ăn sâu xuống lòng đất. Tầm mắt theo dõi con sóng từ từ dâng cao. Một tiếng gọi từ vực thăm vang lên: “Ngọn triều đang dâng, sẽ dâng lên mãi và sẽ bắt được ngọn núi. Nó còn dâng cao nữa, và một con sông sẽ vượt ra khỏi vực ghê gớm mà tràn xuống đồng bằng. Mấy ngọn núi mới mòn vì chống cự với sóng gió, lần lần sụp xuống. Bể máu sẽ đổ xuống, làm lụt cả thế giới. Bao nhiêu kẻ sinh sau đều chết ngộp trong máu đổ của ông cha mình!”.

Khải Minh thở dài:

— Ngày đã gần đến. Thật là sóng dâng cao quá trong đêm qua.

IV

Mặt trời đã lên, khi Lê An thuật xong câu chuyện trong giấc mộng. Một tiếng kèn theo gió may đưa lại từ phương bắc. Đó là lệnh tập trung những binh sĩ còn rải rác trên cánh đồng.

Ba bạn đồng đứng lên, cầm lấy khí giới. Họ bước đi, mắt còn nhìn lại lần cuối cùng bếp lửa đêm qua tàn rụi. Bỗng họ thấy Huy Kỳ từ trong đám cỏ cao chạy lại, chân còn trắng bụi. Chàng hớn hển nói:

— Các bạn ơi, tôi không hiểu tôi đến từ đâu, trong hàng mấy giờ, tôi thấy những lùm cây chạy trốn sau lưng tôi. Tiếng bước chân tôi làm mí mắt tôi sụp xuống, và vẫn chạy không hề mất trốn, tôi ngủ thiếp đi một giấc lạ lùng.

Tôi thấy tôi ở trên một triền đồi vắng vẻ. Ánh mặt trời gay gắt chiếu xuống gò nông, chân tôi bước lên đây như là bị đốt bị thiêu. Tôi hối hả đi cho mau tới ngọn.

Và trong khi tôi vội vàng trong những cái nhảy, tôi chợt thấy một người chậm rãi từ dưới triền đi lên. Đầu gã đội một vòng gai, vai gã mang một vật nặng, một dòng máu chan hòa trên mặt. Gã đi một cách khổ sở, loạng choạng từng bước.

Đến ngọn đồi, tôi ngồi dưới bóng cây đợi gã. Tôi nhận ra gã mang trên lưng một cây thánh giá. Nhìn cái vòng gai trên đầu gã,

chiếc áo đỏ đầy bùn mà gã đang mặc, tôi ngỡ rằng gã là một nhà vua.

Tốp lính theo sau chĩa những mũi giáo sắt vào lưng gã thúc gã đi mau. Đến một chỗ thật cao, họ lột quần áo gã ra, bắt gã nằm trên trụ thánh giá.

Gã nhếch môi cười buồn bã. Hai tay gã giăng ra, hai mũi đinh đóng dính chung vào trụ. Hai chân gã từ từ tréo lại và chỉ một mũi đinh thôi cũng đã đủ rồi.

Gã tựa mình vào trụ, im lặng nhìn trời. Hai dòng lệ từ từ lăn xuống má, dòng lệ mà gã không hề cảm giác, rồi tự tan đi trong nụ cười gượng gượng của gã vừa nở trên môi.

Trụ thánh giá dựng lên. Sức nặng của thân thể làm cho mấy vết thương nở toang hoác. Tôi dường như nghe tiếng xương rạn vỡ. Kẻ bị xử hình hơi khẽ rung mình rồi vẫn thản nhiên lặng lẽ nhìn trời.

Tôi, tôi chăm chú nhìn gã. Nhận thấy vẻ cao cả của gã trong cái chết, tôi tự nói: “Người này không phải là một nhà vua”. Rồi tôi thấy thương hại, tôi kêu gào bọn lính hãy đâm ngay vào tim gã.

Một con chim bông lau hót trên thánh giá. Giọng hót của nó thật buồn và rót vào tai tôi như tiếng thổn thức của một nàng trinh nữ.

— Máu nhuộm hồng ngọn lửa, máu tô đỏ màu hoa, máu ửng hồng mây trắng. Tôi đứng trên bãi cát, chân tôi nhuộm đỏ; tôi đậu trên cành cây, cánh tôi nhuộm hồng.

Tôi gặp một kẻ công bình, tôi theo liền người ấy. Tôi vừa tắm xong dưới suối và chiếc áo tôi thật là trong sạch. Tiếng hát của tôi đã bảo: “Hãy vui lên đi, trên vai người này, người sẽ không còn bị hoen ố”.

Giờ đây tiếng hát của tôi lại bảo: “Hãy khóc lên đi, con chim bông lau ở đời Gôn-Gô-Ta, khóc chiếc áo của người đã vấy máu của kẻ đã che chở cho người với tất cả tấm lòng”.

Kẻ ấy đến đây để trả lại sự trong trắng cho những con chim bông lau, than ôi! Người ta đã bắt buộc chàng làm ướt cả cánh tôi và giọt sương của vết thương chàng.

Tôi ngờ vực và tôi khóc cho chiếc áo của tôi đã hoen ố. Tôi biết tìm đâu, hỡi Giê-Xu! Người anh của chàng để người ấy sẽ cởi chiếc áo sô gai của người cho tôi? Tôi biết tìm đứa con nào của chàng, hỡi Giê-Xu! Để nó sẽ rửa sạch bộ cánh tôi đã bị thắm đỏ vì giọt máu của chàng?

Kẻ bị xử hình lắng tai nghe chim hót. Hơi thở của Thần Chết làm đôi mi gã nheo nheo; cơn hấp hối làm đôi môi gã mấp máy. Gã khẽ ngược lên nhìn con chim như muốn gửi một lời trách móc dịu dàng; nụ cười gã nở trên môi, chiếu lên, trong sáng như hy vọng.

Thế rồi gã thét lên một tiếng lớn, đầu gã nghiêng xuống ngực. Con chim bông lau bay đi, đem theo một tràng thốn thức. Bầu trời trở nên đen tối, mặt đất chuyển động âm thầm.

Tôi vẫn chạy và tôi vẫn ngủ. Bình minh đã đến, sườn đồi tỉnh dậy, cười trong sương sớm. Bão tố đêm qua làm cho bầu trời thêm quang đãng, cây cỏ thêm sinh lực. Nhưng con đường mòn vẫn chứa đầy gai góc, vẫn những hòn sỏi cứng và bén lăn dưới chân tôi, vẫn những con rắn bò trong bụi rậm như hăm dọa khi tôi qua. Máu của kẻ công binh đã chảy lan trong huyết mạch của thế giới căn cõi, nhưng không thể nào trả lại cho nó sự chất phác của thời trẻ trung.

Con chim bông lau bay ngang qua đầu tôi và kêu nói với tôi:

— Đi, đi, tôi thật là buồn lắm! Tôi không thể tìm đâu ra một dòng suối sạch để tắm. Người nhìn xem, quả đất vẫn hung dữ như hôm

qua. Giê-Xu đã chết và cỏ sẽ không còn nở hoa.

V

Tiếng kèn vẫn thổi. Khải Minh nói: “Các bạn ơi! Thật không nghề nào khổ hơn nghề chúng ta! Giấc ngủ của ta bị phá khuấy bởi những oan hồn của những kẻ mà ta đã giết. Cũng như các bạn, tôi cảm thấy lương tâm mình bị cắn rứt. Đã ba mươi năm rồi tôi chỉ lo chém giết, bây giờ tôi cần tìm lại giấc ngủ yên lành. Hãy bỏ các đồng chí của ta lại đây. Tôi biết một thửa ruộng đang cần những tay cày. Các bạn có muốn rằng chúng ta sẽ hưởng lấy hương vị của miếng bánh mì do sự làm việc của chúng ta chăng?”

Các bạn chàng đồng đáp:

— Chúng tôi muốn lắm.

Thế là họ lần xuống mé sông tắm rửa, đoạn cả bốn người quăng bỏ khí giới xuống nước, nắm tay nhau biến mất qua nẻo đường mòn.

TIMBUCTOO

(Guy de Maupassant)

GUY DE MAUPASSANT (1850-1893) là nhà văn Pháp thuộc phái Tự Nhiên, có ngòi bút rất linh hoạt. Văn ông nổi bật hai bản sắc, quan sát sự vật rất tinh tế và bút pháp trong sáng, nhẹ nhàng.

Những tác phẩm của ông như: Một cuộc đời, Mạnh như sự chết, Tấm lòng chúng ta, Trên nước, Trăng sáng... đều là những bức tranh tả chân rất tế nhị và hàm súc.

TIMBUCTOO là một trong những truyện ngắn đặc ý của ông. TIMBUCTOO chẳng những là một nhân vật bằng xương bằng thịt mà còn là một nhân vật điển hình đáng cho ta chú ý. Trên đời này, không thiếu gì những hạng người như TIMBUCTOO.

Guy de Maupassant chỉ trình bày một cách trần trụi, không cần mĩ mai châm biếm. Bạn không cần nhếch một nụ cười chua chát, nhưng tự lòng bạn, nụ cười ấy cũng đã nở rồi. Cái nghệ thuật của nhà văn là ở chỗ đó.



Con đường dẫm mình trong bụi vàng của ánh dương tà. Bầu trời ửng hồng rực rỡ. Trước quán rượu, nhiều người đang ngồi giải lao với đủ các thứ rượu màu mà người ta có thể lầm là những viên ngọc quý tan đi trong những cốc pha lê.

Giữa đám người ấy có hai vị sĩ quan oai vệ trong bộ quân phục đang cười nói vui vẻ, đưa mắt nhìn theo từng đám người rộn rục, lũ lượt chung quanh.

Bỗng một tên da đen vạm vỡ từ xa đi tới. Hắn vận y phục màu đen, bụng hắn phệ, mắt hắn láng mướt như đánh sáp. Hắn vừa đi vừa vênh mặt hí hửng cười với mọi người, cười với những anh bán báo, cười với bầu trời xán lạn, cười với tất cả dân thành Paris.

Hắn cao nghều nghệu vượt lên khỏi đầu mọi người, và khi hắn đã đi qua, cả thảy đều ngẩng đầu lại nhìn theo hắn.

Khi chợt thấy hai vị sĩ quan, hắn vội rẽ mọi người ra, chạy lại. Hắn dừng bước trước bàn họ, đôi mắt sáng lên vì mừng rỡ, miệng hắn méo xếch đến mang tai, chừa ra hai hàm răng trắng toát như một vầng trăng khuyết in giữa nền trời đen.

Hai vị võ quan ngạc nhiên trở mắt nhìn hắn. Bỗng hắn reo lên, giọng hắn làm cho mọi người đều bật cười:

— Chào Trung úy.

Một trong hai vị võ quan là chỉ huy trưởng một tiểu đoàn, còn người kia là Đại tá. Người thứ nhất nói:

— Tôi không hề biết ông là ai, tôi cũng không hiểu ông muốn gì?

Người da đen tiếp:

— Ông quên rồi ư, Trung úy Vedie đồn Bezi?

Vị sĩ quan giật mình, vừa nhìn kỹ hắn, vừa moi óc tìm lại những kỷ niệm. Chợt ông hỏi:

— Timbuctoo?

Người da đen vỗ đánh bộp vào đùi mình, cất tiếng cười to:

— Phải, Trung úy còn nhớ Timbuctoo! Timbuctoo chào Trung úy.

Vị Đại úy đưa tay cho hăn bắt. Hăn nắm lấy tay ông và lệ làng đặt lên đây một cái hôn, theo phong tục người da đen và Ả Rập. Đại úy có vẻ không bằng lòng, nghiêm giọng nói:

— Timbuctoo, chúng ta không phải ở Phi Châu. Người hãy ngồi kia và thuật cho ta rõ tại sao ta lại gặp người ở đây?

Timbuctoo ngồi xuống, bụng hăn phình ra như cái trống:

— Timbuctoo ở đây, Timbuctoo có nhà hàng, Timbuctoo có tiền rất nhiều. Ngày trước, Timbuctoo đánh giặc giỏi, ăn cắp giỏi, làm bếp giỏi. Timbuctoo, đầu bếp của nhà vua...

Và hăn cười, co đầu, rút cổ, biểu lộ tất cả sự vui mừng cuồng nhiệt trong đôi mắt.

Câu chuyện kéo dài một lúc trong chuỗi cười ròn rã. Sau cùng, Đại úy nói:

— Thôi, từ giã Timbuctoo.

Tên da đen vội vã đứng dậy, siết chặt lấy tay Đại úy, và vẫn luôn luôn cười:

— Chào Trung úy, chào Trung úy.

Hăn bước đi, lấy làm khoái chí nên vừa đi vừa múa may như một gã điên.

Khi hăn đi rồi, vị Đại tá mới hỏi:

— Con quái vật nào vậy?

— Một đứa bé can đảm và là một tên lính can đảm. Tôi sẽ thuật lại cho Đại tá rõ những điều tôi biết về hăn. Thật là quái lạ!

* * *

Đại tá đã rõ, khi chiến tranh 1870 bùng nổ, tôi bị vây hãm tại Bégières mà tên da đen khi này gọi là Bezi. Chúng tôi không bị tấn công mà là bị phong tỏa. Quân đội Thổ bao vây khắp nơi, ngoài tầm súng đại bác, và họ cũng không bắn vào chúng tôi. Họ chỉ cốt làm cho chúng tôi hết lương thực.

Lúc ấy tôi làm Trung úy. Bộ đội chúng tôi gồm có đủ các hạng người, góp nhặt những phần tử tản lạc của các Trung đoàn, những kẻ đào ngũ ở các bộ đội. Chúng tôi có đủ cả, cho đến mười một tên da đen chẳng biết ở đâu cũng đến xin nhập ngũ. Và tôi phải nhận họ theo lệnh trên.

Ngay đó, tôi biết họ là những kẻ không biết tuân kỷ luật là gì. Tôi đã trừng phạt họ đủ cách, nhưng vô ích. Ngày ngày, họ biến đâu mất, dường như họ có thể chun đầu dưới đất, để rồi trở về say mèm, đi không muốn vững. Họ không hề có tiền bạc, vậy họ uống ở đâu? Và làm sao uống? Và uống những gì?

Tôi rất đỗi ngạc nhiên, bắt đầu quan tâm đến họ. Tôi nhận thấy rằng họ có những chuỗi cười giòn tan bất hủ và tánh tình họ giản dị như trẻ con. Họ khuất phục và vâng lời một cách mù quáng kẻ lớn hơn hết trong bọn họ, là tên da đen lúc này mà Đại tá vừa thấy đó. Hẳn cai trị chúng tùy ý thích, chẳng khác nào một vị chúa tể hùng cường.

Một hôm, tôi gọi hẳn đến hỏi. Hẳn cố hiểu và cố đáp những lời tôi hỏi. Tôi đoán chừng hẳn là con của một vị chúa tể nào ở Timbuctoo. Tôi hỏi tên hẳn. Hẳn đáp một cái tên gì hình như là Cha-va-ha-bu-ha-li-ra-na-ta-bô-la-ra. Tôi phải lấy chỗ ở của hẳn mà đặt cho hẳn cái tên: “Timbuctoo”. Và chỉ vài ngày sau, tất cả bộ đội đều gọi hẳn với cái tên đó.

Nhưng tôi có tánh hiếu kỳ, muốn biết vị cựu hoàng tử Phi Châu ấy làm cách nào để có rượu mà nhậu. Tôi khám phá ra một cách rõ lạ lùng.

Một sớm, tôi ra đời quan sát tình hình, bỗng tôi thấy trong mấy bụi nho có vật gì rung động. Lúc ấy là mùa nho chín, mấy khóm nho đều trĩu quả. Tôi nghi có kẻ do thám vào thành và tôi bố trí một cuộc vây bắt kín đáo thủ phạm. Tôi đích thân chỉ huy cuộc vây bắt này, sau khi được lệnh Thiếu tướng.

Lập tức, tôi đem ra ba tiểu đội do ba ngõ khác nhau, sẵn sàng để bao vây cả vườn nho. Để ngăn đường tháo lui của gián điệp, một tiểu đội phải đi gấp đến chặn ngõ ra. Một người ở lại đứng trên thành quan sát kỹ lưỡng và sẽ ra hiệu cho tôi biết hành động của tên do thám. Chúng tôi đi lặng lẽ, kẻ bò, người trườn, tránh những tiếng động có thể tố cáo cuộc hành binh bí mật. Đến chỗ định, đoàn quân túa ra bao vây cả khu vườn và bắt gặp... Timbuctoo đang bò giữa lùm nho, há miệng táp từng chùm nho tươi luôn cả cành lẫn trái.

Tôi muốn đỡ hấn dậy, nhưng hấn không nhúc nhích. Khi người ta dựng đứng hấn lên, hấn quay đi mấy vòng, đưa hai tay thẳng lên để rồi để rơi đánh bộp trên sọng mũi. Hấn đã say đứ đừ từ bao giờ.

Người ta khiêng hấn về trại. Dọc đường, hấn vẫn không ngớt cười giòn và múa may quay cuồng cả chân tay.

Đó là tất cả cái bí mật về sự trốn mất và sự say sưa của bọn chúng.

Một chiều, có người đến tìm tôi. Người ta thấy, qua cánh đồng xa, có vật gì đang tiến về phía chúng tôi. Tôi không kịp mang kính vào nên không phân biệt được rõ rệt.

Người ta bảo đó là một con rắn khổng lồ đang bò đi, hay là một đoàn xe vận tải, tôi nào biết được?

Tôi cho một tốp người đi thám thính. Đó là Timbuctoo và mười tên bộ hạ của hắn.

Thật là không ngờ! Những người bạn Phi châu của chúng ta vừa xuống đến nơi thì gặp ngay một tốp lính Phổ túa vào làng. Thay vì chạy mất, họ tìm chỗ ẩn; và khi tốp lính Phổ xuống ngựa vào chiếc quán bên đường nghỉ chân, họ vào quán giết sạch cả bọn, trong ấy có một Đại tá và năm vị sĩ quan.

Hôm đó, tôi ôm choàng lấy Timbuctoo. Nhưng tôi bỗng nhận thấy hắn bước đi có vẻ rất khó khăn. Tôi ngỡ hắn bị thương, hắn bật cười nói:

— Bữa nay Timbuctoo no quá, no quá!

Thì ra Timbuctoo đánh giặc không phải vì danh dự mà là vì mỗi lợi. Tất cả những gì hắn nhặt được, tất cả những gì đối với hắn có chút đỉnh giá trị, tất cả những gì chói rục dưới mắt hắn, hắn đều thồn vào túi. Và cái túi đây tức là cái vựa sâu chạy dài từ eo ếch hắn cho đến mắt cá. Hắn gọi đó là cái “sâu thẳm”, mà quả là cái sâu thẳm của hắn thật!”.

Hắn đã gỡ vàng trên những bộ quân phục Phổ, gỡ đồng trên những chiếc mũ, trên nút áo... và thồn tất cả những thứ ấy vào cái “sâu thẳm” của hắn. Mỗi ngày biết bao nhiêu vật bóng nhoáng bị chui vào vựa!

Hắn toan tính sẽ đem những vật ấy về xứ.

Có điều lạ là cứ mỗi buổi sáng dậy, hai túi hắn đều trống rỗng.

Hắn hắn có một nơi nào kín đáo để chôn giấu gia tài của hắn.

* * *

Mùa đông đã về. Chúng tôi đã cùng đường và tuyệt vọng. Chiến trận xảy ra mỗi ngày mà những người của tôi thì đói lả, không còn đi được nữa. Chỉ có tám tên da đen (ba tên đã tử trận) thì vẫn béo bở, bóng nhoáng lúc nào cũng sẵn sàng để chiến đấu. Timbuctoo càng ngày càng mập. Một hôm, hăn nói với tôi:

— Ông đói lắm hả? Tôi thì thiếu gì thức ăn.

Rồi hăn đem cho tôi một miếng thịt nướng. Tôi không hiểu đó là thịt gì! Chúng tôi không còn bò, heo, cũng không còn trừa, ngựa, vậy hăn tìm đâu ra miếng thịt nướng này? Một ý nghĩ rùng rợn đến với tôi. Bọn này có lẽ sinh ra ở xứ mà dân họ thường hay ăn thịt người. Hằng ngày, biết bao nhiêu người chết chung quanh ta, biết đâu đó chẳng là những món ăn ngon lành của chúng? Tôi gạn hỏi Timbuctoo, hăn không đáp. Và từ đó tôi không nhận thức ăn nào của hăn nữa.

Dầu vậy, hăn vẫn mẫn phục tôi. Một đêm, sương rơi tầm tã. Chúng tôi đều phải ngồi dưới đất. Tôi đưa mắt nhìn mấy người bạn da đen của tôi phải dầm mình dưới làn mưa tuyết mà lòng cảm động bù ngùi. Tôi cũng cảm thấy lạnh và bắt đầu ho. Bỗng một chiếc áo của ai phủ nhẹ lên người tôi. Tôi nhìn rõ thì là chiếc áo lạnh của Timbuctoo. Tôi vội đứng lên, đưa trả chiếc áo cho hăn. Hăn khoát tay lia:

— Không, Trung úy giữ lấy mà đắp. Tôi ấm lắm, tôi không cần áo. Và hăn nhìn tôi với đôi mắt van lơn.

Tôi nghiêm giọng:

— Timbuctoo, người hãy cầm lấy, tôi muốn thế.

Tên da đen đứng lên, một tay rút mũi dao trong lưng ra, một tay tiếp lấy chiếc áo tôi vừa trao:

— Nếu Trung úy không chịu giữ, tôi sẽ cắt bỏ, chúng ta sẽ không ai giữ cả.

Tôi biết rằng hắn sẽ cắt thật, nên đành chiều theo hắn vậy.

* * *

Tám ngày sau, đồn chúng tôi bị đánh thủng. Vài người trong đồn trốn khỏi, còn bao nhiêu đều đầu hàng quân giặc.

Tôi trở về hành dinh để họp mặt với bộ chỉ huy. Bỗng tôi hết sức ngạc nhiên thấy trước mặt một tên da đen cao lớn, vận đồ trắng và đội một chiếc nón rơm. Rõ ràng là Timbuctoo. Hắn có vẻ đặc ý, hai tay thọc vào túi quần, đi qua đi lại trước một cửa tiệm.

Tôi hỏi hắn:

— Timbuctoo, người làm gì đó?

Hắn đáp:

— Tôi, không tổ quốc, tôi đánh giặc để cướp bóc cho thật nhiều, thật nhiều...

Rồi hắn nắm tay tôi kéo vào tiệm. Tôi ngẩng đầu nhìn lên và thấy một tấm bảng to tướng treo trước ngõ vào:

Nhà hàng nhà binh của Mơ-xừ TIMBUCTOO

Đầu bếp cũ của nhà Vua

Nghệ sĩ thành Ba-Lê

GIÁ PHẢI CHĂNG

Mặc dầu thất vọng, tôi không khỏi phì cười. Và tôi để yên cho tên da đen của tôi sang qua cái nghề mới của hắn.

NHỮNG VÌ SAO

-

CON DÊ CÁI CỦA CỤ SĨ HUỖNH (*Alphonse Daudet*)

ALPHONSE DAUDET (1840-1897) là nhà văn Pháp sinh tại Nimes năm 1840 và mất tại Ba-Lê năm 1897. Ông là một trong ba nhà văn nổi bật nhất của phái Tự Nhiên: Émile Zola, Alphonse Daudet, Guy de Maupassant.

Ông từng làm thơ, viết kịch, sáng tác tiểu thuyết. Ông thành công rực rỡ ở địa hạt thứ ba, đặc biệt về loại truyện ngắn. Những truyện dài của ông như: Tartarin, Tartarin sur les Alpes, Sapho... được nhiều độc giả ưa thích, nhưng chính những truyện ngắn của ông như: Lettres de mon Moulin, Les contes du Lundi... mới thật sự đưa ông lên đài vinh quang nghệ thuật.

Trong số những truyện ngắn đặc sắc của Alphonse Daudet, chúng tôi chọn lọc hai truyện vô cùng thâm thúy để giới thiệu với bạn đọc, đó là truyện NHỮNG VÌ SAO và truyện CON DÊ CÁI CỦA CỤ SĨ HUỖNH. Hai truyện thể hiện hai bản sắc, một gợi cảm và một gợi suy tư. Cả hai đã nói lên chân tài của Alphonse Daudet về nghệ thuật kể chuyện tài tình.

NHỮNG VÌ SAO

Lời thuật của chàng mục đồng xứ Provence:

Hồi tôi còn chăn cừu ở miền Luberon thuộc dãy núi Alpes, tôi đã sống chuỗi ngày êm ả, thanh nhàn với đàn cừu dễ thương, với con chó Labri trung thành, với ổ rơm ấm và lương khô. Đời kẻ chăn cừu miền sơn dã là đời cô đơn với cỏ nội hoa hèn, giữa ngàn sao sáng.

Thỉnh thoảng, nhà ẩn sĩ ở núi Ure đi ngang qua hoặc mấy chú làm than ở Piémont về kiếm củi. Nhưng đó là những tâm hồn mộc mạc, họ quen với cảnh săn dã, tánh tình họ cũng hóa ra trầm tĩnh, không còn ham nói và cũng không biết mảy may gì về những chuyện xảy ra dưới thị thành. Gặp tôi, họ gật đầu để đáp lại lời chào, mắt họ nhìn biểu lộ sự thăm hỏi qua loa và kín đáo. Đời sống bình dị quá, chúng tôi không còn gì để tâm sự với nhau.

Qua những phút gặp gỡ ấy, tôi lại tiếp tục cuộc sống trầm lặng bên cạnh cuộc sống dao động của đàn cừu, sự sống âm thầm bí mật của sơn khê trùng trùng điệp điệp. Hàng ngày, đàn cừu ngoan ngoãn gặm cỏ non ở sườn đồi, có khi dại dột xông vào bụi cây gai. Có khi chúng lại đùa giỡn bên khe, rủi lỡ chân một tí thì rơi ngay xuống dòng thác lũ. Chúng giống như đám trẻ ngây thơ khờ dại. Động một chút là mồm chúng kêu ó lên, tôi đã quá quen thuộc với thứ nhạc hỗn loạn ấy rồi.

Các bạn ơi, những lúc trông thấy cỏ non mơn mớn, cây xanh ngút ngàn, bướm bướm vờn hoa, nghe tiếng suối róc rách lưng đồi, tôi cảm thấy tâm hồn phiêu diêu, lơ lửng. Tôi bỗng nhớ đến một người, nhớ thật nhiều và tha thiết.

Lâu lâu, nhớ những người lảng giềng dưới thung lũng, tôi leo lên mỏm đá cao nhìn xuống chân núi, cố tìm vài bóng dáng thân yêu. Tôi chỉ thấy gác chuông nhà thờ, khu chợ nhỏ, mái trường làng, cái trại của chủ tôi với con rạch nhỏ uốn quanh. Tất cả chỉ là những chấm nhỏ, những vệt mờ trong sương chiều hoặc nắng sớm. Rất tiếc, tôi không thể bỏ đàn cừu để xuống thăm làng quê trong chốc lát.

Cái trại kia nào phải của tôi đâu, vậy mà tôi thấy nhớ nó ghê! Nghe thông reo trên đỉnh núi mùa hè, tôi nhớ đến mùa đông dưới trại. Cây thông đứng trơ mình sau trại, cạnh chuồng bò, reo vang giữa ngàn hoa tuyết trắng rơi rơi... Trên đỉnh non cao này, cây thông đã reo vang trong lòng tôi suốt cả mùa hè. Cho đến khi có trận mưa đầu thu, tôi lo đuổi đàn cừu về trại. Mưa càng nhiều, cỏ càng xanh tươi, đàn cừu mặc sức ăn, mặc sức nô đùa. Mùa đông qua, mùa xuân đến. Dân làng thường tổ chức những buổi dạ hội, treo đèn kết hoa, tưng bừng rục rờ. Họ mổ bò thết nhau, uống rượu và khiêu vũ. Cô con gái của chủ tôi khiêu vũ mãi. Cô vui vẻ với mọi người, chỉ trừ tôi ra. À quên, cô nào thấy tôi đâu? Tôi nấp sau lưng thiên hạ. Tôi cũng muốn ra sân cỏ, nắm tay các cô gái xinh xinh, quay tròn theo điệu nhạc, nhưng chiếc áo tôi cũ và rách, tôi thẹn quá chỉ đứng xem mà thèm thườn, ao ước.

Đến nửa mùa xuân, tôi đuổi đàn cừu lên núi. Vẫn con đường mòn quen thuộc, nhưng rừng cây hình như vừa thay lá. Cỏ non, cánh bướm, ngàn hoa...

Đời kẻ chẵn cừu thật là êm đềm, bình thản. Tôi chỉ có một an ủi là cứ độ nửa tháng, tôi ra đường mòn xuống núi, chọn một phiến đá sạch ngồi chơi và chờ đợi. Tôi chờ đợi tiếng lạc của con la vang lên từ dưới triền núi con la chở đồ ăn cho tôi mỗi kỳ hay trông chừng chiếc mũ chóp của thằng tiểu đồng dưới trại hoặc vành khăn mỏ két của dì Norade.

Mỗi tháng hai kỳ, chủ tôi cho người mang lương khô lên cho tôi. Gặp thằng bé con lém lỉnh hay dì Norade hiền lành, tôi đều vui mừng thành thật. Ở đây, tôi chỉ nghe tiếng kêu của đàn cừu, có ai đâu để chuyện trò cho thỏa thích? Này nhé, tôi bắt họ thuật lại những tin tức dưới làng, những cuộc lễ rửa tội, những đám cưới xin, ông xã trưởng hay nhậu say túy lúy, ông bác sĩ hay đánh xe đi thăm bệnh nhân, nhất là cô con gái nhỏ của chủ tôi, cô Stéphanette. Có lẽ cô chủ nhỏ tôi vẫn thắt chiếc nơ màu hồng, vẫn đi dự những buổi dạ hội có khiêu vũ, vẫn thường vui cười với bọn trai trẻ trong làng. Tôi còn lạ gì các cậu ấy, hễ trông thấy cô Stéphanette đâu là lập tức bu quanh để tán tỉnh, để khen cô đẹp nhất làng...

Nếu dì Norade hóm hình hỏi:

— Cô Stéphanette có ăn thua gì đến kẻ chẵn cừu? Cậu hỏi thăm cô ấy làm chi?

Tôi đỏ mặt nhưng cố can đảm đáp:

— Cô chủ nhỏ của kẻ chẵn cừu! Tôi đã hai mươi tuổi rồi, nàng là cái gì đẹp đẽ, quý báu nhất đời, tôi không hỏi thăm nàng thì còn hỏi ai đây?

* * *

Một bữa chúa nhật, tôi đang nóng đợi kỳ vận lương thường lệ, vì lần này đồ ăn đến trễ. Buổi sáng đợi mãi mà không thấy, tôi đã tự nhủ: “Có lẽ tại người ta bận đi lễ”. Đến trưa, trời mưa dông, tôi cho là tại con la không thể lên đường được vì cơn mưa. Sau cùng, vào lúc ba giờ, trời đã quang đãng và sườn núi đã lấp lánh ánh mặt trời. Nền trời bao la, xanh biếc. Tôi nghe, qua tiếng nước rót thánh thót ở mấy cành lá và tiếng rạch tràn vì quá ngập, tiếng lạch reo vang của con la như tiếng chuông đổ trong ngày lễ Phục Sinh.

Tôi lấy làm ngạc nhiên là lần này không phải là thằng tiểu đồng mang lương thực cho tôi, cũng không phải dì Norade với cái miệng móm xòm. Các bạn thử đoán xem người đó là ai? Người đó, các bạn ơi! Chính là nàng, cô bé Stéphanette, cô chủ nhỏ yêu quý của tôi.

Tôi mở mắt mà ngờ mình chiêm bao. Tôi dụi mắt, nhìn cho tận tường, người đẹp đang ngồi giữa những bao bằng miên liễu, vẻ mặt nàng tươi hơn cỏ hoa, tóc nàng phất phới như gió quuyến mây ngàn. Tôi mừng quá, rừng cây xanh hình như cũng mừng với tôi.

Tôi cầm tay nàng đỡ xuống đất, rồi đem theo bao đồ ném vào hang đá, cạnh ổ rơm. Cô chủ nhỏ theo bên tôi, hí hờn kể chuyện: thằng nhỏ ở phải bệnh, dì Norade về quê nhà, và sở dĩ cô đến trễ là vì một trận mưa rào ác ôn làm cho cô lạc đường. Nhưng mà tôi có dễ tin như thế đâu? Cứ trông cô mặc đồ lễ, cái giải băng hồng viền quanh mái tóc vàng óng ả, cái váy màu xanh tươi tắn với những sợi ren, đóa hoa hồng đỏ thắm cài trên tóc, cái thập giá vàng lấp lánh trên bộ ngực căng tròn như trái đồi. Và còn nữa, đôi môi nàng như còn dư vị của những phút vui chưa trọn vẹn, đôi mắt nàng như gởi vào đâu đâu, xa xôi, diệu vợi... Tất cả đã tố cáo rằng nàng đã nói

đối, nàng có vẻ đến từ một cuộc khiêu vũ nào hơn là vừa lạc lối trong bụi rậm giữa cơn mưa.

Tôi biết rằng nàng rất đẹp, rất duyên dáng, rất khả ái, khiến cho bọn con trai luôn luôn bao quanh làm cho nàng chậm chân, rồi đến trễ, rồi nói dối. Nhưng tôi không hề giận nàng, tôi chỉ biết rằng tôi yêu, Sơn Thần đã chứng minh cho lòng tôi.

Stéphanette, nàng tiên của mục tử!

Hỡi cô bé dễ thương! Tại sao mắt tôi nhìn cô mà không biết chán! Không lần nào tôi thấy cô đẹp như lần này. Mái tóc buông lơis xuống đôi vai tròn, đôi môi mọng đỏ như chùm nho, cái ngực tròn như quả đồi, ngón tay thon thon như chiếc đũa của bà tiên. Thật ra, lâu nay chưa lần nào tôi có dịp đứng gần nàng, nhìn tận mắt nàng để ngắm nàng cho thỏa thích. Có những lúc đông về, khi đàn cừu đã về trại và tôi về đồn điền để dùng bữa, tôi thường thấy nàng thoăn thoắt đi ngang qua phòng ăn, nhưng nàng là cô chủ, tôi là kẻ ở, nàng có khi nào nói với tôi một lời? Có lần đang ở sau trại, trông thấy nàng ra cửa, tôi vội vàng nhìn theo thì bóng nàng đã khuất sau hàng giậu xanh. Tôi thấy nàng có vẻ kiêu kỳ làm cho tôi khó chịu. Nhưng lần này, cô chỉ đứng đối diện trước mặt tôi. Vẻ mặt nàng rất hiền từ, đôi môi nàng có một thứ gì rất duyên dáng. Tôi tưởng như lúc bấy giờ nàng là của riêng của tôi và tôi thấy tâm hồn tôi rộn lên những cảm xúc sôi nổi và phức tạp.

Tôi đang sống trong cảnh nửa thực nửa mộng, bỗng Stéphanette cất tiếng gọi tôi:

— Đây mục tử, anh đưa tôi đi xem dinh thự của anh đi.

Nàng đưa tay vén váy lên cho khỏi vướng, rồi kéo tôi lần vào hang đá. Nàng xem qua chỗ tôi nằm ngủ, thùng đựng cỏ với da trều, áo choàng tôi treo trên tường, và cả đến cây súng gỗ của tôi máng

trên vách đá. Dường như lấy làm vui thích, nàng nhìn tôi nhoen cười:

— Anh ở nơi này hả, mục tử?

Không đợi tôi trả lời, nàng hỏi tiếp:

— Sống cô độc nơi non cao hiu quạnh này, chắc là buồn lắm phải không anh? Anh thường làm gì? Anh thường nghĩ gì? À quên, anh thường nhớ tới ai?

Tôi muốn trả lời: “Tôi thường chăn cừu cho cô, tôi không có gì phải nghĩ ngợi, tôi thường nhớ tới cô, nhớ tha thiết, chẳng những nhớ mà còn thương cô nữa là khác”. Nhưng tôi bối rối, không thốt được ra lời. Tôi hồi hộp quá, có cái gì chận nghẹt cổ tôi.

Thấy tôi lúng túng, nàng cười vang lên, đầu hơi nghiêng nghiêng, mắt biếc lóng lánh như những vì sao. Ôi, mắt nàng đẹp hơn cả ngàn sao sáng.

Nàng tinh nghịch đùa:

— Này mục tử, anh có cô bạn gái nào thường lên núi thăm anh không? Có con chiên vàng và nàng tiên Estérelle thường ngao du trên đỉnh núi để phò hộ cho anh chớ?

Nghe nàng hỏi, tôi muốn trả lời rằng tôi không hề quen biết với cô gái nào khác hơn là nàng, tôi cũng không hề gặp gỡ Estérelle tiên nữ của toàn thể mục nhân. Tôi chỉ biết nàng là tiên nữ của lòng tôi. Nhưng tôi lại ăm ứ, vẫn có cái gì chận nghẹt cổ, không thể thốt thành lời.

Tôi đỡ nàng lên lưng la. Nàng mỉm cười hóm hỉnh:

— Tạm biệt mục tử nhé. Bao giờ gặp nàng ấy, nhớ bảo rằng tôi có lời nhắn thăm. Tạm biệt!

— Chào cô chủ.

Nàng vui vẻ bước đi, bóng nàng khuất sau một lối đường mòn. Tôi dường nghe tiếng sỏi đá rên rỉ dưới cẳng la, vang dội vào tim tôi. Tôi giữ cái cảm giác ấy rất lâu, dư âm tiếng lạc reo như còn vương vấn mãi. Thế là hết, mới lúc này một bàn tay nắm lấy một bàn tay, đôi mắt nhìn nhau, nụ cười hồn nhiên bên nụ cười e ấp, vụng về. Tất cả thoáng qua như một giấc mơ hoa.

Bỗng tôi thấy dưới đường một cánh hoa hồng lặn lóc. Phải rồi, đó là đóa hồng nàng cài trên tóc. Tôi cúi xuống nhặt đóa hoa, thở dài thương cho hoa và cũng thương cho mình.

Tôi ngồi xuống phiến đá, nâng niu đóa hoa hồng. Trong sự tĩnh mịch của buổi chiều tà, tôi lắng nghe lòng mình băng khuâng chua xót. Tôi không dám cử động, sợ rằng cái phút giây êm ái đó tan đi. Tôi mơ màng hình dung một nàng con gái đẹp như hoa xuân, nhanh nhẹn như cừu non. Rừng núi lặng im như cùng tôi tưởng nhớ đến nàng. Tôi đưa đóa hồng lên môi, mơ hồ không biết là hôn hoa hay hôn nàng, hương hoa hay là hương mái tóc nàng còn quyện trên môi tôi. Tôi chỉ biết là tôi yêu nàng, và tôi hôn là vì nàng chớ đâu phải vì hoa.

* * *

Stéphanette đã hai mươi tuổi. Đối với tôi, nàng là cái đẹp nhất trần đời.

Màn đêm buông xuống. Thung lũng đang nhập ánh chiều vàng bỗng biến thành một vực đen thăm thẳm. Con chó Labri đuổi đàn cừu vào chuồng lúc nào tôi không hay. Tôi mãi mơ màng, nhưng nhớ đến hình dáng ai kia.

Ngày đã tàn. Khung trời mờ sương, rừng xanh lạnh lẽo, những vì sao lốm đốm trên nền trời. Tôi buồn quá nhưng tôi không khóc. Khóc làm gì chớ? Tôi muốn cất lên vài câu ca tình tứ, nhưng lòng tôi tràn ngập tình thương nỗi chua xót làm lưỡi tôi tê lại.

Qua cơn gió thoảng, tôi nghe như có tiếng ai gọi tôi. Tôi nín thở, lắng nghe. Phải rồi, có tiếng gọi tôi, nhưng biết đâu chẳng là tiếng vang của núi rừng âm u, huyền bí. Tiếng gọi trở nên vồn vã, cấp bách:

— Mọc tử ơi! Mọc tử ơi!

Tôi vội vàng chạy ra con đường mòn xuống núi. Trời ơi! Ai mà ngờ trước được? Cô chủ nhỏ của tôi đây mà. Quần áo của nàng ướt hết. Nàng đi bộ, tay nắm cương la, dáng đi trông thật là thiếu nảo. Nàng run rẩy ngã vào lòng tôi. Trong bóng đêm mờ, tôi thấy thương hại nàng quá. Nào vẽ kiêu kỳ, nào điệu bộ nhí nhảnh đều biến đâu mất, chỉ còn lại đôi mắt biếc mờ như sao nhạt, đôi môi mếu xệch thật đáng thương.

Có lẽ đến cuối sườn non, nàng thấy rạch tràn nước sau trận mưa dông nàng không thể tìm lối nào khác để trở về đồn điền, nên đành trở lên núi. Và có lẽ nàng cũng đã sẩy chân và suýt chút nữa là lâm nạn.

Nàng gục đầu vào vai tôi, khóc thút thít. Tôi tìm lời an ủi:

— Thôi nín đi cô. Cô khóc mãi thì tôi cũng khóc theo, rồi còn ai đâu mà dỗ dành cho hai đứa?

Stéphanette mỉm cười nhìn tôi, lệ chưa ráo mắt:

— Mọc tử, anh đưa tôi về nhé?

— Không được đâu. Tôi đi thì bỏ đàn cừu lại cho ai? Vả lại, đi đêm trong rừng, lỡ lạc lối thì nguy lắm. Lại còn thác lũ nữa, lỡ chân

một tí là toi mạng ngay.

Nghĩ đến sự lo ngại của người nhà và sự phải ở lại trọn đêm trên đỉnh non cao, Stéphanette sợ sệt, sụt sịt muốn khóc nữa. Tôi tìm cách dỗ dành:

— Tháng bảy, đêm rất ngắn, cô chủ à...

Tôi dẫn nàng đến cửa hang đá, nhóm ngọn lửa, cho nàng sưởi ấm và hong bộ lễ phục đẫm ướt. Tôi đem cho nàng nào sữa, nào phó mát, nàng khẽ đẩy nhẹ tay tôi, lắc đầu. Dưới ánh lửa hồng, mắt nàng long lanh ngấn lệ chứng tỏ nàng vẫn khóc tự nãy giờ. Tôi bùi ngùi, muốn khóc òa theo. Nể lời tôi lăm, nàng mới chịu uống ít sữa nhưng không chịu ăn. Chúng tôi ngồi yên lặng bên nhau, không biết được bao lâu.

Rồi đêm đến. Ngàn sao lấp lánh trên nền trời đen. Tôi vào ổ rơm, lấy tấm da cừu mới tinh trải trên thảm cỏ cho nàng nằm. Tôi mời nàng vào. Có lẽ do thói quen khi còn ở trong gia đình, nàng hồn nhiên níu vai tôi, chìa má cho tôi hôn và chúc tôi ngon giấc.

Tôi lão đảo như người say rượu. Sơn Thần hãy chứng minh cho lòng tôi. Mặc dù tôi yêu nàng tha thiết, mặc dù lửa tình đang bốc cháy trong lòng, tôi không hề có chút ẩn ý hay tà tâm. Tôi chỉ thấy sung sướng và hãnh diện được che chở người mình yêu trong một đêm lỡ bước.

Bên chỗ nàng nằm, mấy con cừu non ngơ ngác nhìn nàng. Chúng làm sao biết được đây là nữ tiểu chủ của chúng? Riêng tôi, nhìn đàn cừu, tôi bỗng có một ý tưởng ngộ nghĩnh. Tôi tưởng tượng cô Stéphanette là một con chiên quý giá nhất, đẹp đẽ nhất và trong trắng nhất mà chủ nhân đã giao phó cho tôi bảo vệ một đêm thôi.

Tôi ngồi nhìn ngọn lửa hồng nhảy múa trong màn đêm... Trên đầu tôi, ngàn sao mở hội. Ngàn sao như đăm hơi nước, lóng lánh

như kim cương. Gió quét sạch mây đen. Bầu trời đầy sao, bao la như tình kẻ chăn cừu.

Có tiếng chân nhè nhẹ đến gần tôi. Tôi ngảnh đầu lại. Thành linh cánh liếp giở lên và cô Stéphanette hiện ra. Nàng bảo rằng nàng không thể ngủ được vì mấy con thú cứ cựa mình sột soạt hoặc be be từng hồi. Và lại, trong ô rơm hơi nóng, nàng thích ra ngoài cho mát.

Tôi thêm vài que củi. Ngọn lửa cháy bùng lên, nhảy múa chập chờn. Stéphanette ngồi xuống cạnh tôi, ghé sát vào người tôi. Thỉnh thoảng, nàng quay lại nhìn tôi và cả hai cùng cười vợ vắn.

Đêm càng khuya, sương xuống nhiều. Sợ nàng lạnh, tôi lấy miếng da cừu của tôi choàng lên vai nàng rồi dùng một que củi khêu cho ngọn lửa cao lên. Chúng tôi ngồi bên nhau, im lặng.

Bạn ơi! Có khi nào bạn thức ngoài trời, giữa một đêm sao sáng? Những đêm ấy, bạn sẽ thấy trong lúc chúng ta ngủ, một thế giới huyền bí đang sống dậy trong cảnh cô đơn. Những ngọn lửa nhỏ lập lòe khắp đó đây, những vị Sơn Thần tự do đi lại. Lại có những tiếng động nhỏ nhỏ đến không thể nghe nhưng khiến cho ta có cảm giác như nghe cây cỏ đâm chồi, ngàn hoa nảy lộc. Ngày là đời sống của muôn người, đêm là đời sống của vạn vật. Nếu ta không quen với thế giới huyền bí đó, ta sẽ mất cả sự bình tĩnh và đâm ra sợ sệt.

Bỗng có tiếng cành khô gãy kêu rảng rặc và tiếng hú lạnh lạnh từ rừng sâu vang lại. Cô Stéphanette hoảng sợ, ôm chầm lấy tôi. Tôi dịu dàng đón nàng trong vòng tay.

Một vì sao xẹt ngang đầu chúng tôi. Tôi vội vàng làm dấu thánh giá. Stéphanette cũng bắt chước làm theo, mặt lộ vẻ nhớn nhác, sợ hãi. Nàng lại nép sát vào người tôi.

— Gì thế hả anh?

— Một linh hồn vừa lìa khỏi xác để lên Thiên Đàng.

— Ghê quá! Anh có sợ không?

Tôi mỉm cười, lắc đầu. Đôi mắt thiếu nữ sáng lên. Nàng thì thầm qua hơi thở dồn dập:

— Mục tử à, có ma hay không, hử anh?

Tôi muốn trấn tĩnh nàng nhưng vô tình làm cho nàng thêm sợ:

— Có lẽ không có ma. Đêm nào tôi cũng thức canh chừng đàn cừu mà nào có thấy ma đâu. Nhưng nếu có Thần Núi, Thần Sông, thì chắc có quỷ. Nếu không có quỷ thì có ông thần để làm gì chớ?

Stéphanette ngoan ngoãn như một con chiên, gật đầu tỏ vẻ đồng ý với luận điệu ngây ngô của tôi. Nàng ngảnh mặt lên không, có vẻ trầm mặc. Đột nhiên nàng hỏi:

— Mục tử này, có phải các anh đều là phù thủy cả không? Anh có biết pháp thuật không? Anh cứ nói thật đi, tôi không sợ đâu.

Tôi bật cười, ôm chặt nàng trong vòng tay:

— Không, cô à. Cũng như những người dưới đồng bằng, chúng tôi nào biết pháp thuật gì đâu. Ở đây, trên đỉnh non cao, chúng tôi sống gần với các vì sao, nên chúng tôi thấy rõ hơn mọi việc ở trên trời. Kìa, sao Thánh Giam...

Stéphanette tựa mạnh vào tôi, đôi mắt nàng vẫn nhìn lên không, đôi mắt nàng dưới ngàn sao chỉ còn là hai chấm đen:

—Ồ nhiều quá! Đẹp quá! Ở dưới ấy, không bao giờ tôi thấy được nhiều sao như vậy.

— Đây này, ngay trên đầu chúng ta, vệt sáng rộng và kéo dài, đó là con đường của Thánh Jacques (Ngân hà). Đường đó đi từ Pháp sang Tây Ban Nha. Thuở xưa, Thánh Jacques vẽ con đường đó để chỉ lối cho Charlemagne đem binh chinh phạt quân Ả Rập. Kìa là

“chiếc xe linh hồn” với bốn cái trục sáng. Cô có thấy những vì sao bao bọc quanh chiếc xe chẳng? Đó là những linh hồn mà Thượng Đế không chịu rước. Xuống thấp kia là sao Bắc đẩu trông giống như cái bánh lái. Sao này hướng dẫn dân chài ra khơi đánh cá.

— Lạ quá! Anh kể tiếp cho tôi nghe đi.

— Còn nữa. Nghiêng nghiêng trên đỉnh đầu chúng ta, trông sáng rỡ như bó đuốc đang cháy, đó là sao Thiên Lang. Nó là ngọn đuốc của các vì tinh tú. Người ta kể một sự tích như vậy: một đêm Sao Thiên Lang cùng Sao Lạp Hộ và Sao Kim Ngưu được mời đi ăn đám cưới. Sao Kim Ngưu háu ăn hơn hết vội vã đi trước, cho nên nó lên cao nhất. Sao Lạp Hộ lật đật chạy theo gần kịp, chỉ có Sao Thiên Lang vì lười biếng bị rơi lại sau cùng. Hẳn ta nổi giận, lấy gậy phang vào đầu Sao Lạp Hộ, vì vậy mà Sao Lạp Hộ cũng có tên là “Cây gậy của Thiên Lang”.

Stéphanette ngây thơ hỏi:

— Ngôi sao mà cũng có đám cưới, cũng lấy nhau như mình à?

— Ừ, sao cũng lấy nhau như chúng mình lấy nhau vậy. Đây, trông theo tay tôi, vì sao sáng nhất, đẹp nhất là sao của chúng tôi đây: Sao Mộc Đồng. Nó chiếu sáng khi rạng đông, lúc chúng tôi mở chuồng đuổi đàn cừ non đi ăn; nó chiếu sáng khi về chiều, lúc chúng tôi đuổi đàn cừ về chuồng.

— Không, nàng Maguelonne đấy mà.

— Đúng thế. Sao Mộc Đồng cũng gọi là sao Maguelonne (tức Sao Hôm). Cô Maguelonne đẹp tuyệt trần sánh duyên cùng chàng Saturne (Thổ Tinh), bảy năm hai kẻ yêu nhau mới được gặp nhau một lần...

— Tội nghiệp họ quá! Tại sao bảy năm họ mới được gặp nhau, hả anh?

— Saturne là một chàng mục tử ở xứ Provence này. Chàng nghèo như tôi vậy, còn nàng Maguelonne thì giàu có như...

Tôi định kể tiếp câu chuyện tình bi đát của hai vì sao yêu nhau, chờ nhau, chờ suốt bảy năm, nhưng bỗng có cái gì êm ái đè nhẹ trên vai tôi. Thì ra cô nàng đã thiu thiu giấc mơ, đầu ngã vào tôi, giải băng và mái tóc nàng phất phơ trước gió. Mặc đầu nằm trong cánh tay tôi nhưng có lẽ hồn nàng đã về đồng bằng hay phiêu du trong mộng đẹp.

Ngực nàng lên xuống đều đều, hơi thở nàng thơm như sữa, hơi ấm trong người nàng truyền sang tôi. Lòng tôi rộn rục, đắm đuối mỗi tình đầu...

Stéphanette, tôi yêu nàng! Tôi muốn hôn đôi mắt đẹp đang khép lại, tôi muốn hôn đôi má đào mơn mớn thơm mùi sữa, tôi muốn hôn đôi môi ngọt ngào mọng đỏ đang kề gần môi tôi. Có lúc, cảm lòng không đặng, tôi suýt bộc lộ tình yêu tha thiết, nồng cháy của mình.

Trên đầu tôi, ngàn sao vẫn rục rờ. Ngọn lửa tàn dần rồi tắt hẳn.

Tôi bỗng có ý tưởng lạ kỳ và ngộ nghĩnh. Tôi mừng tượng như nàng là một vì sao lạc đường rơi xuống đây, dựa vào vai tôi mà mơ một giấc mơ tiên giới...

Đêm đen thăm thẳm nhưng tâm tình tôi dần dần sáng đẹp. Ngàn sao lữ lượt đi về chân trời như đàn cừu ngoan ngoãn kéo nhau về cánh đồng xa. Màn sương phủ kín như lớp bụi mù. Tôi ngồi lặng im, bất động, sợ một cử động nhỏ sẽ làm cho người mình yêu mất giấc ngủ ngon, cho đến lúc các vì sao mờ dần trong cảnh đêm về sáng, nhường bước cho bình minh quang đãng trở về...

CON DÊ CÁI CỦA CỤ SĨ HUỖNH

Cụ Sĩ Huỳnh không bao giờ được vui lòng với mấy con dê cái của cụ. Cụ đã mất mấy con rồi, và mấy con đó cùng mất một cách như nhau: một buổi sớm chúng lên nhà trốn lên rừng và ở đấy chúng làm mồi cho lũ sói. Cách đối đãi âu yếm của chủ, luôn đến cái tánh sợ sói của chúng, tất cả những điều ấy không giữ được chúng. Hình như chúng toàn là thứ dê độc lập, chỉ thích trời rộng và tự do.

Hiền lành như cụ Sĩ Huỳnh rồi cũng phải kinh ngạc. Cụ không sao hiểu tánh tình chúng. Cụ lo ngại:

— Thôi, mấy con dê nó chán nhà tôi mất rồi, tôi không thể giữ lấy một con.

Tuy nói thế, cụ vẫn không nản chí. Mất luôn sáu con một cách như nhau, cụ mua con thứ bảy. Và lần này cụ chọn lấy một con thật bé để nó tập quen với nhà cụ.

Ồ! Con dê bé của cụ mới đẹp làm sao! Đôi mắt nó dịu hiền, chòm râu như là râu của một vị hạ sĩ quan, móng cẳng nó đen và bóng, cặp sừng vẫn vẹn và lông nó mượt như chiếc áo dài. Nó rất ngoan ngoãn dễ thương. Những lúc vắt sữa, nó đứng yên, không cựa quậy, không thọt cẳng vào thùng. Thật là đáng yêu quá.

Sau nhà cụ Sĩ Huỳnh có một miếng đất rào sơn trà. Cụ dành khu đất ấy cho nó. Cụ thận trọng cột nó vào một cái cọc, giữa một vùng cỏ tốt nhất, rồi thỉnh thoảng cụ lại đến thăm chừng. Con dê sống nhàn nhã trong khoảng vườn rộng, ăn uống rất ngon lành khiến cho cụ lấy làm sung sướng.

Ông già đáng thương ấy nghĩ thầm:

— Phải vậy chứ! Thật mới thấy có một con không chán ở nhà mình.

Nhưng cụ lằm. Con dê vẫn chán.

* * *

Một hôm, đưa mắt nhìn lên chốn non cao, con dê cái tự nghĩ:

— Chao ôi! Ta sẽ sung sướng biết bao, nếu ta được ở trên đó. Ta sẽ nhảy rong suốt ngày trong mấy rặng cây, không sợ dây xích này làm trầy cả cổ... Ta không phải là con lừa hay con trâu mà chịu an phận với đám cỏ trong vườn. Ta là dê, ta phải cần có khoảng trời xa rộng.

Từ hôm đó, dê thấy đám cỏ trong vườn sao mà lạt lẽo! Dê cảm thấy chán nản rồi nó ốm đi, sữa ít dần. Ngày ngày, nó lê sợi dây, ngẩng đầu về phía núi, cất lên những tiếng kêu buồn thảm.

Cụ Sĩ Huỳnh nhận thấy sự thay đổi của nó, nhưng cụ chưa hiểu vì chuyện gì. Một buổi khi cụ vừa vắt sữa xong, con dê quay lại nói với cụ bằng thổ ngữ:

— Cụ Sĩ Huỳnh, ở nhà cụ tôi buồn lắm, tôi muốn lên núi.

Cụ Sĩ Huỳnh kinh ngạc:

— Trời ơi!... Con này nữa!

Và cụ đánh rơi thùng sữa, ngồi bẹp trên đám cỏ, cạnh dê:

— Bạch Lê, con cũng muốn bỏ ta sao? Bạch Lê đáp:

— Phải, cụ Sĩ Huỳnh à.

— Ở đây thiếu cỏ cho con chằng?

— Không, cụ Sĩ Huỳnh à.

— Hay là vì con bị buộc ngăn quá? Con muốn nói dây ra không?

— Không cần, cụ Sĩ Huỳnh à.

— Khốn nạn chưa, con không biết có con chó sói trên núi sao?

Con sẽ làm gì khi nó đến?

— Tôi sẽ lấy sừng vít nó, cụ Sĩ Huỳnh à.

— Chó sói nó có sợ sừng con đâu. Nó đã ăn thịt biết bao là dê, sừng còn to gấp mấy của con. Con biết con Mỗm già ở đây năm rồi chứ? Nó mạnh và dữ là ngần nào, nó đối chiến với một con sói suốt đêm... để rồi sáng lại cũng bị con sói ăn thịt đó.

— Buồn thay! Con Mỗm đáng thương thay! Nhưng không sao, cụ Sĩ Huỳnh à, cụ cứ để tôi lên núi.

Cụ Sĩ Huỳnh thất vọng:

— Hỡi đấng Thượng Đế tối cao! Ngài làm sao với mấy con vật của tôi thế này? Lại một con nữa sắp bị sói ăn... Nhưng không, lần này ta sẽ cứu con, mặc dầu con không muốn. Ta sẽ nhốt con vào chuồng, như vậy mới khỏi sợ đứt dây và con mới ở luôn nơi này.

Dứt lời, cụ Sĩ Huỳnh bồng dê nhốt vào chuồng, khóa cửa lại hai vòng. Khốn thay, cụ quên đóng cửa sổ. Cho nên khi cụ vừa quay lưng bước đi, con dê sổng chuồng dong mất...

* * *

Dê lên tới núi. Mấy góc thông già hôm nay đẹp lạ lùng. Tất cả tiếp nó như tiếp một bà Hoàng hậu trẻ tuổi. Mấy cây giẻ gai cúi đầu mơn trớn nó. Mấy cây tước vàng vệt hai bên khi nó đi ngang. Đó đây mùi hương phảng phất.

Không còn dây, không còn cọc... Không còn có gì cấm cản nó. Nó tự do nhảy rong, tự do ăn cỏ... Chính nơi đây mới thật là cỏ, cỏ xanh mướt và cao khỏi sừng dê. Cỏ ngon lành thay! Cỏ có răng cưa có mùi vị... khác hẳn với thứ cỏ ở vườn. Lại còn hoa nữa! Mấy cây phong xanh cao nghệu, mấy cây lồng đèn đỏ rực, cả một rừng hoa đang tràn đầy nhựa tươi.

Con Bạch Lê say mê lẫn mình trong rừng cỏ, chạy lảng xãng; luồn lỏi trong đám lá rơi hoa rụng. Rồi thành linh nó vùng dậy, chao đầu về phía trước, vun vút chạy đi. Nó hí hờn đi khắp mọi nơi, khi thì dưới hố, khi thì trên đỉnh đá cao. Người ta tưởng có đến mười con dê của cụ Sĩ Huỳnh đang ở trên núi.

Vì con Bạch Lê không sợ gì cả.

Nó liền thoảng phóng qua mấy thác to, làm bắn tung tóe nước vào mình. Đến khi mệt, nó nằm dài trên đá, phơi mình dưới ánh nắng. Một lần, miệng ngậm một cành hoa trước, nó tiến đến một dốc cao trên sườn núi, nhìn về phía đồng bằng.

Nó nhận ra ngôi nhà của cụ Sĩ Huỳnh và khu vườn cỏ. Những cảnh ấy làm cho nó cười đến sa nước mắt. Nó nói:

— Nhỏ quá! Làm sao mình có thể sống được ở đây bấy lâu nay?

Than ôi! Mới đứng cao lên ngàn ấy, dê đã tưởng mình bằng trái đất!

Hôm đó thật là một ngày tươi đẹp nhất đối với dê cái của cụ Sĩ Huỳnh.

* * *

Thình lình gió trở lạnh và núi đồi thành màu tím. Chiều đến. Con dê cái giật mình!

“Chiều rồi à?”.

Và nó đứng lại, ngỡ ngác.

Hoàng hôn giăng một màn sương kín. Khu vườn cụ Sĩ Huỳnh chìm mất trong sương mù. Vài làn khói trắng còn tản mạn trên mái nhà con. Dê bỗng nghe tiếng lạc rung nho nhỏ của một đàn cừu trở về chuồng và cảm thấy một nỗi buồn man mác. Một con chim vỗ cánh bay về tổ, một chiếc cánh nó cạ sát vào mình dê. Dê nháy dựng lên, trong lúc từ trong núi vang lại những tiếng hú rợn người:

— Hú! Hú!

Nó nhớ đến sói. Suốt ngày mãi mê đùa giỡn, dê quên nghĩ đến sói. Bây giờ nó mới nhớ đến, và nó khẽ rùng mình.

Cùng lúc đó có tiếng cồng vang lên từ dưới thung lũng. Đó là tiếng cồng của cụ Sĩ Huỳnh hiền lành đang cố sức kêu gọi dê trở lại lần cuối cùng.

— Hú! Hú!... - tiếng sói kêu.

— Về mau! Về mau!... - tiếng cồng reo.

Bạch Lê muốn trở về nhưng nó nhớ đến dây, đến cọc, đến cái hàng rào, nó nghĩ nó không thể nào sống lại cuộc đời cũ. Thà ở lại...

Cồng không còn kêu nữa.

Con dê nghe tiếng lá động, nó quay lại. Trong bóng tối, nó thấy hai tai ngắn dựng đứng, cặp mắt chói sáng, long lanh... Chó sói!

* * *

Im lặng, con chó sói ngồi nhìn con dê trắng với vẻ thèm thuồng. Sói không gấp vì miếng mồi đã chắc mẫm trong tay nó. Khi dê ngoảnh lại, nó mới cất tiếng cười một cách hung dữ:

— Ha! Ha! Con dê của cụ Sĩ Huỳnh!

Rồi nó đưa lưỡi dài liếm quanh mép, ra vẻ đắc ý. Bạch Lê thấy nguy. Nó nhớ đến con Mồm già tranh đấu suốt đêm, để sang hôm sau làm mồi cho sói. Nó tự nghĩ: “Thà để cho nó ăn ngay bây giờ còn hơn!”. Nhưng dê bỗng đổi ý kiến. Đầu nó cúi thấp, sừng đưa tới trước, nó đã sẵn sàng để đối phó. Nó không hy vọng giết sói vì dê đời nào giết được sói nhưng nó muốn biết coi nó có sức chịu nổi bằng con Mồm hay không.

Con quái vật từ từ tiến tới và cặp sừng nhỏ bắt đầu chuyển động.

Ôi! Đáng thương thay con dê can đảm, nó đã cố hết sức chiến đấu. Hơn mười lần, nó làm cho sói phải lui ra để nghỉ mệt. Mỗi lần đình chiến như thế, con dê háu ăn vội vã gặm vài chòm cỏ xanh, rồi nó lại xông vào trận, miệng đầy cỏ.

Cuộc chống trả kéo dài suốt đêm. Nhiều lần cô dê của cụ Sĩ Huỳnh nhìn các vì sao trên trời, thầm bảo:

— Chà, miễn ta rán chịu đến sáng. Sao mờ dần.

Dê càng húc già, sói càng cắn dữ.

Vài tia sáng le lói hiện ở chân trời. Tiếng gà eo óc gáy. Con vật đáng thương kêu khê:

— Thôi rồi!

Nó không kịp sống đến sáng. Nó ngã mình xuống đất, với bộ lông đẹp đẫm máu...

Bấy giờ, con sói nhảy lên mình con dê nhỏ nhắn mà ăn thịt.

MẸ VÀ CON

(Alexis Tolstoi)

ALEXIS TOLSTOI (1882 1945) là nhà văn Nga sinh năm 1882 và mất năm 1945.

Ông viết văn từ khi còn niên thiếu nhưng nổi tiếng nhất vào thời Đệ nhị Thế Chiến, nhờ những tác phẩm phản ánh đúng hoàn cảnh lịch sử nước Nga lúc bấy giờ và thể hiện tinh thần yêu nước của toàn dân Nga chống kẻ thù chung.

Ông viết tiểu thuyết, kịch, thơ, nhưng sở trường nhất về loại tiểu thuyết. Chính ở địa hạt này, ông đã biểu lộ rõ rệt tài năng qua những văn phẩm được phổ biến khắp thế giới: Tuổi trẻ của NIKITA, Con đường thống khổ, Vàng đen, Pierre Đại đế.

Truyện MẸ VÀ CON là một trong những truyện đặc sắc của ông sáng tác thời Đệ nhị Thế chiến. Trong truyện này, ông đã trình bày một bối cảnh lịch sử khách quan, làm nổi bật tinh thần bất khuất của một dân tộc vùng lên dưới gót giày xâm lược. Toàn dân vùng lên. Cả những bà mẹ yếu đuối. Cả những trẻ thơ còn vô tư trong tuổi ngọc.



Họ đã nhạt nó trên đường. Mới thoáng nhìn, họ tưởng cô gái bé ấy đã chết, và Minh Kha vội lái xe sang một bên để tránh phải cán

chân nó. Nhưng nó ngẩng đầu, gió phất tung mái tóc nó như một mớ cỏ cháy. Minh Kha vội hãm xe lại. Ích Tôn đang ngồi cạnh hẳn vội nhảy xuống xe và cúi xuống nhìn cô bé:

— Trèo lên xe mau!

Cô bé rần cử động để trèo lên xe, nhưng nó té liền ngay xuống cạnh đấy, giữa con đường đầy bùn. Gương mặt gầy nhỏ bé, môi mi nửa khép, biểu lộ sự đau đớn và kiệt lực. Nó giống như một con chó con với sợi dây xích sắt mang ở cổ, bất động trước chiếc hàng rào kiên cố, nhìn người qua đường mà không thể buông ra một lời cầu khẩn.

Ích Tôn đưa mắt nhìn quanh, dưới những vầng mây ướn át mùa xuân, cánh đồng thật vô cùng quanh quẽ. Hẳn bỗng cô gái lên tay. Đầu nó nghiêng trên vai hẳn, nhưng bỗng nó rút đầu lại với một cử chỉ sợ hãi. Hẳn cảm thấy nó ốm yếu, mảnh khảnh, dường như bộ xương nó trống rỗng bên trong.

Ích Tôn đặt nó lên xe, trên một cái bao bằng vải sơn dầu, giữa hai thùng đạn dược. Xong xuôi, hẳn thót lên chỗ ngồi, đóng cánh cửa lỗ đố những vết đạn, ra lệnh:

— Lên đường! Đã trễ rồi! Minh Kha nói:

— Con bé ấy có lẽ ở gần đây. Mang nó theo làm quái gì?

Khi xe đã chạy được gần năm cây số, Ích Tôn mới trả lời với giọng càu nhàu và mệt mỏi mà lần đầu tiên người ta nhận thấy ở hẳn từ khi có chiến tranh:

— Thật là lạ lùng cái tư tưởng của anh!

Bỏ đường cái, họ tiến vào một cánh đồng đầy rạ. Chiếc xe lăn bánh một cách khỗ sở trên đường và cuối cùng dừng lại trước một pháo đài bọc lưới.

Con bé vẫn còn sống. Họ bế nó vào giữa thùng xe và Minh Kha dặn nó với giọng trang nghiêm:

— Phải ngoan, đừng sờ mó gì cả nhé!

Sự dè dặt ấy thật là vô ích, ánh sáng của sự sống chỉ còn le lói dưới chiếc áo đen bằng vải bạc màu.

Ích Tôn tiến về phía pháo đài. Vị Đại úy Chỉ huy trưởng đang ngồi trước phòng tuyến, khoan khoái hít làn khói thuốc trong một chiếc điếu nhỏ.

Ông ta nói:

— Thật là im lặng! Người ta có thể nghe tiếng hát của chim sơn ca. Hồi sáng này, bọn chúng đã đến...

Ích Tôn vội hỏi:

— Rồi ra sao?

— Đêm qua, ta đã tặng cho bọn Đức một tặng phẩm nhỏ. Kìa nhìn xem: năm thiết giáp. Trên cánh đồi kia, ta có thể thấy kết quả cuộc tấn công.

Ích Tôn lễ phép nhường cho vị Đại úy nói cho thỏa thích về sự đắc thắng đêm qua. Bỗng anh ta hỏi:

— Đại úy còn thực phẩm gì trong đồn không? Như kẹo sôcôla chẳng hạn?

Vị Đại úy ngạc nhiên, miệng rời khỏi ống điếu:

— Sôcôla? Lần đầu tiên tôi mới nghe một vị Trung úy đòi hỏi sôcôla trong lúc này...

— Tôi có một đứa bé gái trong xe...

— Tại sao không nói ngay? Phải hỏi sôcôla ở đám lính gác.

Chúng nó đem theo luôn.

Vị Đại úy theo Ích Tôn ra tận xe. Đôi mày ông ta hơi cau lại, lộ vẻ thương hại khi trông thấy cô bé. Ông ta nhỏ nhẹ hỏi:

— Cháu tên gì? Cháu ở đâu?

Cô bé im lặng, rúc đầu trong đôi vai. Vị Đại úy thở dài:

— Chúng đã đánh nó, thật rõ như ban ngày. À, quân khốn nạn, đồ heo, đồ heo!

Và ông ta nghĩ gia quyến mình cũng bị đối xử tàn nhẫn bởi bọn lính Đức, và chuyện ấy có thể xảy ra khắp mọi làng. Ông ta đưa mắt nhìn Ích Tôn:

— Bây giờ phải làm sao? Ở đây rất ồn đối với cô bé... Chúng ta đi kiếm sôcôla ngay đi...

* * *

— Không, không... Tôi không thích...

Cô bé rán sức thốt ra những lời ấy khi vị Đại úy, Minh Kha và Ích Tôn lần lượt cố đút miếng sôcôla vào miệng nó. Cả ba đều có những ngón tay kẹch cồm mà miệng con bé thì nhỏ xíu, khiến cho họ phải hết sức dè dặt. Họ cố dỗ dành nó cũng vô ích. Sau cùng, mùi vị sôcôla thấm vào miệng, con bé từ từ hở môi ra. Vị Đại úy reo lên mừng rỡ, đút trọn nửa miếng vào mồm con bé.

Họ để con bé ở đấy, cạnh Minh Kha. Ích Tôn đứng phía sau, đưa mắt nhìn trời. Chiếc xe chuyển bánh, nhả những văng khói đen lại phía sau, rồi bắt đầu chạy trở về. Minh Kha chợt thấy cô bé đưa mắt nhìn mình, nửa miếng sôcôla đã có hiệu quả? Hẳn vội đưa tiếp nửa miếng kia cho con bé. Và hăn hỏi:

— Nào, bây giờ đã chịu nói chưa?

Con bé đáp nhỏ nhẹ:

— Không!

— Tại sao vậy? Chúng ta không phải là bạn với nhau sao? Cha mẹ cháu ở đâu?

Con bé ngảnh mặt, không muốn nhìn hẳn nữa và từ chối miếng sôcôla.

Chiếc xe bông hãm máy trước một chiếc thiết giáp ẩn dưới một cái hố. Chính nơi đây, Ích Tôn và Minh Kha đồn trú với năm bạn chiến binh khác.

Một chiếc giường cỏ được sửa soạn dành riêng cho con bé. Bọn binh sĩ dẫn con bé xuống suối bảo nó tắm, rồi họ đi xa để nó được tự do, không ngưng nghịu, mặc dù nó chỉ độ chừng mười tuổi.

Lúc đầu, họ cho nó ăn rất ít, nhiều lần trong một ngày, nhưng vì có đến bảy người cho ăn, nên rốt cuộc con bé phải giãy nảy từ chối. “Không, không, tôi không thích...” Nó nằm suốt ngày trên giường, mặt day vào vách, không ai biết nó thức hay ngủ.

Nó lạnh lùng trước sự vui đùa của đám quân nhân. Một chiều, muốn cho nó giải khuây, Ích Tôn ngâm nga một bài đồng dao, nhưng con bé gờ hãnh một cái nhìn buồn thảm và trách móc, làm cho hẳn kinh ngạc bỏ đi.

Minh Kha bảo Ích Tôn:

— Con bé bệnh. Hình như nó vừa trải qua một cơn kích động. Anh phải tìm cách đưa nó đến bệnh viện đô thành.

Lời khuyên thật là hợp lý, nhưng vì lời khuyên ấy thốt ra từ cửa miệng Minh Kha, nên Ích Tôn chỉ khinh khỉnh hít mạnh làn khói thuốc trong chiếc điếu của mình. Một lát, hẳn cầu nhàu đáp:

— Nó không bệnh, không bị kích động gì cả... Thật là dễ dàng đuổi nó đi bằng cách ấy! Ở bệnh viện? Nó đâu cần đến mùi thuốc... Không, đó chỉ là một sự buồn bực của trẻ con. Sự thật là vậy.

* * *

Từ sang đến tối, phi cơ Đức kêu vù vù như đàn ong. Tiếng đại bác và tiếng bom nổ vang dội quanh vùng. Mọi người chỉ ngủ nửa mắt, giống như bầy chim. Khi bình minh trở về, Minh Kha và Ích Tôn bỏ cả bữa ăn, nằm vùi xuống chỗ ngủ. Trọng Khang anh quân nhân giữ khẩu đại liên ngồi dưới chân Ích Tôn. Trọng Khang đã trải qua một đêm thật là an nhàn dưới hố, vì phi cơ địch không đến nơi ấy bao giờ. Gã nói với Ích Tôn:

— Trung úy biết không, con bé đã khóc suốt đêm qua như một người lớn.

Ích Tôn nhìn gương mặt của Trọng Khang và nghĩ thầm: “Có việc gì làm cho hãn không ngủ được!”. Nhưng Trọng Khang đã giải sự thắc mắc đó bằng cách kể cho hãn nghe những chi tiết sau đây: suốt ngày hôm qua, con bé đã theo chàng khắp nơi, không rời một bước, cả đến lúc chàng đến chỗ đặt khẩu đại liên, chàng cũng gặp nó trong bụi rậm. Chàng phải dọa nó: “Phải ẩn kín, thận trọng!”. Nó bò về phía chàng, ngồi dưới đất và cất tiếng kêu tuyệt vọng: “Trọng Khang!”. Chàng hỏi: “Có chuyện gì thế? Em đói phải không?”. Nhưng nó chỉ lặp “Trọng Khang!”. với một giọng làm cho chàng phải rợn cả người.

Nghe câu chuyện ấy, cố gắng chống lại cơn buồn ngủ, Minh Kha nói:

— Thật là rõ ràng. Nỗi buồn của nó bắt đầu tan rôi. Nó có nói tên nó là gì không?

— Nó không nói gì cả. Nó chỉ lặp đi lặp lại “Trọng Khang, Trọng Khang..”. suốt ngày. Và đến đêm, nó lại khóc.

Quả tim con bé có quả thật đã được sưởi nóng lại chẳng? Điều đó đối với mọi người, đối với cả Ích Tôn nữa, là chuyện rất có thể xảy ra. Ấy vì “Trọng Khang” là một thanh niên rất giản dị, rất tốt, lời nói và cử chỉ của chàng thể hiện sự tin cậy và yêu đời, do đó mọi người hiểu tại sao con bé khăng khít với chàng và muốn san sẻ cùng chàng sự đau khổ của nó.

Đêm ấy, thành linh Ích Tôn tỉnh giấc và, qua ánh sáng cây đèn bấm chàng luôn luôn đem theo trong túi, chàng thấy con bé, hai đầu gối chắp lại, ôm siết chiếc gối cỏ trong đôi vòng tay bé bỏng, khóc nức nở trong cơn mơ và cất tiếng kêu thảm thiết: “Má, má! Má ở đâu?”. Ích Tôn không đánh thức nó dậy, chàng mong nó có thể gặp được mẹ nó trong mơ. Con bé kêu lên: “Má! Tại sao má lại trốn con?”. Rồi đột nhiên nó nín lặng, thở ra một hơi dài khoan khoái và bật ra một lời reo vui. Có lẽ nó đã gặp được mẹ nó rồi.

Ích Tôn đốt thuốc hút. Hẳn để tâm hồn đắm chìm trong dòng tư tưởng: một ngày nọ ngày ấy đã qua rồi và là một ngày trong những năm đen tối Y Vãng đặt câu hỏi này với người anh của hắn là Ích Pha: “Nếu để bảo vệ hạnh phúc cho nhân loại mà cần phải hy sinh một đứa trẻ, tra tấn nó cho đến chết, anh có thể làm việc ấy chẳng?”.

Y Vãng ngỡ đã đặt ra một bài tính nan giải. Và Ích Pha chỉ giữ sự im lặng... Tra tấn một đứa bé! Còn hành động nào tàn nhẫn hơn ở cõi đời này? Dầu hành động ấy có mục đích bảo vệ hạnh phúc cho nhân loại, cái hạnh phúc ấy chẳng đáng nguyên rủa lăm sao?

Ấy vậy mà cách giải bài tính đó thật là giản dị, người ta vừa tìm ra, phải, ta muốn rằng đứa bé ấy phải bị hy sinh với điều kiện chính ta là nó. Cuộc đời tự nó đã nêu ra câu hỏi, muốn cứu vớt sự tra tấn một đứa bé, như con bé này chẳng hạn, anh là người, anh có sẵn sàng chịu chết thế hay không? Câu hỏi thật là trực tiếp và câu trả lời thật là giản dị. Minh Kha, Trọng Khang và bốn anh bạn chiến binh mà người ta nghe tiếng ngáy khò khò vang dậy, và cả Ích Tôn nữa, tất đều như đồng thanh: “Chúng tôi sẵn sàng!”.

Ích Tôn vẫn rít mạnh chiếc điếu. Cơn giận dữ làm cho cổ hăn nổi phồng lên. Tốt lắm, không cần phải triết lý nữa. Và đây là cách thực hành, ba triệu quân Đức để đổi lấy con bé ngây thơ ấy, ba triệu người với những mái tóc xô gai, bộ chân lông khổng, chân mày bò cái, bộ não đòi truy, dâm ô...

* * *

Tay cầm cái chảo, Trọng Khang trườn qua những bụi rậm để đến bờ suối. Chính nơi đó chàng thường đến mò tôm, những khi nhàn rỗi.

Chàng cởi áo ra rồi nằm sấp trên bờ, hai tay mò mẫm dưới bùn, đầu cúi xuống sát mặt nước. Khi chàng ta bắt gặp một con tôm, chàng hí hửng lắm lắm: “À, mi đây rồi. Mi không bằng lòng hả? Hãy chịu vào chảo, mau lên!”. Một lần, chàng nhảy tòm xuống suối, trằm nửa thân mình dưới làn nước lạnh buốt làm cho bọt nước cuộn trào và khi chàng đứng lên, một con tôm xanh vẩy đuôi trong tay chàng. Bỗng phía sau Trọng Khang, một giọng cười reo lên vui

vẻ. Lau nước trên mặt và trên tóc, chàng ngảnh nhìn lại và bắt gặp con bé. Chàng tươi cười hỏi:

— Em cười ngạo anh đấy à?

Đôi mắt xanh của con bé chớp nhanh, đôi mi dựng lên, nó có vẻ như sắp khóc. Trọng Khang vội nói:

— Đừng khóc, Mạt Ta. Anh đùa chơi đấy mà.

— Không phải Mạt Ta, người ta gọi tôi là Mỹ Lan.

— À, bây giờ em mới chịu nói rõ tên thật. Em thật là can đảm. Trọng Khang nhanh nhẹn mặc áo vào rồi đến ngồi cạnh con bé, kéo nó sát vào vai mình.

— Bây giờ em có muốn ăn tôm không?

— Muốn...

— Nhưng trước hết, anh phải hút một điếu thuốc, được chớ?

— Được.

Chàng xé một mảnh giấy nhật trình, đặt vào đó một ít thuốc vãn tròn lại với vẻ bằng lòng. Chàng dịu dàng nói:

— Em có giận không. Mỹ Lan? Em nên biết, Trung úy Ích Tôn ra lệnh cho anh phải tìm hiểu cuộc đời em. Ông ta rất nghiêm khắc nhưng rất công bình. Nếu anh không tuân lệnh, chắc anh sẽ bị rầy to.

Chàng lấy trong túi ra một chiếc quẹt máy, bật lửa lên châm thuốc. Chàng thanh niên vừa phì phà khói thuốc vừa âu yếm bảo Mỹ Lan:

— Nào, em hãy kể đi...

* * *

Đây là những điều người ta tìm hiểu được ở Mỹ Lan, ngày hôm ấy và những ngày tiếp theo đó, qua những chuyện ngắn mà con bé lần lần thuật lại.

Mỹ Lan sống với mẹ, bà Mỹ Hạnh, trong một làng quê. Người anh cả của nó, Thái Sơn, đã nhập ngũ từng chinh. Thái Thạch, người anh thứ, đã mất tích năm vừa qua, khi làng bị quân Đức chiếm.

Bà Mỹ Hạnh sợ nhất một người ở cùng làng. Mỗi lần trông thấy hản qua cửa sổ, bà tức giận lắm lắm: “Kìa, quý vương lại rình rập! Ôn hoàng Dịch lệ sao không bắt mày đi!”. Và mỗi lần Mỹ Lan hỏi bà: “Má, tại sao má gọi Lỗ Khấu là quý vương?”. Bà mẹ chỉ đáp: “Con sẽ biết khi con lớn lên. Bây giờ con phải dè dặt, đừng có nói lại những lời mẹ đã nói. Phải cẩn thận, nghe con?”.

Gia đình bà Mỹ Hạnh sống vất vả, khổ sở, gia tài chỉ có ba con gà mái, hai con trắng một vàng và một con gà trống có thói quen mang về cho đồng bọn tất cả thức ăn gì nó tìm kiếm được.

Bà Mỹ Hạnh thường nói với con:

— Đến mùa xuân, mấy con gà mái của mình sẽ đẻ mỗi ngày được ba trứng. Con sẽ được sung sướng con ạ.

Một ngày kia, cách đây độ ba tuần, Mỹ Hạnh đánh thức con dậy khi trời vừa hừng sáng:

— Con, con hãy mang đôi giày của mẹ, ra xem con gà trống của mình tại sao lại giận dữ như vậy. Loài chồn đã vào được trong chuồng chẳng?

Mỹ Lan mang vội đôi giày vào chân, nhặt chiếc mũ của mẹ rồi băng mình ra sân. Cánh cửa chuồng mở toang và cánh cổng cũng mở rộng, không có một dấu vết nào của bầy gà mái, chỉ một mình

con gà trống đang chạy rà rà quanh sân, đập cánh có vẻ giận dữ. Mỹ Lan kêu lên một tiếng hốt hoảng rồi chạy thẳng ra phía cổng: một tên lính Đức đang bước đi, tay nắm chặt cẳng gà, kéo lê cánh chúng trên đường. Mấy chiếc cánh đã xụ xuống, bất động.

Mỹ Lan vừa chạy theo sau tên lính vừa khóc, nhưng gã này đã nhảy lên một chiếc xe cam nhông, cật tiếng cười ròn rã, khoái trá. Chiếc xe chuyển bánh. Mỹ Lan chỉ còn kịp cật tiếng gọi:

— Ông ơi, ông ơi, mấy con gà ấy của chúng tôi...

Phía bên kia đường, đầu mặt với ngôi nhà mộc mạc của bà Mỹ Hạnh, có ngôi trường xây bằng gạch. Gần đây, một chiếc xe cam nhông chở đến đó một tốp người mặc y phục và đội mũ toàn màu đen. Họ quăng bàn ghế ra ngoài cửa sổ, trát phấn nhầy nhựa những khung kính, rồi bao bọc khu vườn nhỏ bằng một hàng rào dây kẽm gai. Thế là ngôi trường biến thành trụ sở Trinh Sát Đức Quốc Xã. Từ đó dân làng xa lánh chốn ấy, còn bà Mỹ Hạnh phải tránh đi ngõ trước, lần theo đường hẻm để vào ngõ sau nhà.

Đứng bên đường, Mỹ Lan bắt gặp Lỗ Khấu từ trong trụ sở Trinh Sát đi ra. Hắn đi ngang qua tên lính gác, đôi chân đập vào nhau đánh bộp một tiếng theo điệu nhà binh, rồi thung dung tiến bước. Vẻ mặt hắn tái mét để lộ những nét nhăn, giống như một kẻ quáng manh vì ánh sáng. Đến trước mặt Mỹ Lan, hắn dừng bước và trở mắt nhìn con bé:

— Máy làm gì nhìn tao thế hử, ranh con?

Rồi hắn cốc vào đầu con bé một cái nên thân. Chưa vừa ý, hắn lại toan tổng cho nó thêm vài đập. Nhưng ngay lúc ấy, bà Mỹ Hạnh trở tới. Bà thét lên giận dữ rồi lăn xả vào mình hắn, đưa hai tay quào vào má hắn. Bà ta vật hắn xuống đất, vừa tát vào mặt hắn vừa cật giọng hỗn hển:

— Tại sao mà đánh con tao, hờ quý vương?

Chẳng hiểu vì đang say hay vì khiếp sợ, Lỗ Khấu không hề chống trả. Cho đến khi cánh cửa Trụ sở Chi Trinh Sát mở toang, một người bước ra ngưỡng cửa ra lệnh, cuộc ẩu đả mới chấm dứt.

Lỗ Khấu đã tìm cách trả thù. Ngay đêm ấy, hai người lính vận y phục đen chiếc đèn bấm trong tay, tiến vào nhà bà Mỹ Hạnh. Một vị sĩ quan cùng Lỗ Khấu đi phía sau. Run rẩy, bà Mỹ Hạnh bảo con:

“Chết mẹ rồi, con ơi!..”. Lỗ Khấu rút Mỹ Lan ra khỏi tay bàn tay mẹ nó và đẩy nó vào phía trong vách.

Lỗ Khấu hỏi vị sĩ quan:

— Có tra tấn không, thưa Trung úy?

Vị sĩ quan ngồi xuống ghế, đáp với giọng chậm rãi:

— Người cứ làm việc của người.

Qua kẽ vách, Mỹ Lan thấy Lỗ Khấu bước đến gần bàn, chìa trong tay ra phong thư:

— Đây là bức thư của Thái Thạch, con bà ấy.

Mỹ Lan nghe tiếng mẹ nó, tuy giọng rất thấp nhưng rất rõ ràng:

— Bức thư ấy do chính hãn thảo ra. Ông ơi, ông hãy tin tôi, thằng Thái Thạch đã biệt tích, cả làng này đều biết. Nó không thể viết thư cho tôi được.

Vị sĩ quan móc trong túi ra một cái hộp trắng, bấm vào một cái nút, một điều thuốc hiện ra khỏi hộp và một ngọn lửa nhỏ tự động bén cháy vào đầu điều thuốc. Hãn hít một hơi khói, làn môi trên trề ra, đôi tay chống trên bàn. Hãn bắt đầu đọc bức thư.

Lỗ Khấu lải nhải:

— Chính thư của hần, của Thái Thạch. Hần hiện ở trong một biệt động đội và vẫn liên lạc với mẹ hần. Còn Thái Sơn, đứa con trưởng của bà ấy, đã vượt tuyến để theo quân kháng chiến.

Mỹ Hạnh lại kêu lên:

— Ông ơi, ông hãy tin tôi. Con tôi không thể viết thư cho tôi được, tôi không hề biết chữ.

— Lát nữa đây, chúng tôi sẽ biết bà biết chữ hay không. Tôi không muốn mất thời giờ với bà. Tôi khuyên bà hãy khai tất cả sự thật, vì cực hình bà phải chịu sẽ thật là ghê gớm.

Vị sĩ quan ngảnh nhìn lại phía mấy tên lính:

— Chuẩn bị vài sợi thừng, một chiếc ghế dài và một lò lửa than.

Rồi đôi mắt hần, ẩn trong bóng tối của vành nón, chiếu thẳng vào đôi bàn tay tái mét đang chấp lại trước bụng của bà Mỹ Hạnh...

Đến đây, Mỹ Lan ngưng kể. Với bất cứ ai, cả với anh chàng Trọng Khang khả ái, nó cũng không thể tiếp tục kể đoạn cuối. Đôi hàm răng nó nghiến chặt, cổ nó nghẹn ngào, nó chỉ buông ra những tiếng rú khiếp đảm, người ta có thể cho đó là những tiếng chuột kêu... Tuy nhiên, mọi người đều hiểu rằng con bé đã phải chứng kiến hàng giờ, sau kẽ vách, cảnh cực hình của mẹ nó; nó đã nghe tiếng nước nở, tiếng rên siết, tiếng kêu van, tiếng thét kinh hồn, và còn những tiếng rú thảm thiết, không giống chút nào với giọng nói đầm ấm hiền hòa của người mẹ mà nó từng nghe hàng ngày.

Qua ngày sau, một bà láng giềng lén vào nhà bà Mỹ Hạnh. Bà ấy trông thấy dưới đất một vũng máu, vài lọn tóc và vài mảnh giẻ rách... Sau vách, trên chiếc giường xiêu vẹo; giữa mấy chiếc gối tả tơi, còn Mỹ Lan đang nằm bất tỉnh tự bao giờ. Bà vội khép cửa lại và lo cứu chữa cho con bé vô phước.

* * *

Những ngày vừa qua thật là nặng nề, khó chịu. Trên đường, vô số xe tung những vầng bụi trong bầu không khí tĩnh mịch. Mặt trời chiếu ánh vàng rực rỡ qua làn sương mù.

Ích Tôn ít khi trở về chỗ trú. Mọi người có cảm giác bão tố sắp nổi dậy và quân Đức sẽ đánh vào họ những vỡ kính hồn.

Một ngày kia, vị Đại úy Chỉ huy trưởng pháo đài đến chỗ họ trú bằng một chiếc xe cam nhông. Toàn thân ông lấm đầy bụi, gương mặt hiền lành nhu nhược của ông dường như phì nộn thêm. Ngồi trên một chiếc ghế dài, dưới bóng một cây sồi, ông ta lột nón xuống một cách khoái chí và đòi uống nước suối. Ông ta bảo Ích Tôn:

— Tôi đi một vòng đến thăm chiến hữu. Dường như tôm ở đây ngon lắm! Nào, chiến hữu cho nếm thử chừng năm mươi con.

Ông ta gọi Mỹ Lan lại gần và đưa tay nựng gò má con bé:

— Chà, con bé này thật là xinh, đôi mắt nó thật là to. Con còn nhớ có lần con đã từ chối không nhận sôcôla của ông không? Bây giờ thì con ăn tất cả, phải không? Tốt lắm, con ạ! Con đi kiếm cho ông những con tôm bự đi.

Sau khi uống hết một chảo nước lã, ông ta hút thuốc và ba hoa kể chuyện này sang chuyện nọ, ông nói chuyện gia đình ông, những kỷ niệm thân yêu trong đời ông. Ông muốn Ích Tôn cứ đi công tác, còn ông, như con chồn luôn luôn ở lại để phòng vệ pháo đài. Ông tiếp: “Tôi mơ được đọc những tác phẩm của Alexandre Dumas. Chiến hữu có đọc những tác phẩm đó chưa? Tôi chưa được đọc, nhưng hình như nó thật vô cùng hấp dẫn”.

Ích Tôn ngắt lời:

— Người ta nói gì về quân Đức? Tình trạng này còn kéo dài đến bao giờ?

— Có lẽ chừng năm hôm nữa. Chúng ta chờ đợi.

Ích Tôn hình lỗ mũi nhọn lên không, gằn giọng:

— Chúng sẽ bị đánh vỡ mặt.

— Chắc chắn như vậy. Ta dọn cho chúng những sự bất ngờ.

Trông thấy Mỹ Lan xách về một giỏ đầy tôm, vị Đại úy vội trở câu chuyện. Ông ta đứng dậy, vừa đội nón lên đầu vừa nói:

— Tôi không mời chiến hữu đến pháo đài. Ai biết được? Biết đâu ngay đêm nay chúng không tấn công? Bọn lính tuần của tôi báo tin: bọn Đức dự định bao vây ta trong vòng ba ngày và tiêu diệt ta trong vòng bốn ngày, thật là hài hước!... Thôi, từ giã chiến hữu. Chúng ta sẽ gặp lại nhau gần đây.

* * *

Bây giờ, không còn phải là những bánh xe làm tung bụi. Ở phương Đông, chân trời găm thét, bao phủ bởi một bức màn đen. Trên không, hai đàn phi cơ rú lên, làm náo động cả bầu trời vằn vữa.

Như một đàn kiến, giải phóng quân sẵn sàng chiến đấu: tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn tiến lên mạnh mẽ; những chiếc xe chở đầy đạn được chạy bon bon trên đường. Người ta có cảm tưởng như từ các miền Vô-Ga, U-Ran, Si-Bê-Ri đã tuông ra hàng khối than đá nóng hổi trên giải đất ngùn lửa, điêu tàn.

Một lần nữa, bị thúc đẩy bởi cơn giận dữ điên cuồng, quân đội Đức Quốc Xã toan đánh thủng phòng tuyến địch. Những chiếc xe

cam hông tuông ra hàng sư đoàn binh sĩ mặc quân phục màu xanh. Những chiến xa bị tấn công, bị đốt cháy, bị bắn tung lên không...

Trải qua những ngày ấy, Mỹ Lan bị bỏ quên. Có một lần Ích Tôn ghé về chỗ đồn trú để kiểm thuốc hút. Đôi má hằn hóp lại, đôi mắt hằn lõm sâu, mất sắc. Nơi đồn trú bị bỏ quên từ tám ngày nay vẫn sạch sẽ. Con bé Mỹ Lan ngồi trên chiếc ghế dài đang may một chiếc áo lót nhỏ xíu bằng một mảnh vải đã phai màu. Bên cạnh nó có một con búp bê làm bằng vải vụn, đôi mắt được vẽ bằng viết chì.

Ích Tôn hỏi:

— Mỹ Lan. Cháu ở đây một mình, không sợ sao?

— Không, cháu không sợ đâu, chú Ích Tôn ạ.

— Nhưng mà cháu có gì nóng để ăn không?

— Cháu không có hộp quẹt. Hãy để lại cho cháu vài que diêm.

— Được rồi! Đây, cháu hãy giữ lấy. Công việc của chúng ta đang tiến triển khả quan. Thôi từ giã cháu nhé.

* * *

Ngôi làng đã được chiếm lại một cách nhanh chóng, đến nỗi không một tên lính Đức nào có kịp thì giờ để tẩu thoát. Về phần Chi Trinh Sát (Gestapo), một chiếc xe không lồ chứa đầy bọn lính hắc y đã bị chặn bắt trên đường và bị đốt cháy toàn xe. Kháng chiến quân tiếp tục tiến về phương Tây. Ích Tôn di động đại đội mình vào một khu rừng nhỏ cạnh làng.

Khi hoàng hôn đã về và sau buổi cơm chiều, Minh Kha bảo với các bạn:

— Con bé Mỹ Lan của chúng ta thật là can đảm! Hôm trước, nó đã lên vào làng để tìm một người mang cái tên quái dị là Lỗ Khấu. Nhưng nó đã trở về thất vọng, vì người mà nó tìm kiếm đã biến mất, không để lại một dấu vết gì. Dân làng đã bàn tán với nhau: “Con người ấy thật là ghê tởm! Chúng ta quyết chôn sống hẳn. Có lẽ hẳn đã biết số phận nên mới tìm cách trốn thoát”.

Nghe nói đến Lỗ, Mỹ Lan tiến lại gần đám quân nhân. Nó ngồi xuống cạnh Ích Tôn đôi môi nó mím chặt, mày nó cau lại, nghiêm trang như một người lớn. Khi mọi người đã dứt bàn cãi và khi Trọng Khang bắt đầu thổi một điệu phong cầm, Mỹ Lan mới cúi đầu bảo khẽ:

— Chú Ích Tôn này, phải tìm cho được người đó, vì chính hẳn đã tra tấn mẹ cháu.

Mọi người đều ngảnh lại nhìn con bé. Ích Tôn hình mũi đáp:

— Ta sẽ làm hết sức mình, Mỹ Lan ạ. Nghe đây, các bạn, chúng ta phải mở cuộc điều tra.

Minh Kha lãnh nhiệm vụ ấy. Cách vài ngày sau, hẳn đã tìm được vài tài liệu về gã họ Lỗ.

* * *

Con người đó, xa lạ với dân làng, đã xuất hiện nơi đây từ tám năm trước. Gã đã cưới một mục đàn bà góa, mà cách đó không lâu, mục đã chết vì sự đối xử tàn nhẫn của gã.

Gã tự xưng là thợ mỏ. Gã là một người nguy hiểm, hung dữ và xảo quyệt. Viên thú y trong làng thường đến chơi nhà gã, cùng nhau nhậu nhẹt và cùng nhau thông đồng nhiều trò đáng thất cổ, mà về

sau, dưới thời kỳ bị chiếm, người ta mới rõ sự thật vì sự phô trương thành tích của gã.

Và đây là một trò xảo quyết đáng chú ý: trước một ngày lễ Thánh giá, một người chủ gia súc vào chuồng thăm đàn bò, thì thấy con bò cái đẹp nhất của mình đang nằm chết trên đồng rơm. Cả làng đều xông xáo vì tin ấy. Vị thú y đến nơi, sau khi quan sát, đã kết luận: “Hãy dang xa ra, con bò này bị bệnh dịch”. Thế là dè dặt, người ta mang con bò ra khỏi làng và chôn nó luôn cả bộ da. Nhờ trời, sự truyền nhiễm không hề xảy ra.

Nhưng Lỗ và viên thú y đã có thịt ướp mặn ăn suốt cả mùa đông. Về sau, người ta mới biết gã và viên thú y đã thông đồng giết con bò cái ấy, rồi lại thông đồng đào nó lên để làm thịt.

Khi chiến tranh bùng nổ, Lỗ không giấu được sự vui mừng tinh quái. Gặp người nào qua đường, gã cũng nói: “À, máu đã bắt đầu chảy rồi đây! Nó sẽ chảy, sẽ chảy như làn sóng”. Khi quân ta, trong lúc rút lui, mệt mỏi và đói khát, đến gõ cửa nhà gã để xin sữa, gã lạnh lùng đáp: “Không còn gì cả, các bạn ạ!”. Và khi quân Đức đến nơi với chiến xa, Lỗ mặc y phục chỉnh tề, đầu chải láng bóng, ra đứng đón chúng ở tận cổng, chìa ra cho chúng thấy, trên một chiếc khăn thêu, một ổ bánh mì và một bình bạc. Cử chỉ của gã làm cho một sĩ quan chú ý. Hắn cầm lấy ổ bánh và bảo gã: “Tốt lắm, ta có lời khen!”.

Cách đó ít lâu, Lỗ bắt đầu tiếp xúc với dân làng. Ngồi trên tam cấp ở thềm nhà, gã vừa gõ nhịp chiếc gậy, vừa nhìn ranh mãnh ông chủ nhà đang nhăn nhó và bà chủ nhà đang bối rối. Gã tìm cách gợi chuyện:

— Tôi không hiểu tại sao chúng ta có thể sống dưới chế độ mới này được. Ông bà biết không, lúc đầu tôi còn biểu cho họ nào bánh

mì nào muối, nhưng rồi sau đó, tôi bắt đầu ngờ vực... Quả thật nước Đức có đem đến cho chúng ta trật tự và ban hành chế độ tự do thương mại, nhưng họ là người chủ khắc nghiệt. Thế rồi tôi nặn óc tìm hiểu. Tôi đến viếng nhiều người, thấy dân ta sống trong tinh thần tập thể và đoàn kết... Và rồi nhiều người bỏ đi kháng chiến, ta có nên tin rằng họ hành động như thế là chánh đáng? Và cuối cùng, quân Đức có ở đây lâu dài được không? Ấy lại là một câu hỏi nữa. Ông bà nghĩ thế nào?

Lúc đầu, trong một hai tuần, quân Đức dường như không chú tâm gì đến dân làng. Chúng thản nhiên tập thể dục, đá banh, thổi kèn và dạo chơi trên trường với chiếc xì líp, không biết xấu hổ là gì. Nhưng từ khi bọn hắc y đến nơi, dán một thông cáo tại trường học kết án tử hình tất cả mọi hành động phạm tội, bấy giờ quân Đức Phát Xít mới bày hàm răng chó sói của chúng với dân làng. Chúng vét sạch làng và nhặt tất cả những gì mà bọn hắc y không thể chở hết trên xe cam nhông.

Ban Trinh Sát từ đây chú ý tới từng nhà. Và cũng vì thế mà mọi người mới hiểu mục đích cuộc thăm viếng người này người khác của Lỗ. Tinh nghề, gã biết rõ nhà nào có con đi kháng chiến và người nào đã xung vào quân đội. Đêm trước khi quân Đức đến chiếm đóng, một giáo viên cùng vài thanh niên trong làng đã phá vỡ vài chiếc cầu và vài kho hàng. Kết quả công tác ấy là một đoàn xe của quân Đức bị tan vỡ. Ngay hôm ấy bọn hắc y bắt vô số dân làng từ những người già nua đến những đứa trẻ vị thành niên, mang tất cả về trường học. Những nạn nhân bị bắt đều thuộc về những gia đình trước kia đã được Lỗ vinh dự đến viếng.

Đêm lại, người ta nghe vang đến tận cuối làng những tiếng rú kinh hồn phát ra từ trường học. Không ai có thể nhắm mắt được.

Những người trẻ ngẩng đầu lên nghe; những người già cả lâm râm cầu nguyện.

Người ta bắt đầu đồn rằng Lỗ đã chứng kiến những cảnh tra tấn đó. Nếu không, làm sao cắt nghĩa được sự hiện diện của hai con bò cái và một con bò đực trong chuồng gã?

Khi thấy Lỗ tiến đến gần nhà, dân làng dẫu tất cả thức ăn còn lại và gởi con cái đi chơi chỗ khác. Họ ghét những ai tiếp Lỗ, nhưng thật là nguy hiểm cho những ai đóng cửa lại trước mặt gã.

Gã không bao giờ đi đến đâu với hai bàn tay không, tay gã rút trong túi ra một chai rượu mạnh. Gã ngồi vào bàn, thở ra một hơi dài:

— Những người yêu nước không thích tôi, tôi biết chắc như vậy.

Người ta không còn tin cậy tôi và họ thù dật nhiều điều về tôi.

Nói đến đây, gã móc trong túi khác ra một miếng thịt mỡ và xắt ra từng mảnh vuông nhỏ. Gã kè nè tiếp:

— Tôi không phải là người sao? Tôi là con vật hay là con quỷ? Trời ơi, tôi đã chán lắm, tôi đã chán ngấy bọn Đức rồi.

Gã nốc rượu ừng ực, nhắm một cục thịt mỡ, rồi lải nhải:

— Chính chúng đã phao tin tôi làm cho Ban Trinh Sát. Chúng muốn kéo tôi về phía chúng và muốn tôi bị xử tử khi quân ta trở về. Còn mấy con bò cái, chính tôi đã mua với số tiền dành dụm. Thịt ướp mặn và sữa, đó là hai món tôi say mê...

Gã nheo mắt một cách tinh quái và rót đầy những ly đã cạn:

— Nếu mọi người nói xấu tôi như thế, thì thà là quỷ bắt mất mấy con bò ấy đi. Tôi sẽ bỏ tất cả. Tôi sẽ vượt tuyến, mặc cho bọn Đức muốn làm gì thì làm. Hoặc là tôi sẽ quỳ dưới chân vị Chỉ huy quân

đội ta mà thốt ra những lời tâm huyết này: “Tôi muốn chuộc tất cả tội lỗi bằng máu của tôi...”

Nói xong, Lỗ nín lặng lén quan sát người đối diện. Gã kia, quá tin cậy, thú nhận tất cả một cách ngây thơ. Vài ngày sau, Chi Trinh Sát cho người đến bắt gã.

* * *

Ích Tôn dẫn Mỹ Lan đến trung đội bảy. Hãn thuật lại với vị Trung đội trưởng câu chuyện của Lỗ Khấu, trong khi con bé chăm chú lắng tai nghe với vẻ cảm động, dường như cả đời nó chỉ đặt vào một hy vọng: tìm được kẻ thù.

Vị Trung đội trưởng nói:

— Chúng ta sẽ tìm tên khốn nạn đó.

Mỹ Lan nở một nụ cười, nhìn chăm chú ông ta, khẽ hát đầu với vẻ băn khoăn.

Ích Tôn vội vàng từ giả rồi hối hả trở về. Mỹ Lan cất bước nặng nề bên cạnh hãn:

— Chú Ích Tôn à, họ sẽ tìm được hãn chẳng?

— Làm sao biết được? Nhưng khi họ đã hứa, họ sẽ tìm...

— Chú Ích Tôn à, cháu cũng phải đi tìm hãn.

— Cháu muốn đi đâu? Cháu sẽ bị xe cán chết hoặc cháu sẽ đạp nhầm mìn.

— Vậy thì không được đi đâu sao, chú?

— Không được đi đâu cả. Cháu hãy im đi, đừng chọc chú giận.

Nhiều ngày qua, Mỹ Lan xa lánh mọi người, u buồn và lặng lẽ, đôi mày nó chau lại... Rồi, một buổi sáng, nó biến mất khỏi trại. Mọi người hiểu ngay là nó lên đường tìm gã họ Lỗ. Minh Kha vội đi lấy tin tức: trong làng, vài người trông thấy con bé về gần nhà mẹ nó, trong khi mấy cánh cửa vẫn đóng chặt; vài người khác cho biết nó có hỏi thăm về Lỗ Khấu. Nhưng rồi sau đó, nó đi đâu nữa, không ai được rõ.

Ba ngày sau, Mỹ Lan lén về trại, giống như một con chó đi hoang, áo quần dơ dáy và mặt mày trầy trụa. Mọi người tiếp nó một cách lạnh nhạt, không ai thăm hỏi hoặc rầy la. Nó ăn một bụng no nê rồi nằm dúi ra ngủ. Sáng hôm sau, nó lại biến mất một lần nữa.

Một người đàn bà trong làng dẫn hai đứa con về thăm nhà bị tàn phá, đã thuật lại với mấy bà láng giềng (mà hai giờ sau, mấy đứa bé liên lạc đã đem tin về cho Minh Kha) rằng bà đã gặp cách làng độ chừng mười lăm cây số, đứa con gái của bà Mỹ Hạnh. Người đàn bà ấy nói:

— Con bé đã nói thật sự đau khổ của nó, sự đó làm cho chúng ta phải nã lòng. Thật là tinh khôn, con bé ấy! Theo ý nó, tên Lỗ Khấu chỉ có thể lẫn trốn trong đám dân công. Nó bảo nó đã đi qua những nơi người ta đang công tác đắp đường, đào hầm trú ẩn, đã nhìn vào tận mặt tất cả mọi người. Tôi đã ôm nó vào lòng và cả hai cùng khóc. Tôi cho nó một miếng bánh mì, rồi nó lại lên đường...

* * *

— Chú Ích Tôn, chú Ích Tôn dậy mau...

Giật mình tỉnh giấc, Ích Tôn ngáp một hơi dài. Ánh mai chiếu dịu dàng qua cửa sổ. Mỹ Lan đứng tựa giường, vuốt ve mặt vị sĩ quan.

— À, cháu đây rồi! Tại sao cháu lại quấy rầy chú?

— Chú hãy đi ngay với cháu lại nhà người hôm nọ. Chú Ích Tôn ơi, chú biết không, cháu đã tìm được hãn rồi...

— Tìm được? Làm thế nào cháu tìm được hãn?

— Đến đó, cháu sẽ nói cho chú nghe. Bây giờ, chú phải đi ngay.

Cả hai đến Trung đội bảy. Vị Trung đội trưởng còn nằm ngủ khi trên hai chiếc ghế dài đầu lại, đầu gối trên một chiếc khăn lông. Không đợi ông ta có thì giờ tỉnh trí và ngồi vào bàn, Mỹ Lan đã hồi tả thuật:

— Con đã đi gần hai trăm cây số, trước khi tìm được hãn. Ông không biết hãn đâu, hãn đã cạo râu nhẵn nhụi, chỉ có con mới nhận được hãn!...

Một lát sau, một chiếc xe chở cả ba lên đường. Đứng trong xe, Mỹ Lan nhìn thẳng ra trước, hết sức chăm chú. Thành linh, nó giơ tay lên và ngảnh lại phía viên Trung đội trưởng:

— Nơi đây rồi.

Lưng khom xuống và lấm đầy bụi vôi, một người đàn ông đang đập sỏi trên đường, đôi chân quấn vải và đầu quấn một chiếc khăn tay. Khi xe ngừng lại, hãn mới ngẩng nhìn lên, đôi mắt nheo nheo, gương mặt nhẵn nhụi. Mỹ Lan đưa tay chỉ hãn, reo lên:

— Chính hãn đó.

Người đàn ông ngẩng lên:

— Có chuyện gì thế? Các người muốn hỏi giấy tờ? Đây này, đây đủ những giấy tờ hợp pháp.

Hắn vừa nói vừa ném một cái nhìn giận dữ vào con bé đang đứng nép vào viên Trung đội trưởng. Dứt lời, hắn cúi đầu và tiếp tục đập sỏi.

Sau khi xem qua giấy tờ, viên Trung đội trưởng hỏi:

— Nhà người tên Hải Luân, sinh năm 1913?

(Bàn tay lạnh ngắt của Mỹ Lan nắm chặt lấy bàn tay rắn chắc của viên Trung đội trưởng và siết chặt).

Người đàn ông đáp, không ngược đầu lên:

— Phải, tôi tên Hải Luân. Có chuyện gì vậy?

— Có phải giấy thông hành này do quân Đức cấp?

Với một nụ cười hài hước, hắn chậm rãi lắc đầu:

— Đừng làm cho tôi sợ hãi, bạn ạ! Giấy thông hành của tôi do chánh quyền ta cấp. Thật là cuộc đời chó má! Người ta đập sỏi, người ta đói khát, người ta tưới máu vì dân tộc, và bây giờ được nhận lấy cái phần thưởng: giấy thông hành này do quân địch cấp cho.

Khi hắn đang làm bộ mặt sù sì mếu máo, viên Trung đội trưởng rút vôi khẩu súng lục ra:

— Đứng lên!

Người đàn ông đứng lên một cách miễn cưỡng và ném mạnh con dao trên đồng sỏi một cách giận dữ.

— Giơ tay lên!

Viên đội trưởng lục xét khắp các túi hắn rồi nghiêm giọng ra lệnh:

— Hãy tiến lên trước! Thẳng ra xe!

* * *

Biết bao người chứng đã nhận ra Lỗ Khấu nên hẳn không thể chối cãi được và cuối cùng hẳn đành thú nhận tất cả sự thật:

— Sống với người Đức, tôi luôn luôn say sưa lúc đầu vì vui mừng, sau đó để lương tâm tôi chìm đắm trong thứ nước khả ố ấy. Tôi không giấu các ông: vì bánh mì và muối mà tôi tiếp đón quân địch. Các ông nên biết rằng tôi sống rất khổ sở trong chế độ cũ. Tôi ngỡ rằng với những người mới, cuộc đời tôi sẽ trở nên tươi đẹp hơn... Nhưng họ đã lừa dối tôi, và tôi xin các ông cho tôi được phép nói lên điều ấy ở đài phát thanh cho tất cả mọi người đều biết. Lúc đầu, tôi đã làm việc cho họ với sự thích thú, một cách rất nghệ sĩ. Tôi đã bị quân ta bạc đãi. Tôi muốn chứng tỏ cho họ biết rằng tôi đã tự nung lấy bằng thứ củi nào... Nhưng khi bọn Đức dẫn những người yêu nước của ta đến Chi Trinh Sát, khi tôi nghe những tiếng rú rùng rợn, tôi cảm thấy tuyệt vọng. Tôi chỉ còn cách say vui trong men rượu, và càng ngày tôi càng rơi xuống tận vực sâu...

Luôn mấy đêm, hẳn kể lại cách hành hạ tàn nhẫn của bọn Trinh Sát. Hẳn chỉ cái hầm đã chứa thây của bao nhiêu người yêu nước; hẳn chỉ những dụng cụ mà Ban Trinh Sát dùng để tra tấn địch quân. Hẳn lẩm nhẩm: “Phải, tôi đã chứng kiến hơn một lần cảnh tra tấn đó”. Rồi thình lình, hẳn lăn đùng xuống, hai tay quào đất vừa thét lên với giọng kinh khủng: “Máu, trời ơi! máu!”. Hẳn vừa thét vừa hôn lên nền đất.

Về sau, trong khi hẳn bị nhốt trong khám, một sĩ quan khác đặt câu hỏi:

— Anh há chẳng từng nói rằng: anh làm việc với quân Đức tức là anh đã phản bội dân tộc, phản bội tổ quốc?

— Đúng như vậy... Nhưng mà, thật là ngộ nghĩnh, chữ “Tổ quốc” không thể nuôi sống ta được...

Thế rồi ra trước tòa án, hắn bị kết án xử giáo. Khi nghe quan tòa tuyên án, Lỗ Khấu vẫn thản nhiên không đổi sắc, mày không nhíu và người không run. Cả phòng xử đều kinh ngạc. Vài tràng pháo tay nổ ròn hoan nghênh án lệnh.

Một người đàn bà giận dữ hét lên:

— Hình phạt ấy chưa xứng đáng! Phải lột da hắn!

Sáng hôm sau, dân làng tụ tập đông nghẹt tại pháp trường. Bốn người lính dẫn Lỗ Khấu đến. Hắn bước đi chậm chạp, đầu cúi xuống, chân loạng choạng. Quan Tòa đọc lại bản án tử hình và lời cầu nguyện cho kẻ tử tội. Được dẫn đến trước ghế, hắn lùi bước... Người ta phải nắm lấy tay hắn, xô hắn tiến lên. Rồi thì, với vẻ bận rộn, hắn tự đút cổ vào vòng dây, và mọi người đều trông thấy đôi mắt hắn trợn trắng, đôi môi trề ra để lộ đôi hàm răng nhỏ và đều.

Đứng bên cạnh hắn, con bé Mỹ Lan nắm chặt hai bàn tay bé bỏng, hét to:

— Không được cười! Phải rú lên, rú lên như mẹ ta đã rú!

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

(*O. Henry*)

O. HENRY (1862-1910) là nhà văn Mỹ, tên thật là WILLIAM SYDNEY PORTER, sinh năm 1862 tại GREENSBORO, phía nam Caroline. Năm 1882, ông tới Texas xuất bản một tạp chí trào phúng tên là “Rolling Stone”, đồng thời làm thủ quỹ cho Ngân hàng Austin. Quỹ ngân hàng thiếu hụt, ông bị buộc tội thâm lạm. Ông trốn đi New Orleans. Sau vì hay tin vợ bệnh, ông trở về và bị kết án năm năm tù tại nhà lao Ohio. Lao tù đã đào tạo ông thành nhà văn, vì chính lúc này ông mới nghĩ đến sáng tác. Năm 1902, ông tới New York viết cho nhiều tạp chí ký bút hiệu O. HENRY. Ông chuyên viết tiểu thuyết với óc tưởng tượng thật phong phú và lối hành văn thật trong sáng. Nhiều nhà xuất bản tranh nhau in tác phẩm của ông. Độc giả cũng rất thích đọc tác phẩm của ông, nhờ vậy mà ông đã tạo được một thời oanh liệt. Ông mất năm 1910 vì bệnh lao, để lại hơn sáu trăm tác phẩm.

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG là một truyện ngắn đặc sắc thể hiện tâm trạng của một nghệ sĩ mắc bệnh lao mà chỉ có người đồng bệnh mới có thể diễn tả sâu sắc những biến chuyển tâm lý mong manh trong tâm hồn nhân vật. Tác giả khéo léo hòa hợp thật tế với tưởng tượng để tạo thành một bức tranh tuyệt đẹp về nội dung lẫn hình thức. Có thể nói truyện ngắn này tiêu biểu rõ rệt nhất chân tài của O. HENRY, về tâm hồn cũng như về nghệ thuật.



Làng Thanh Bình thuộc một quận nhỏ ở phía Tây công viên Trăm Hoa chỉ là một làng vừa cổ kính vừa vắng vẻ, đường sá hư hỏng từ lâu đã đứt quãng, quanh co, khúc khuỷu.

Nhưng chính những con đường quanh co, khúc khuỷu ấy đã làm cho làng Thanh Bình nổi danh.

Có lần, một nghệ sĩ chứng kiến một sự kiện lạ lùng, một thu ngân viên mang hóa đơn đi thu tiền, anh ta đi vòng quanh mãi, rốt cuộc trở về chỗ cũ lúc nào không hay, thế là anh ta uống công đi cả buổi mà không thu được đồng nào. Từ đấy, người ta gọi đó là những con đường huyền bí.

Những con đường huyền bí ấy đã quyến rũ khá đông nghệ sĩ. Nhiều nghệ sĩ tới đây, sục sạo tìm thuê một căn nhà rẻ tiền, có cửa sổ trông ra hướng bắc. Trong số người lưu cư đó có hai nữ họa sĩ: Thúy và Liên. Hai nàng mở một phòng hội họa trên tầng thượng một ngôi nhà gạch đơn sơ. Đôi bạn hợp tác tình nên rất thương mến nhau.

Bây giờ vào tháng mười một, có một kẻ vô hình lạ mặt mà các bác sĩ gọi là “*Thần sùng phối*” từ đâu đến rình rập khắp làng, đưa bàn tay lạnh buốt rờ hết người này đến người kia. Kẻ phá hoại hung tàn này đã đánh gục hàng chục người, nhưng đến con đường huyền bí, gã bỗng dừng e dè từng bước, ngập ngừng...

Gã dừng lại trước nhà của hai nữ họa sĩ và nữ đang tay hành hạ Thúy, cô gái bé bỏng, gầy gò, vì không chịu nổi những cơn gió bắc lạnh lẽo từ độ đông về. Nàng nằm trên chiếc giường sơn trắng, lặng lẽ nhìn xuyên qua cửa sổ bức tường nhà bên cạnh.

Một buổi sáng, ông bác sĩ đến thăm bệnh Thúy, đã kêu Liên ra hành lang bảo khẽ:

— Bệnh cô ấy mười phần chỉ còn một phần hy vọng, mà phần này cô ấy lại nắm trong tay, tùy cô muốn sống hay muốn chết. Thuốc men không còn hiệu nghiệm. Khổ nỗi, cô ấy định ninh thế nào mình cũng chết. Hình như cô ấy có điều gì lo nghĩ?

Liên dàu dàu đáp:

— Thúy chỉ ao ước được vẽ cảnh vịnh Naples một ngày nào đó.

— Vẽ cảnh Naples? Thật vô lý! Biết đâu cô ấy đang lo nghĩ điều gì khác... một người đàn ông chẳng hạn?

Liên nói nhanh:

— Một người đàn ông? Chắc chắn không phải vậy đâu. Một người đàn ông không đáng cho chị Thúy phải lo nghĩ như thế.

— Vậy thì cô ấy yếu quá. Dầu sao, tôi cũng cố gắng đem hết sở học của mình để chữa trị. Khi mà bệnh nhân bắt đầu nằm đếm những chiếc xe tang trong tưởng tượng thì thuốc men không còn mấy công hiệu.

— Phải làm sao bây giờ, thưa bác sĩ?

— Nếu cô làm thế nào cho cô ấy hỏi một câu về một kiểu áo rét hợp thời trang, thì bệnh cô ta có hai phần mười hy vọng được chữa khỏi.

Khi bác sĩ đi rồi, Liên trở vào phòng nằm lăn trên giường, nước mắt ướt đầm cả gối. Sau đó, nàng vác tấm bảng vẽ sang phòng Thúy, miệng huýt sáo ra vẻ vui tươi.

Thúy nằm trên giường, mắt nhìn ra cửa sổ. Tưởng bạn ngủ, Liên ngừng huýt sáo. Nàng bày tấm bảng vẽ một bức tranh thủy mặc mà nàng lãnh trình bày một tiểu thuyết trong một tạp chí. Để dọn

đường tiến thân, các họa sĩ trẻ thường lãnh vẽ cho các tạp chí, cũng như các văn sĩ mầm non phải viết để đánh dấu sự hiện diện của mình trong làng văn.

Liên đang mê mải vẽ, bỗng nghe có tiếng nói khe khẽ, lặp đi lặp lại nhiều lần. Nàng vội bước đến giường Thúy.

Thúy mở mắt thao thao nhìn ra cửa sổ, miệng đếm từng con số... ngược lại:

— Mười hai... Mười một ... Mười ... Chín...

Liên ngạc nhiên nhìn theo ra cửa sổ. Nàng chỉ thấy cái sân vắng vẻ, ngôi nhà trống trải bên cạnh, một cây trường xuân căn cỗi mà gió thu đã bứt gân hết lá, còn trơ lại những cành khô.

Liên hỏi bạn:

— Gì thế, Thúy?

Thúy lẩm bẩm như người sắp đứt hơi:

— Sáu. Sao bây giờ nó rụng mau quá. Mấy hôm trước có đến một trăm chiếc, em đếm nhúc cả đầu. Bây giờ thì dễ rồi. Kìa, lại một chiếc nữa rụng. Chỉ còn lại năm chiếc thôi.

— Năm chiếc gì, hử Thúy?

— Lá cây trường xuân ấy mà. Khi chiếc lá cuối cùng rụng thì em cũng chết theo. Em biết bệnh trạng em lắm. Bác sĩ có bảo với chị không?

Liên cố lấy giọng duyên dáng:

— Chị thật vô lý! Lá trường xuân có liên can gì đến chị? Tại sao chị cứ để ý đến cây trường xuân ấy? Đừng nghĩ vớ vẩn nữa, chị nhé! Hồi sáng nầy, bác sĩ bảo chắc chắn không bao lâu nữa chị sẽ khỏi bệnh. Để em nhớ xem ông ta bảo thế nào? Phải rồi, ông ta bảo mười phần chị hy vọng đến chín sẽ bình phục. Bây giờ Thúy rán ăn

tý canh đi. Liên vẽ xong bức tranh này, mai bán cho nhà báo lấy tiền mua rượu vang cho Thúy và thịt heo cho Liên.

Đôi mắt Thúy vẫn không rời cửa sổ. Nàng nói thật khẽ:

— Đừng mua rượu vang, chị! Thúy không uống được đâu. Kìa, một chiếc nữa lại rơi. Không, Thúy không ăn canh đâu. Chỉ còn bốn chiếc nữa. Em muốn xem chiếc lá cuối cùng rụng xuống trước khi trời tối. Rồi, như chiếc lá đó, em cũng sẽ rụng theo...

Liên cúi sát mặt Thúy:

— Chị Thúy yêu mến của em, chị đừng nghĩ vợ vẫn nữa. Chị hãy hứa với em đi, chị hãy hứa sẽ nhắm mắt lại ngủ và đừng nhìn ra cửa sổ trước khi em vẽ xong bức tranh này. Được không, chị? Mai này em phải đưa tranh cho nhà báo. Em cần có ánh sáng để vẽ. Nếu không cần đến ánh sáng, em đã buông rèm xuống rồi.

Thúy hỏi, giọng lạnh lùng:

— Sao Liên không sang phòng bên mà vẽ?

— Liên cần ở cạnh Thúy. Liên không muốn Thúy cứ nhìn mãi mấy chiếc lá rồi nghĩ ngợi vẩn vơ.

Thúy ngoan ngoãn nằm yên, đôi mắt nhắm lại, gương mặt trắng bệch như pho tượng. Nàng dịu dàng dặn bạn:

— Em nghe lời chị. Lúc nào vẽ xong, chị kêu em dậy nhé. Em muốn xem chiếc lá cuối cùng. Em đợi mãi, em mệt rồi, em đã mỏi mòn, không còn thiết gì nữa. Em muốn thả hồn theo gió như những chiếc lá đáng thương kia.

— Chị ngủ đi. Em đi gọi lão Phiên lên làm mẫu cho em vẽ. Chị nằm yên, em chỉ đi một phút rồi trở lại ngay.

Lão Phiên là một họa sĩ già có bộ râu xoắn và dài như bức tường Moses của Michael Angels. Lão ngụ tầng dưới nhà. Lão đã thất bại

trên đường nghệ thuật. Hơn bốn mươi năm cầm bút sơn mà lão chưa mó được gấu áo của Bà Chúa Nghệ Thuật. Lão thường khoe khoang sẽ sáng tác một bức họa vĩ đại, nhưng rồi lão không sáng tác được gì ngoài những bức tranh quảng cáo cho các hiệu buôn. Ngoài ra, lão cũng kiếm thêm được chút ít tiền bằng cách làm mẫu cho những họa sĩ trẻ. Mỗi khi có rượu vào, lão lại khoác lác về bức danh họa tưởng tượng của lão. Lão có tính hung hăng nhưng lại rất hiền lành đối với hai nữ họa sĩ. Lão tự coi mình như kẻ bảo vệ hai nữ họa sĩ trẻ tuổi trên tầng thượng.

Khi xuống đến nhà dưới, Liên thấy căn phòng lão Phiên tối mò, còn lão thì say khướt. Trong một góc phòng, cái giá vẽ căng vải vẫn còn nguyên, đã trên hai mươi năm chưa được lão tô một nét sơn nào để hoàn thành bức danh họa mơ ước của lão.

Liên cho lão biết bệnh tình Thúy. Nàng lo sợ bạn bi quan đến tột độ, không còn ham sống nữa, và như vậy Thúy có thể chết dễ dàng như một chiếc lá sẽ rụng khi có cơn gió thoảng qua.

Lão Phiên nghe nàng kể mà nước mắt ràn rụa. Lão thét to lên biểu lộ sự tức giận:

— Sao lại có kẻ ngu xuẩn muốn chết theo chiếc lá rụng? Thật tôi chưa hề thấy ai như thế! Cô Liên ơi, tôi không thể ngồi làm mẫu cho cô vẽ nữa đâu. Tại sao cô không khuyên lơn cô ấy? Tại sao cô để cho cô ấy nghĩ ngợi kỳ cục như vậy?

Liên cố biện minh:

— Chị ấy bệnh nặng nên tinh thần suy yếu, đầu óc chị rối loạn nên hay nghĩ quẩn, tôi đã hết lời khuyên lơn nhưng vô ích. Ông không muốn làm mẫu cho tôi nữa thì thôi, đừng hung hăng lắm chuyện. Rõ khiếp.

Lão Phiên lại thét to:

— Thật đúng là đàn bà! Ai bảo là tôi không muốn làm kiểu cho cô vẽ? Cô về đi, tôi theo cô ngay. Trời ơi, tôi đã bảo chỗ này không phải là nơi để cho cô Thúy dưỡng bệnh. Ngày mai, tôi sẽ hoàn thành bức tranh họa, rồi chúng ra sẽ rời xa chốn này.

Khi Liên và lão Phiên lên lên thì Thúy đang ngủ Liên nhẹ nhàng buông rèm xuống, kéo lão Phiên sang phòng bên. Hai người nhìn ra cửa sổ, cây trường xuân ủ dột dưới cơn mưa, tuyết. Rồi họ lại nhìn nhau, im lặng. Hôm nay, lão Phiên mặc chiếc áo xanh đã cũ, làm kiểu một ẩn sĩ đang ngồi trên một tảng đá (bằng chiếc nồi lật úp).

Sáng hôm sau, Liên tỉnh dậy đã thấy Thúy đôi mắt ngơ ngác nhìn qua kẽ rèm. Thấy Liên, Thúy nói nhanh:

— Vén rèm lên, chị Liên. Em muốn xem...

Liên chịu ý bạn, đến bên cửa sổ, từ từ vén rèm lên.

Ô kìa! Sau một đêm mưa gió điên cuồng, chiếc lá trường xuân cuối cùng vẫn còn bám vững trên cành. Cuống nó vẫn còn xanh nhưng đường viền răng cưa trên lá đã nhuộm màu vàng úa.

Thúy bần khoăn nói:

— Đó là chiếc lá cuối cùng. Em cứ tưởng nó đã rụng đêm qua rồi, vì em nghe gió thổi mạnh lắm. Nhưng thế nào hôm nay nó cũng rụng và em sẽ chết theo nó.

Liên cúi mặt sát gối bạn, giọng thật dịu dàng:

— Chị ơi! Chị hãy thương em. Em biết làm sao bây giờ, hờ chị?

Thúy im lặng. Nàng đang chờ đợi linh hồn lìa khỏi xác để về cõi hư vô huyền bí. Ý nghĩ u ám, sự tưởng tượng mãnh liệt đáng xâm chiếm trọn vẹn tâm hồn nàng, khiến cho nàng không còn nghĩ đến mối dây ràng buộc với bạn bè, với dương thế.

Ngày đã qua và chiều đã đến. Dưới ánh tà huy, đôi bạn vẫn còn thấy chiếc lá trường xuân đơn độc dính chặt trên cành. Đêm ấy, gió bớt thổi nhưng mưa vẫn rơi. Hạt mưa đập vào mái hiên tí tách, đều đều...

Trời vừa sáng, Thúy đã gọi Liên vén rèm lên. Chiếc lá cuối cùng vẫn còn đấy.

Thúy nhìn ngăm một hồi, rồi nàng bỗng gọi Liên đang nấu cháo gà bên bếp. Nàng tươi tỉnh nói:

— Em thật hư quá, phải không chị? Chiếc lá trơ trơ đó chứng tỏ sự hư đốn của em. Tại sao em lại mong chết? Chị ơi! Chị cho em xin một tí cháo, một cốc sữa, và cả rượu vang nữa... Nhưng mà... hãy khoan, chị cho em mượn chiếc gương trước đã. Chị hãy lấy gối cho em dựa, em muốn ngồi dậy xem chị làm bếp.

Liên mừng rỡ làm theo ý bạn. Một lát sau, Thúy vui vẻ nói:

— Chị Liên ơi! Em ao ước sẽ vẽ cảnh Naples một ngày gần đây.

Trưa hôm ấy, bác sĩ đến thăm bệnh, đã hân hoan bảo Liên:

— Cô thật là tài, cô đã chiến thắng được Tử Thần nhờ tài khéo săn sóc bệnh nhân. Thôi, tôi phải đi ngay để thăm một bệnh nhân khác dưới nhà. Cô biết ông Phiên mà? Hình như cũng là một họa sĩ. Ông ta bệnh rất nặng, khó thể qua khỏi được. Tốt hơn, nên đem ông ta vào nhà thương.

Hôm sau, bác sĩ đoán chắc với Liên:

— Cô Thúy đã thoát hiểm rồi. Chỉ còn cần tầm bố một thời gian.

Trưa lại, Thúy ngồi một mình trên giường đan một chiếc khăn choàng màu xanh. Mặt nàng đã tươi, môi nàng như chớm nụ yêu đời. Bỗng Liên từ ngoài chạy vào, ôm chầm lấy bạn:

— Chị Thúy ơi, em kể chuyện này cho chị nghe nhé. Lão Phiên vừa chết trong nhà thương, bác sĩ bảo vì bệnh sưng phổi. Ông chỉ bệnh có hai ngày. Hai hôm trước, ngay sau cái đêm mưa gió điên cuồng, người ta thấy ông rên rỉ trong phòng, quần áo ướt sũng. Không ai biết ông đã đi đâu, làm gì. Sau người ta tìm thấy một cây đèn còn cháy, cái thang cây được dời đi nơi khác, mấy cây bút vẽ và tấm bảng pha màu còn dính sơn xanh, sơn vàng lẫn lộn.

Và này, Thúy hãy nhìn ra cửa sổ, ngắm kỹ chiếc lá trường xuân cuối cùng trên cành kia. Chị có biết tại sao nó không rơi sau những cơn mưa gió? Vì nó là bức danh họa ao ước từ lâu của lão Phiên đấy. Chính lão đã vẽ nó để thay chiếc lá cuối cùng đã rụng trong đêm mưa...

HỌA MI VÀ HOA HỒNG

(Oscar Wilde)

OSCAR WILDE (1856-1900) là nhà văn Anh, sinh tại Dublin năm 1856 và mất năm 1900, để lại một sự nghiệp văn chương khá phong phú làm dồi dào nền văn học nước Anh. Ông tốt nghiệp Đại học Oxford và từng đi du lịch qua các nước Pháp, Mỹ, Ý, Hy Lạp.

OSCAR WILDE sáng tác kịch, thi ca, tiểu thuyết, đặc biệt là các truyện Thần thoại. Văn ông chịu ảnh hưởng ít nhiều Flaubert, Théophile Gautier, Andersen, Stevenson. Các tác phẩm nổi tiếng của ông gồm có:

KỊCH: Người chồng lý tưởng, Người đàn bà tầm thường...

TIỂU THUYẾT: Ông hoàng hạnh phúc, Chàng khổng lồ ích kỷ, Bóng ma ở Canterville, Ngự phủ và linh hồn...

HỌA MI VÀ HOA HỒNG là một truyện thần thoại viết theo kiểu Andersen, nhưng không phải là loại truyện cho thiếu nhi mà là loại truyện hàm chứa triết lý nhân sinh dành cho người lớn. Đọc truyện này, người đọc không thoải mái như loại truyện thần thoại “có hậu” thông thường, mà phải thả hồn trong mơ mộng và để tâm trí chìm đắm trong suy tư. Đó là đặc điểm độc đáo của tác giả vậy.



Thư sinh thì thầm một mình: “Nàng hứa sẽ khiêu vũ với mình nếu mình đem tặng nàng một đóa hoa hồng. Nhưng làm sao có hoa hồng? Trong vườn này, không có đóa hoa hồng nào cả”.

Một con chim họa mi đang đứng trên cành sến xanh tươi đã nghe rõ lời than thở của thư sinh. Nó nhìn vườn hoa, nghĩ ngợi.

Thư sinh lại thì thầm, mắt rướm rướm lệ:

— Không có một hoa hồng nào cả trong vườn! Thì ra hạnh phúc nhiều khi chỉ tùy thuộc vào một vật nhỏ mọn không đáng kể. Mình đã đọc thật nhiều sách, thấu triệt nhiều triết lý của những triết gia danh tiếng nhất thế giới, vậy mà đời mình phải khổ chỉ vì thiếu một đóa hồng!

Họa mi nói thầm:

— Rõ là một kẻ si tình! Trước kia, mặc dầu chưa được biết chàng, ta đã ca ngợi chàng với trăng sao. Nay thì ta đã trông thấy chàng rồi. Chà chàng thật có vẻ hào hoa, tóc đen mượt như huyền, môi đỏ như hoa hồng chàng ao ước. Nhưng, tình yêu đã làm cho chàng vàng vố, ưu tư đã làm cho trán chàng in những vết nhăn.

Thư sinh tiếp tục độc thoại:

— Đêm mai, bá tước sẽ tổ chức một dạ hội. Nếu có đóa hồng tặng nàng, mình sẽ được khiêu vũ với nàng suốt đêm. Mình sẽ siết chặt nàng trong vòng tay, nàng sẽ âu yếm ngã đầu trên vai mình, thật sung sướng biết bao! Nhưng vườn không có hoa hồng, mình không có hoa hồng, mình sẽ cô đơn nhìn người ta vui đùa, nhìn nàng hí hờn trong tay người khác. Lòng mình sẽ vô cùng đau đớn!

Họa mi nghĩ thầm:

— Quả chàng là một kẻ có chân tình! Trong khi ta ca hát líu lo thì chàng âm thầm đau khổ. Tình yêu thật là kỳ diệu! Nó quý hơn ngọc

bích, đắt giá hơn ngọc lưu ly. Những thứ ngọc ấy không thể mua được Tình Yêu, vì nó không có bày bán, không có người bán và cũng không có cân vàng nào để đo lường nó được.

Thư sinh lại nói khẽ:

— Các nhạc sĩ trên khán đài sẽ tấu vĩ cầm và thụ cầm, nàng sẽ lướt uyển chuyển theo âm điệu du dương. Những khách vương tôn phong nhã sẽ vây quanh nàng tán tỉnh. Mình không được nhảy với nàng vì mình không có hoa hồng.

Nói đến đây, thư sinh nắm vật xuống cỏ, hai tay bụm mặt, nước nở...

Một con thằn lằn nhỏ đến gần chàng hỏi:

— Sao chàng khóc?

Một con bướm trắng bay ngang cũng lên tiếng:

— Sao chàng khóc?

Một bông cúc dịu dàng hỏi những cô bạn láng giềng:

— Tại sao thế?

Họa mi dàu dàu nói:

— Chàng khóc vì một đóa hoa hồng.

Tất cả nhao nhao lên, kinh ngạc:

— Vì một đóa hồng? Thật là kỳ dị! Con thằn lằn bật cười chế diễu.

Con họa mi đứng lặng trên cành, suy ngẫm những bí ẩn của Tình Yêu.

Bỗng họa mi chợp đôi cánh nâu bay bổng lên nền không. Nó lướt nhẹ ra khỏi vườn. Nó bay đến một thửa ruộng.

Họa mi trông thấy, trên một thảm cỏ, một cây hồng xinh xắn.

Nó đáp xuống, đậu trên một cành hồng.

Nó cất tiếng van lơn:

— Cho ta một đóa hồng đỏ, ta sẽ hát cho bạn nghe những bài hát hay nhất của ta.

Cây hồng nhỏ lắc đầu:

— Ta còn nhỏ, hoa ta trắng như tuyết giăng đầu núi. Làm sao ta có hoa hồng đỏ để tặng bạn? Bạn thử tìm anh ta ở những lâu đài cổ kính, may ra anh ta sẽ tặng đóa hồng bạn mong muốn.

Họa mi bay đến cây hồng mọc dưới cửa sổ chàng thư sinh. Nó lại cất tiếng van lơn:

— Cho ta một đóa hồng đỏ, ta sẽ hát cho bạn nghe những bài hát hay nhất của ta.

Cây hồng lắc đầu đáp:

— Hoa ta đỏ như chân bồ câu, như san hô dưới đại dương. Nhưng tiết lạnh đã giết chết những mầm non, gió bão đã bẻ gãy hết cành lá, ta không còn đóa hồng nào để tặng bạn.

Họa mi cất giọng tha thiết:

— Ta chỉ cần một hoa hồng đỏ. Bạn có cách nào giúp ta chẳng? Cây hồng ngập ngừng đáp:

— Chỉ có một cách. Nhưng ta không muốn nói ra, vì nó ghê gớm, tàn nhẫn quá.

Họa mi khẩn cầu:

— Bạn cứ nói. Tôi không sợ đâu. Cây hồng nói:

— Nếu bạn muốn có một đóa hồng đỏ, bạn phải dệt nó bằng nhạc và nhuộm nó bằng máu. Dưới ánh trăng đêm nay, bạn phải hát cho ta nghe những bản thật êm dịu và phải áp ngực vào gai hồng để

truyền máu sang hoa. Gai hồng sẽ đâm thủng tim bạn và máu bạn sẽ chan hòa trong tĩnh mạch của ta.

Họa mi thành thật nói:

— Đời sống thật quý đối với tất cả mọi loài. Còn gì êm đềm hơn ngồi trong rừng xanh ngắm cảnh bình minh vừa ló dạng hay trắng lên ở chân trời. Hoa sơn trà đưa hương thơm ngát; cây thạch thảo tỏa hương trên đồi. Thật sung sướng biết bao! Nhưng mà, Tình Yêu vẫn quý hơn Đời Sống. Trái tim một con chim không quý bằng sinh mạng một con người.

Dứt lời, chim tung cánh bay lên, đảo mình trên hoa viên.

Chàng thư sinh vẫn nằm im trên thảm cỏ. Nước mắt vẫn còn đầm ướt bờ mi.

Họa mi cất tiếng kêu chàng:

— Hỡi chàng thư sinh đáng thương kia! Chàng hãy vui vẻ lên! Hãy vui vẻ lên đi! Chàng sẽ có hoa hồng đỏ. Ta sẽ dệt nó bằng nhạc và nhuộm nó bằng máu của chính tim ta. Ta chỉ đòi hỏi chàng một điều, chàng phải yêu với tất cả chân tình. Chân tình đẹp hơn Triết lý, mặc dầu Triết lý khôn ngoan, cường mạnh hơn. Toàn thân Thần Tình Ái đều hồng như lửa. Đôi môi của Thần ngọt dịu như mật và thơm ngát như hương.

Thư sinh đang cúi nhìn thảm cỏ, vội ngẩng mặt lên. Chàng chỉ nghe tiếng líu lo mà không hiểu chim nói gì.

Thư sinh không hiểu, nhưng cây sến hiểu rõ ý định của chim. Nó rất buồn vì nó rất yêu chim đã từ lâu xây dựng tổ ấm trên thân mình nó.

Nó gọi họa mi và tha thiết bảo:

— Chim ơi, hãy hát cho ta nghe bản nhạc cuối cùng, khúc ca vĩnh biệt. Bạn đi rồi, ta sẽ cô độc một mình.

Họa mi cất tiếng hát cho cây sến nghe, giọng hát áo nã thê lương làm cho sến bùi ngùi xúc động.

Khi họa mi dứt bản, thư sinh đứng lên, lúi thúi qua hoa viên, vừa đi vừa nghĩ ngợi miên man: “Nó hát thật hay, nhưng liệu nó có tình cảm thật hay không? Ta ngại rằng nó giống như bọn nghệ sĩ: ngôn từ hoa mỹ toàn chứa đựng sự giả dối. Nó không biết hy sinh cho người khác. Nó chỉ biết nghệ thuật mà nghệ thuật luôn luôn ích kỷ. Giọng hát của nó những âm điệu tuyệt diệu, nhưng tiếc thay những âm điệu ấy không có tác dụng thiết thực nào, không có nghĩa gì đối với đời sống con người”.

Khi ánh trăng dằng dặc trên nền trời, họa mi bay đến đậu trên cành hồng. Nó cất tiếng hát, ngực áp vào gai hoa. Vầng trăng sáng cúi đầu nghe chim hát. Chim càng hát, gai càng đâm sâu vào, máu nó tuôn ra lôi theo nguồn sống trong thân thể nó.

Khởi đầu, tiếng hát ca ngợi mối tình đầu vừa chớm nở trong lòng đôi trai gái. Trên cành hồng, một đóa hoa cũng vừa chớm nở thật đẹp. Rồi những đóa khác nối tiếp nở theo, những bản nhạc tiếp nối. Đóa hoa mới nở nhột nhạt như sương mờ trên sông vắng, như hình ảnh một đài hoa trong làn nước lững lờ...

Cây hồng hồi thúc:

— Hồi họa mi yêu quý! Hãy áp chặt hơn nữa. Ngày gần tới mà hoa hồng chưa nhuộm đỏ.

Họa mi liền gi chặt vào gai, tiếng hát nâng lên cao vút. Tiếng hát tán tụng tình yêu thanh thiết của đôi lứa thiếu niên.

Một màu hồng truyền khắp cành hoa, như màu hồng trên mặt tân lang đang đặt cái hôn nồng trên môi người vợ trẻ. Nhưng chiếc gai chưa đâm thấu vào tim họa mi nên tim hoa còn trắng.

Cây hồng lại thúc giục:

— Chim ơi, hãy ghì chặt thêm vào. Đêm sắp tàn mà hoa hồng chưa đỏ.

Lần này họa mi ghì chặt vào gai và chiếc gai đâm thủng vào tim nó. Nó cảm thấy đau đớn, nhức nhối. Nhưng nó vẫn cất tiếng hát ca tụng Tình Yêu. Chân tình hoàn thiện nhờ tiếng hát của họa mi. Chân tình sẽ bất diệt, không bao giờ tan mất dưới nấm mồ.

Bây giờ hoa hồng trở nên đỏ thắm. Cánh và tim hoa đều đỏ như ánh mặt trời mùa đông. Trong khi đó, tiếng chim họa mi yếu dần, đôi cánh bắt đầu rung động, đôi mắt như che phủ bởi bức màn the. Tiếng chim nhỏ dần, nhỏ dần... Họa mi cảm thấy như nghẹn thở.

Nó cố gắng tấu lên một nhạc điệu cuối cùng. Nàng Trăng cảm động vì nhạc khúc lâm ly, nấn ná mãi trên trời xanh, quên cả bình minh sắp đến. Hoa hồng cảm động rung mình xòa rộng cánh trước gió lạnh ban mai. Nàng “Tiếng Vang” mang âm hưởng lời ca về động thắm non cao, đánh thức bọn mục đồng đang say sưa trong giấc mộng. Nàng lượn nhẹ nhàng trên những rặng phi lao bên dòng sông và rặng phi lao chuyển thông điệp của nàng ra trùng dương bát ngát.

Cây hồng hớn hở reo lên:

— Hãy nhìn xem! Hãy nhìn xem! Hoa hồng đã hoàn tất.

Họa mi im lặng vì họa mi đã chết. Nó ngã lăn trên thảm cỏ, tim bị đâm thủng bởi gai nhọn hoa hồng.

Trưa hôm ấy, thư sinh mở cửa sổ, nhìn ra ngoài. Chàng kinh ngạc reo lên:

—Ồ! Một hoa đồng đỏ! Thật là dịp may kỳ diệu! Ta chưa hề trông thấy một đóa hồng nào đẹp như thế. Chắc nó phải có một tên la tinh rất lạ, dài lê thê...

Chàng cúi xuống hái hoa rồi vội vã chạy sang nhà vị giáo sư, phụ thân của người đẹp.

Người đẹp đang ngồi trước cổng, tay dịu dàng quấn cuốn băng lụa xanh. Một con chó nhỏ nằm dưới chân nàng.

Thư sinh tha thiết nói:

—Nàng hứa sẽ khiêu vũ với tôi, nếu tôi tặng nàng một đóa hồng đỏ thắm. Đây, tôi tặng nàng một đóa hồng đỏ đẹp nhất trên đời. Đêm nay, nàng hãy cài nó phía trái tim, hoa hồng sẽ biểu lộ tấm tình chung thủy của tôi.

Người đẹp khẽ cau mày:

— Hoa hồng này không thích hợp với kiểu áo mới của tôi. Cháu ông Thị Thần vừa gửi tặng tôi nhiều nữ trang quý giá hơn hoa hồng nhiều.

Thư sinh tức giận:

— Nàng là một kẻ bạc tình.

Chàng ném mạnh đóa hồng ra đường, rơi xuống rãnh nước và bị bánh xe bò nghiền nát.

Cô gái đáp với giọng kiêu kỳ:

— Bạc tình à? Chàng thật là vô phép. Chàng nên biết, chàng chỉ là một hàn sĩ, đôi giày chàng không có khóa bạc như cháu ông Thị Thần.

Thư sinh quày bước trở về, vừa đi vừa lẩm bẫm:

— Tình Yêu thật là ngu xuẩn! Nó không bằng Luận lý học, nó không thể chứng minh được điều gì. Tình Yêu chỉ nói lên những cái gì mơ hồ phù phiếm mà ta cứ lầm tưởng là thật tế. Tóm lại, nó không thiết thực. Mà cuộc sống hôm nay cần phải thật tế. Thôi, ta hãy trở về với Triết học và Siêu hình học vậy.

Thế rồi thư sinh trở về phòng, giở sách ra và chăm chỉ đọc.

NGỌN ĐUỐC THÀNH VIENNE

(A. J. Cronin)

A.J. CRONIN là nhà văn Anh, sinh năm 1896 tại Cardross, xứ Tô Cách Lan. Ông học ngành y khoa, nhưng sự học bị dở dang vì phải nhập ngũ ngành hải quân với cấp bậc Trung úy y sĩ. Khi chiến tranh chấm dứt, ông tiếp tục học và tập sự tại các hầm mỏ phía nam miền Wales. Năm 1930, ông về Luân Đôn mở phòng khám bệnh.

Sống gần gũi với dân chúng, ông hiểu rõ đời sống lầm than của họ trong cảnh chiến tranh. Những tác phẩm của ông thường phản ánh trung thực nếp sống của người dân chất phác. Tác phẩm đầu tay của ông là cuốn tiểu thuyết Lâu đài người thợ làm mũ xuất bản năm 1931 được hoan nghênh nhiệt liệt. Tác phẩm nổi tiếng của ông gồm có: Lâu đài người thợ làm mũ, Con chim Bạch yến, Ba mối tình, Dưới ánh sao đêm...

NGỌN ĐUỐC THÀNH VIENNE là một truyện ngắn diễn tả cảnh tàn phá của chiến tranh và tâm trạng của người dân trước những tai họa thảm khốc. Dầu đau khổ đến mức nào, người dân lượng thiện vẫn giữ vững được niềm tin ở Thượng Đế. Ngọn đuốc thành Viên tượng trưng cho niềm tin mãnh liệt ấy.



Đã lâu rồi, tôi mong mỗi trở lại thành Vienne, thành phố quen thuộc và yêu mến của tôi ngày trước. Nhưng sáng hôm đã, sau khi phi cơ hạ cánh tôi cảm thấy bức mình vì những việc ngoài ước liệu. Không còn một phòng trọ nào trong khách sạn Boston, tôi phải tìm thuê một ngôi nhà cũ kỹ đơn sơ ở khu Bình Dân. Nhà không có lò sưởi, đồ đạc thật sơ sài. Buổi điểm tâm của tôi chỉ có món canh rau và một miếng thịt nhỏ.

Chiều hôm ấy, tôi đi quan sát quang cảnh quanh vùng. Gió thổi lạnh buốt. Bước đầu khởi hành, tôi đã chứng kiến cảnh nhà thờ đổ nát và hí viện hoang tàn. Lòng tôi se thắt lại. Đây có phải là thành phố hoa lệ mà ngày nào tôi đã trải qua những đêm vui cuồng nhiệt? Chính nơi đây, tôi đã nghe những danh ca trình bày những bản nhạc tình cảm du dương và tôi cũng từng du ngoạn trong đêm, trên những chiếc xe mui trần, xem dân chúng liên hoan ngày hội “Mừng rượu mới”.

Lúc mới đến, tôi đã chuẩn bị tinh thần để khỏi bị xúc động vì những cảnh tàn phá của chiến tranh, khi phải chứng kiến những ngôi nhà đổ nát, những đồng gạch vụn, những dinh thự điêu tàn vì đạn, bom. Tôi cũng đã dự liệu sẽ phải nhìn cảnh thê lương của dòng sông xanh Danube với những nhịp cầu sụp đổ. Nhưng tôi không dự liệu được sự vắng lạnh làm cho tôi vô cùng thất vọng, dường như có một làn chướng khí đang bủa vây những con đường xám xịt, tối tăm, bẩn thỉu. Cửa sổ nhà nhà đều đóng kín, im lìm...

Càng trông thấy cảnh điêu tàn, tôi càng xúc động mạnh, và tôi sinh ra ý nghĩ oán Trời đã gây ra cảnh thê lương này. Lúc đó, trời lại bắt đầu mưa, làm tăng thêm cái buốt giá hoang hôn tháng hai đang bao trùm thành phố. Mưa rơi hòa lẫn với tuyết rơi, như muốn chọc thủng chiếc áo nhà binh khoác trên người tôi.

Tôi đang ở ngoại ô, thuộc phía đông thành phố. Tôi vào một ngôi giáo đường nhỏ gần đây để tránh mưa. Giáo đường này may mắn thoát khỏi sự tàn phá của chiến tranh. Tuy vậy, bên trong giáo đường thật là tối tăm và trống rỗng. Trên bàn thờ, một ngọn đèn duy nhất tỏa ánh sáng le lói để soi những hình bóng lơ mơ. Tôi ngồi xuống, chờ cơn mưa chấm dứt.

Bỗng có tiếng động phía sau, tôi giật mình ngảnh lại. Một ông già vừa bước vào giáo đường. Ông không mặc áo mưa, dáng người cao và gầy. Ông chỉ mặc một bộ đồ bằng vải mỏng đã vá nhiều chỗ. Trông ông thật tồi tàn. Khi ông đến gần bàn thờ, tôi ngạc nhiên thấy ông đang bế trên tay một đứa bé gái trạc sáu tuổi. Con bé cũng thật tiều tụy, xơ xác. Ông già đặt con bé xuống đất, trước bàn thờ.

Ông già và con bé quỳ xuống trước bàn thờ, cả hai đều im lặng. Vài phút sau, ông già đứng dậy. Tôi nghe có tiếng một đồng tiền rơi vào một thân cây. Ông già lấy một cây đèn sáp thắp lên rồi trao cho con bé. Nó tiếp lấy cây sáp nhỏ và cầm trong bàn tay nhỏ nhắn. Ngọn sáp chập chờn, chiếu ánh sáng lung linh quanh nó, soi rõ gương mặt xinh xắn vui tươi nhưng vẫn để lộ vẻ vô cùng mệt mỏi. Một lúc lâu, con bé đặt cây sáp lên cái đế trước mặt. Rồi, đầu hơi nghiêng về phía sau, nó ngấm thật lâu lễ vật nhỏ mọn nó vừa dâng cúng với tất cả lòng thành.

Một lúc sau, ông già đứng lên, bế con bé trong tay và ãm ra khỏi giáo đường. Tôi đã theo dõi từng cử động của họ. Tôi cảm thấy mình có lỗi vì đã xen vào đời sống riêng tư của người khác. Nhưng tôi không thể nào chống lại được một sự thúc đẩy khác mãnh liệt hơn. Cho nên khi ông già vừa bước ra, tôi đã vội đứng lên nối gót theo.

Dưới cổng giáo đường, một chiếc xe nhỏ làm bằng thùng gỗ với hai càng xe bằng hai cây gậy cong và hai bánh xe đã mất vỏ. Ông già đặt con bé lên chiếc xe kỳ dị ấy, phủ lên chân nó một chiếc túi cũ dùng để đựng khoai.

Tôi ngắm họ thật kỹ, quan sát họ thật gần, và sau cùng tôi có thể đoán biết ít nhiều về họ. Vết nhăn trên vầng trán phong trần, bộ ria xám cắt ngắn, đôi mắt sáng ngời kiêu hãnh, chứng tỏ ông già xưa kia là một nhà quý tộc ở thành Viên mà chiến tranh đã làm tiêu tan sản nghiệp. Nét đau thương, vẻ chịu đựng của con bé làm tôi tin nó là cháu của ông già.

Ông già toan lấy chiếc bao phủ quanh người con bé cho ấm, bỗng ông đưa mắt nhìn tôi. Tôi muốn đặt ông nhiều câu hỏi đang dồn dập trong trí não và muốn tuôn ra đầu lưỡi, nhưng có một cái gì đã ngăn chặn tôi lại. Vẻ trí thức của ông già đã ngăn chặn kịp thời tánh hiếu kỳ của tôi...

Tôi cất tiếng nói băng quơ:

— Trời lạnh quá.

Ông già chậm rãi nói:

— Tuy vậy, mùa đông năm nay không rét mấy.

Cả hai im lặng. Tôi ngắm con bé. Đôi mắt to thật to và xanh. Vừa ngắm nó, tôi vừa hỏi ông già:

— Chiến tranh?

Ông già đáp khẽ:

— Phải, chiến tranh. Một quả đạn súng cối đã giết cả cha mẹ nó.

Cả hai lại im lặng. Một lát, tôi hỏi:

— Ông thường đến đây chứ?

— Tôi đến hàng ngày để cầu kinh.

Ông già mỉm cười nói tiếp với vẻ tin tưởng:

— Chúng tôi muốn tỏ cùng Thượng Đế rằng chúng tôi không hề oán hận Ngài.

Tôi không biết nói gì trước lòng tin của lão. Tôi đành đứng lặng. Trong lúc đó, ông già đứng dậy, cầm còng xe và quay lại lễ phép chào tôi. Ông mang con bé đi trong bóng tối đêm về.

Khi ông già vừa khuất dạng, tôi lại muốn nổi gót theo. Tôi muốn giúp đỡ tiền bạc cho họ, tặng họ chiếc áo len ấm áp tôi đang mặc bên trong. Tôi muốn làm một cử chỉ đẹp. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn đứng yên, không xê dịch được bước nào. Tôi nghĩ rằng tôi không nên làm một việc bố thí trong trường hợp này; tất cả những vật bố thí của tôi có thể bị từ chối. Ngược lại, chính họ vừa ban cho tôi một tặng vật. Những kẻ khốn khổ đó đã mất hết cả, nhưng vẫn không nản chí và vẫn còn niềm tin. Bỗng nhiên, những ý nghĩ oán hờn tiêu tan mất, lòng tôi thơ thới không còn vướng bận một chút lo âu nào về những thiếu thốn vật chất hàng ngày. Tôi cảm thấy thương xót. Tôi cảm thấy hổ thẹn.

Mưa đã tạnh. Nhưng tôi chưa chịu về. Tôi lưỡng lự. Sau cùng, tôi quay trở lại phía bàn thờ, đối diện với ngọn đuốc nhỏ tiêu biểu cho lòng trung kiên. Ngọn sáp vẫn cháy. Tôi bỗng thấy khung cảnh bên trong giáo đường không còn tối tăm, trống rỗng nữa.

Một ngọn đuốc trong một thành phố điêu tàn.

Nhưng còn ngọn đuốc này, thiết tưởng ta vẫn còn hy vọng cho thế giới.

GIẤC MƠ TIÊN CẢNH

(Tamura Samaru)

Thiên tình sử này ra đời vào khoảng Thế kỷ thứ 18, tức đời nhà Thanh bên Tàu. Nguyên tác lấy nhan đề là BẠCH PHU NHÂN, sau được đem quay phim đổi đề lại là ĐỘC MANG TÌNH UYÊN. Một nhà văn Nhật tên là TAMURA SAMARU thấy tích truyện thâm thúy, liền phóng tác lại với một vài tình tiết đổi khác rồi đem quay phim với nhan đề mới đây thi vị: GIẤC MƠ TIÊN CẢNH.

Nhà văn Thê Húc, trong quyển TIA NẮNG, có đưa ra những nhận xét tế nhị về thiên tình sử truyền kỳ này: “Trong xã hội phong kiến, người ta sống trên nền tảng kinh tế phong kiến thì cũng nghĩ theo thống hệ ý thức phong kiến, nghĩa là triết lý, luân lý, tâm lý cũng mang một màu sắc tương đồng. Triết lý của tích truyện BẠCH PHU NHÂN là triết lý gì? Triết lý xưa kia vốn bắt nguồn từ tôn giáo (vì khoa học chưa xướng minh). Vậy đó cũng là một thứ triết lý tổng hợp của tam giáo.

Luân lý cũng theo nhân sinh quan ấy, mà chủ trương tiết dục tình, thuận Thiên mạng... đại khái là những đức tính tiêu cực, thụ động, có lợi cho sự duy trì trật tự về mặt chính trị.

Nhưng cái yếu tố cảm động nhất, vì liên hệ trực tiếp với đời sống tình cảm con người, chính là phần tâm lý của tích truyện, là phần để có giá trị phổ biến nhất. Lòng người, nhất là lòng đàn bà, trải qua không gian và thời gian vẫn có một cái gì “Bất diệt”. Cái nữ tính bất diệt (l’ éternel Féminin) của Bạch Phu nhân có khác gì của một

Manon Lescaut? Với bao nhiêu dối trá, với bao nhiêu tội lỗi, bao nhiêu môn trốn... chỉ vì hai tiếng “thương nhau!”. Có thể nói tất cả Bạch Phu nhân là sự dối trá (từ cái hình hài trở đi ...) trù ra mỗi tình”.

Qua những nhận xét trên, nhà văn Thê Húc chẳng những phê bình nội dung thiên tình sử mà còn bày tỏ một quan niệm nghệ thuật khá mới mẻ về loại truyện thần kỳ. Mời các bạn để tâm hồn hòa đồng vào GIẤC MƠ TIÊN CẢNH để thưởng thức giá trị tượng trưng sâu sắc của sự quái đản chứa đựng trong tích truyện kỳ lạ này.



Thành Hàng Châu vào tiết Thanh Minh. Thiên hạ tấp nập đi tảo mộ. Từ cửa Ung Chính đến cửa Thiên Thắng, từ miếu Tứ Phối đến chùa Bảo Tháp, đâu đâu cũng thấp thoáng bóng người. Ngày xuân cây cỏ đua tươi. Hoa lê trắng điểm ngọn đồi. Cánh én nhớn nhơ trên bầu trời xanh biếc.

Nhìn cảnh thiên hạ đi tảo mộ, thư sinh Từ Tuấn chạnh nhớ đến mẹ cha đã khuất. Tử phần viễn cách, giờ đây có muốn viếng những nấm mồ hoang cỏ lóng chỉ còn cách gởi mộng hồn theo đám mây Hàng xa xa. Động niệm hiếu tử, Từ Tuấn sắm sửa nhang đèn đến chùa Bảo Tháp để cúng cha mẹ.

Mãi đến chiều chàng mới trở về. Vừa đến miếu Tứ Phối, chàng bỗng thấy mây đen vần vũ tỏa mịt từ Tây Bắc đến Đông Nam. Chàng vội vã dõn bước đến bến đò. Nhưng mưa đã bắt đầu rơi lấm tấm. Gió reo vi vút trên cành lá, làm xào xạc cả bầy chim chưa kịp về ngàn. Dòng sông quanh quẽ, bến nước ù u, sóng gợn lăn tăn

như cột đũa cùng mưa gió. Từ Tuấn đang lo ngại, bỗng thấy bên rặng lau một bóng đò. Nhận ra bác lái đò quen thuộc, chàng mừng rỡ reo to:

— Bác lái ơi, chở giùm tôi sang cửa Ung Chính.

Bác lái ngẩn nhìn chàng với đôi mắt hiền từ, rồi nhanh nhẹn cho thuyền ghé vào bờ. Từ hồi há xuống thuyền. Bác lái chèo thuyền sang sông. Thuyền vừa ra khỏi bờ được vài con sào, cả hai bỗng nghe tiếng gọi:

— Cho tôi quá giang với!

Từ Tuấn ngảnh lại, thấy một nữ lang vô cùng diễm lệ, mày tằm mắt phượng, gương mặt sang rỡ như trăng rằm. Nàng vận đồ trắng, đi cùng một ả hoàn xinh xắn vận áo màu lục. Mưa như đan lướt trên mặt họ. Hai tà áo trắng và lục bay phất phới, làm nổi bật hai tầm vóc yêu kiều.

Bác lái đò không nói năng gì, lại cho thuyền cập bến. Từ Tuấn nhìn nữ lang, vui vẻ nói:

— Các cô xuống thuyền mau, kéo ướ!

Nữ lang và ả hoàn xuống thuyền, khép nép cúi đầu chào Từ và bác lái. Từ vội bước ra, lịch sự chào lại.

— Mưa sắp to. Xin mời quý nương vào ngồi trong mui.

Hai người ngoan ngoãn bước vào. Từ theo sau, ngồi đối diện với người đẹp. Nữ lang e thẹn cúi đầu. Con tỳ nữ cười chúm chím, mắt lơ đãng nhìn ra ngoài trời. Giây lâu, mỹ nhân trộm nhìn lên, bắt gặp cặp mắt của thư sinh đang đăm đõi nhìn mình. Nàng đỏ mặt nhìn xuống, hàng mi chớp nhanh, tay vân vê tà áo. Từ Tuấn cảm thấy lòng xao xuyến trước đôi mắt lóng lánh như hồ thu, đôi má ửng hồng như hoa đào chớm nở, làn môi ươn ướt tỏa ra một mùi hương

thơm ngát như gọi sự thèm khát con người. Từ Tuấn còn đang ngẩn ngơ, bỗng nữ lang lên tiếng hỏi:

— Tiên sinh về đâu?

Từ Tuấn vui vẻ đáp:

— Tôi về thành Hàng Châu, ngõ Ngọc Huyền. Còn cô nương cư ngụ nơi đâu, sao lại lạc bước đến chốn vắng vẻ này?

Mỹ nhân duyên dáng nhìn chàng:

— Thiếp là em của viên Đô úy họ Bạch, người ta thường gọi thiếp là Bạch Phu nhân. Chồng thiếp họ Tề, chẳng may đã qua đời. Nay nhân lễ Thanh Minh, thiếp đi tảo mộ, trở về gặp mưa. Con bé này là Lục Hoa, tỳ nữ của thiếp. Nhà thiếp ở Long Trà thất, về phía Tây thành Hàng Châu.

Câu chuyện đến đây thì thuyền vừa đến cửa Ung Chính. Vị Phu nhân đứng dậy, mặt lộ vẻ bối rối. Con tỳ nữ rụt rè nói với Từ:

— Sớm nay, vì vội vàng. Chúng tôi quên đem theo tiền lẻ. Tiên sinh có thể trả giùm tiền đò cho chúng tôi chăng?

Từ niềm nở nói:

— Xin quý nương đừng ngại. Đó là một điều vinh hạnh cho kẻ tiện sĩ này.

Trả tiền xong, cả ba xuống thuyền. Vị Phu nhân từ giã Từ, đôi mắt nhìn chàng chứa chan tình cảm. Từ nép vào tường, đứng lặng nhìn theo hai bóng yêu kiều mà thầm tiếc cho cuộc gặp gỡ quá ư ngắn ngủi. Đến một ngõ rẽ, vị Phu nhân còn ngoái nhìn lại phía Từ, miệng hoa nhoen nụ cười duyên. Chàng thư sinh cảm thấy lòng gợn lên một niềm lưu luyến. Hương vị tình đầu như thấm đượm mảnh hồn trai.

Khi hai tà áo đã khuất, chàng mới lần theo tường tìm đến một nhà quen gần đấy để mượn một cây dù. Chàng giương dù lên rồi đi nhanh dưới mưa gió, hy vọng về đến thành trước khi trời tối. Gần đến bến Dương, chàng bỗng nghe có tiếng gọi:

— Tiên sinh ơi, chậm bước một tí nào:

Từ nhìn lại, thấy Bạch Phu nhân và Lục Hoa đang đứng dưới mái hiên. Chàng ngạc nhiên hỏi:

— Sao Phu nhân còn đứng đó?

— Trời mưa tầm tã, chúng tôi không thể nào về được.

Từ không ngần ngại nói:

— Vậy phu nhân nên cầm cây dù này về, hôm nào rảnh tôi sẽ xin đến lấy lại.

Bạch Phu nhân tiếp lấy cây dù, mắt sáng lên lộ vẻ mừng rỡ:

— Sáng mai chúng tôi đợi tiên sinh ở Long Trà Thất. Tiên sinh nhớ đến nhé!

Dứt lời, Phu nhân cùng ả hoàn núp chung với dù, cùng bước nhanh về phía tây thành. Từ Tuấn đợi mưa về nhà nhưng lòng ngập tràn sung sướng.

Đêm ấy, Từ trấn trọc không sao ngủ được. Chàng nhớ mãi đến vị Phu nhân mặc đồ trắng, đến cuộc kỳ ngộ trên chiếc thuyền tình giăng mắc dưới trận mưa thưa. Chàng nhớ đến đôi mắt mơ màng như gợi niềm rung cảm, nụ cười hoa như tỏa ngát hương yêu. Chàng nhớ đến hình dáng ai, tiếng nói ai, và cả đến tà áo ai phất phớt trong mưa, làn tóc ai gợn mỹ miều theo cánh gió.

Sáng hôm sau, Từ dậy thật sớm, thay đổi xiêm y thật chải chuốt, rồi thẳng đường về phía tây thành. Chàng hỏi thăm Long Trà Thất

và Bạch Phu nhân, nhưng không ai biết nơi ấy và người ấy. Còn đang vợ vắn, chàng chợt thấy con Lục Hoa chạy đến, tươi cười hỏi:

— Phải tiên sinh đến viếng Bạch Phu nhân chẳng? Xin tiên sinh hãy theo tôi.

Nói xong, không đợi Từ trả lời, con bé liền thoảng đi trước dẫn đường. Qua khỏi rặng liễu, hai người đến trước một vòng rào. Con bé hí hờn rẽ vào vừa nói:

— Đến rồi!

Từ Tuấn nhìn thấy một tòa lầu tráng lệ, cạnh tường Chiêu vương phủ. Con Lục Hoa đưa chàng đến phòng khách ngồi đợi, còn nàng vào báo cho Bạch Phu nhân hay. Giây lát, Bạch Phu nhân bước ra, niềm nở đón tiếp:

— Chúng tôi chờ đợi tiên sinh từ sớm. Hôm qua nhờ tiên sinh trả hộ tiền đồ và cho mượn cây dù, chúng tôi mới về đến nhà được bình an vô sự. Thật đội ơn tiên sinh vô cùng.

Dứt lời, Phu nhân bảo con Lục Hoa bày tiệc để đãi khách quý. Con bé bưng ra một mâm thối trân và mỹ tửu. Phu nhân dịu dàng nói:

— Mời tiên sinh dung một chén rượu để mừng ngày tri ngộ.

Hai người ngồi vào bàn tiệc. Con bé Lục Hoa ngoan ngoãn đứng hầu. Từ Tuấn vừa uống rượu vừa ngắm say sưa dung nhan người đẹp. Men rượu và hương tình đang quyến lấy tâm hồn của trang tài tử.

Lúc ấy bên ngoài trời nổi cơn giông tố và mưa bắt đầu rơi thành thót. Gió lạnh ngoài vườn lùa vào phòng làm xao động mấy bức màn the. Giữa khi mưa gió, được ngồi bên người đẹp, sưởi ấm bằng

những cốc rượu nồng, Từ Tuấn thấy hồn lâng lâng như lạc vào Lạc Cảnh.

Tiệc rượu đã tàn, Từ Tuấn đứng dậy kiếu từ. Mỹ nhân liếc mắt nhìn chàng tình tứ:

— Sao tiên sinh vội về lắm vậy? Trời còn mưa tầm tã, tiên sinh hãy dùng thêm vài chén rượu cho ấm lòng.

Từ Tuấn còn ngần ngại, con Lục Hoa bỗng thưa:

— Thưa Phu nhân, đêm qua Phu Nhân cho một người trong họ mượn chiếc dù. Xin Phu nhân cho phép con đi lấy lại để trả cho tiên sinh.

Phu nhân lộ vẻ vui mừng:

— À, con không nhắc thì ta đã quên. Con đi mau lên nhé!

Con bé Lục Hoa thoăn thoắt ra đi. Từ Tuấn lại ngồi xuống bàn tiệc. Bây giờ trong nhà chỉ còn lại hai người, mặt đối mặt mà tình thêm chan chứa. Từ nhìn giai nhân tận khước mắt đầu môi. Chẳng thể dẫn lòng được nữa, chàng âu yếm cầm lấy tay nàng.

Phu nhân rụt rè rút tay lại, ngọt ngào nói:

— Duyên kỳ ngộ của đôi ta, dường như Trời kia đã định sẵn. Thuyền tình gặp gỡ, chiếc dù đưa duyên, giọt mưa cầm khách, nào phải đâu là chuyện tình cờ. Nếu quả thật chàng yêu thiếp, xin cùng nhau tính chuyện trăm năm, đừng để thẹn với cành chim lá gió.

Từ thấy nàng đoan chính, lòng càng thêm mến thêm yêu. Chàng buồn bã nói:

— Đã yêu nhau thì nên tính chuyện đá vàng, hiềm vì tôi mồ côi từ thuở bé phải nương nhờ người anh rể, công danh lại lận đận, lấy tiền đâu mà lo việc hôn nhân?

Nàng thành thật:

— Điều ấy chàng khỏi lo, thiếp xin giúp chàng đầy đủ mọi chi phí.

Dứt lời, nàng vào phòng mang ra một gói nhỏ trao cho chàng. Từ mở ra xem, thấy một nén bạc năm mươi lượng. Chàng vô cùng mừng rỡ.

— Tôi trở về lo liệu để chúng ta sớm được sum vầy.

Vừa lúc đó, con Lục Hoa mang dù về. Phu nhân cầm dù trao trả Từ và đưa tiễn chàng ra tận cổng. Từ nhìn Phu nhân bịn rịn, giây lâu mới bước đi. Mỹ nhân nhìn theo Từ cho đến khi khuất dạng.

Từ Tuấn về nhà, nhờ anh rể là Lý Nhân đứng chủ hôn cho mình. Chàng đưa cho vợ chồng Lý nén bạc để chi phí trong việc hôn nhân. Vợ Lý mừng em đã chọn được nơi xứng đáng. Trưa hôm ấy, vợ Lý bàn cùng chồng về hôn lễ của em và đưa ra nén bạc của Từ. Lý Nhân cầm nén bạc lên xem, bỗng thất sắc nói nhỏ:

— Nguy rồi! Tai họa tới rồi!

Vợ Lý lấy làm lạ lòng, Lý phải giải thích:

— Bạc này của Triệu Thái úy vừa mất cắp, quan phủ Lâm An đang ra lệnh truy tìm thủ phạm. Nén bạc này mang đúng số hiệu của năm mươi nén bạc bị mất. Không khéo sẽ mang họa cả nhà ta.

Nguyên Lý Nhân làm chức thư lại, nên hiểu rõ câu chuyện mất bạc của Thái úy. Sau một hồi bàn bạc cùng vợ, Lý nhất định đến phủ đường tố giác Từ Tuấn, để tránh khỏi liên lụy đến gia đình mình.

Được tin tố giác, quan phủ Lâm An ra lệnh bắt Từ. Từ Tuấn bị giải đến phủ. Chịu không nổi cực hình, Từ Tuấn đành khai rõ tông tích Bạch Phu nhân. Lập tức, viên phủ sai lính dẫn Từ đến nhà họ Bạch.

Đến nơi, Từ tìm mãi không thấy Long Trà thất ở đâu. Nhắm lại vị trí Chiêu vương phủ để tìm ra lâu cũ, Từ chỉ thấy một ngôi nhà hoang, rêu mốc, cỏ cây bao phủ um tùm. Nào đâu cái vẻ huy hoàng, tráng lệ hôm qua! Lính bẻ rào vào nhà, thấy tư bề vắng ngắt, âm u lạnh lẽo như nhà ma. Khi tìm đến căn phòng phía sau nhà, mọi người đều sửng sốt dừng bước. Trên một chiếc trường kỷ, mơ hồ hình dạng một mỹ nhân mặc đồ trắng toát, dáng nằm óng ả có vẻ đài các trầm anh. Bọn lính sợ hãi đứng im. Từ ngỡ ngàng nhận ra đó là người cùng chàng hẹn ước.

Một tên lính cố lấy hết can đảm kêu to:

— Phải Bạch Phu nhân đó không?

Không có tiếng đáp lại. Nàng áo trắng vẫn nằm im trên trường kỷ, dường như đang chiêm thiếp giấc nồng. Mọi người đánh bạo bước vào phòng, bỗng có tiếng ầm ầm nổ vang làm cho bọn lính và Từ đều tối tăm mày mặt, ngã chồm lên nhau. Chừng hoàn hồn, họ chỉ thấy trên trường kỷ một đồng bạc, nàng mỹ nhân áo trắng đã biến mất từ lúc nào...

Bọn lính đem bạc về nộp quan. Viên tri phủ cho đếm bạc, thấy còn lại bốn mươi chín nén. Quan cho đó là một vụ tà đạo, nhưng Từ Tuấn cũng bị khép tội liên can. Từ bị phát vãng đến Tô Châu. Lý nhân được lãnh thưởng năm mươi lượng bạc.

Vợ chồng Lý muốn tránh họa lây chớ không cố tình hại em, nay thấy em bị đày đi xa, cả hai đều bùi ngùi ân hận. Lý trao cả số tiền thưởng cho Từ làm lộ phí, lại viết thư gửi gắm chàng với viên lục sự họ Phan và ông chủ quán họ Vương.

Đến Tô Châu, Từ nhờ họ Phan che chở mà tránh khỏi lao tù, lại được cho về Lâm An nương nấu nơi quán họ Vương. Từ đấy Từ tạm yên thân, nhưng lòng mãi luyến tiếc mối tình đầu sớm tan vỡ.

Một hôm, Từ đang ngồi trong quán, bỗng thấy một chiếc xe trạm dừng lại trước cửa. Chàng vội vàng chạy ra xem, thấy từ trên xe bước xuống một nữ lang áo trắng và một cô bé áo xanh. Nhận ra Bạch Phu nhân và Lục Hoa, Từ cả giận thét to:

— Ác phụ! Người còn đến đây làm gì?

Bạch Phu nhân ghen ngào, giọt lệ đầm đìa trên má:

— Xin chàng chớ giận, thiệp đến đây để giải nỗi oan tình.

Họ Vương cảm động, mời cả hai vào quán. Từ bước theo, cơn giận vẫn chưa nguôi. Vào trong quán, Từ hăm hăm hỏi:

— Nếu người không phải là yêu quái, sao dùng tà thuật mà mê người?

— Thiếp nào có tà thuật gì đâu. Hôm ở Long Trà thất, lúc bọn lính đến thì con Lục Hoa đang lấy cán tre đập bụi trên vách. Bọn lính nghe, sợ hãi. Thiếp nghĩ nên ẩn thân là hơn, nên lên trốn đi để tìm cách gặp lại chàng. Nay hay tin chàng bị giải đến đây, thiếp không ngại gian lao đến để cùng chàng sum họp. Chàng đã không nghĩ tình xưa, thôi thì thiệp xin cùng chàng vĩnh biệt.

Dứt lời, nàng đứng dậy toan đi. Bao nhiêu nghi ngờ đều tan biến. Từ vội nắm tay nàng giữ lại. Họ Vương thấy nàng mềm mỏng, lấy làm thương mến, liền đứng ra tác hợp cho hai người. Sau lễ thành hôn, mối tình của Từ đối với Bạch Phu nhân càng thêm thắm thiết. Phu nhân hết dạ kính yêu chồng. Cả hai sẽ sống mãi trong hạnh phúc yêu đương, nếu những cơn giông bão không nổi lên để thử thách những tấm lòng chung thủy.

Một hôm, nhằm ngày vía Phật, Từ muốn đi lễ ở chùa Thăng Thiên. Nàng trao cho chàng một cây quạt thếp vàng có dây tui bằng hồ phách, âu yếm dặn:

— Chàng nhớ về cho sớm, đừng để thiếp đợi trông.

Từ Tuấn vui vẻ ra đi. Đến chùa, chàng thấy một đám đông đang bàn tán về một vụ mất trộm ở nhà lão họ Chu. Từ vô tình đứng nghe, không dè có một thám tử đang nhìn đăm đăm chiếc quạt thếp vàng chàng đang phe phẩy trên tay. Nhận ra đó là vật vừa bị mất cắp. Viên thám tử liền bắt Từ giải đến nộp quan. Từ khai là quạt của vợ tặng. Lính dẫn Từ về nhà thì Bạch Phu nhân và con Lục Hoa đã đi đâu mất. Từ bị tổng giam, chờ bắt được Bạch Phu nhân sẽ đem ra xử.

Ngay chiều hôm ấy, lão họ Chu đến trình quan rằng mình đã tìm lại được những món đồ mất trộm, chỉ trừ cây quạt. Từ nhờ vậy mà thoát khỏi ngục thất, song cũng bị phát vãng đến Chấn Xương.

Thân thế long đong, Từ ngậm ngùi cho số phận, nghĩ thương ai thì lại càng thêm giận ai. Một buổi chiều thu nơi đất trích, chàng uống rượu ngà ngà rồi lang thang vợ vẫn trên hè. Bỗng từ trên cửa sổ một tòa lầu, có người đổ một thùng nước xuống đường. Từ tránh khỏi, tức giận thét to:

— Ai vô ý vô tứ như vậy?

Tức thì một thiếu phụ lệ làng xuống lầu, bước đến trước mặt Từ nhã nhận xin lỗi. Từ nhận ra nàng ấy là Bạch Phu nhân. Chàng sững sốt kêu lên:

— Oan gia lại đến phá khuấy ta nữa chẳng?

Bạch Phu nhân ngọt ngào nói:

— Thiếp không thể xa chàng được, nên phải tìm đến đây. Một ngày là nghĩa, lẽ nào chàng nỡ nặng lời. Chàng cũng tin thiếp là kẻ trộm được sao?

Từ chưa xóa được sự nghi ngờ, nhưng giọng tha thiết của nàng làm cho chàng cảm động. Nàng lại cầm tay chàng dẫn lên lầu, hàn huyên những nỗi niềm xa cách, làm cho ngọn lửa tình tưởng đã tắt lịm ở lòng Từ, lại bùng lên mãnh liệt hơn xưa. Từ đẩy hương lửa lại nồng, Châu Trần lại hòa hợp.

Đến ngày lễ Vu Lan tức rằm tháng bảy, Từ muốn đến Kim Cương Tự dâng hương. Lần này Phu nhân hết sức ngăn cản, song Từ nhất quyết ra đi. Nàng có vẻ lo lắng, ân cần căn dặn:

— Chàng đi dâng hương rồi về ngay, không nên trò chuyện với tăng lữ hoặc đạo sĩ. Xin chàng nhớ lời thiếp dặn để khỏi ân hận về sau.

Nàng đưa chồng ra tận bến. Từ thuê thuyền thẳng đến Kim Cương Tự dâng hương xong chàng đi ngoạn cảnh chùa. Đến gần trai xá, chàng thấy khách thập phương đang bao quanh một đạo sĩ hình như đang thuyết pháp. Từ toan tránh đi, nhưng vị đạo nhân đã trông thấy, thốt to: “Gã kia hình như vương nhiều yêu khí”. Từ không thềm để ý, đi nhanh ra phía bờ sông. Đạo sĩ ngưng thuyết pháp, cầm gậy đuổi theo Từ.

Đến bờ sông, Từ thấy giông tố nổi dậy âm âm, sóng dâng lên cuồn cuộn. Bỗng có tiếng la to:

— Coi kìa! Thuyền ai mà mạo hiểm thế?

Từ nhìn ra sông, thấy một chiếc thuyền nan lướt nhanh trên sông, trên thuyền có hai bóng người. Khi thuyền đến gần, chàng nhận ra đó là Bạch Phu nhân và Lục Hoa. Phu nhân cất tiếng gọi:

— Bớ Từ Lang, thiếp đến đón chàng đây. Hãy xuống thuyền mau kẻo nguy đó.

Từ Tuấn toan nghe lời thì đạo nhân đã chạy tới thét lớn:

— Yêu đạo! Sao mi dám tới đây?

Đạo nhân vung gậy lên. Chiếc thuyền cùng với Bạch Phu nhân và Lục Hoa bỗng biến mất...

Đạo nhân quay lại bảo Từ:

— Tiên sinh chưa dứt được nghiệp chướng! Sau này trở lại Hàng Châu, nếu con yêu ấy còn đến phá khuấy, tiên sinh hãy đến tìm bản đạo tại Thanh Bi Tự ở phía nam Tây Hồ.

Dứt lời, đạo sĩ bỏ đi. Từ vội trở về nhà thì Bạch Phu nhân và Lục Hoa đã mất dạng. Hai con người khi ẩn khi hiện ấy gieo vào lòng Từ một sự kinh dị quái đản. Và lần này chàng tin chắc họ là yêu quý hiện hình rồi.

Chẳng bao lâu, gặp kỳ đại xá, Từ Tuấn được trả tự do. Chàng trở về Hàng Châu, đến thăm anh chị. Thấy chàng về, vợ chồng Lý mừng rỡ.

Vợ Lý trách:

— Cậu vô tình lắm, cưới được vợ đẹp và giàu mà không báo tin mừng cho anh chị biết.

Từ Tuấn ngạc nhiên:

— Em đã cưới vợ hồi nào đâu?

— Thôi cậu đừng giấu giếm, để chị gọi mợ ấy ra màn.

Vợ Lý vô phòng. Một lát, nàng trở ra, dẫn theo hai nữ lang. Nhận ra Bạch Phu nhân và Lục Hoa, Từ chưng hửng:

— Lại hai con yêu nghiệt này nữa! Các người theo đuổi theo ta mãi sao?

Bạch Phu nhân quỳ xuống trước mặt Từ, khóc lên rưng rức:

— Từ ngày gá nghĩa, thiếp không hề lỗi đạo cùng chàng. Lẽ nào chàng cứ nghi oan cho thiếp.

Từ thấy nàng khóc lóc thảm thiết, cầm lòng không được, bỏ đi một mạch vào phòng. Phu nhân theo vào, nỉ non mơn trớn. Từ xiêu lòng, lấy khăn chặm lệ cho nàng. Hai vợ chồng lại vui ngày sum họp, quên cả những cơn gian khổ vừa qua...

Thấm thoát đến mùa đông. Tuyết phủ trắng cả thành phố. Gió thổi lạnh buốt xương. Bầu trời mờ mờ một màu trắng đục. Vợ Lý thấy tiết trời thay đổi, vội ra tiệm mua trầm về xông cho ấm. Bạch Phu nhân không hề hay biết. Đến chừng mùi trầm xông lên nồng nực, nàng thấy toàn thân bức rức, lăn lộn trên giường.

Đêm ấy, Từ Tuấn đến nhà người bạn uống rượu ngâm thơ. Nửa đêm, chàng lững thững về nhà. Vừa mở cửa phòng. Từ sững sốt vì một luồng âm khí xông ra hòa với mùi trầm hương nồng nực. Từ nhìn lên giường, thấy rõ ràng một con mạng xà mình mây trắng toát, đầu to bằng cái thúng, mắt sáng như hai ngọn đèn. Từ sợ hãi khép cửa lại, chạy ra khỏi nhà, tay chân run lẩy bẩy.

Sáng hôm sau, Từ tìm đến Thanh Bi Tự ở Tây Hồ, cầu cứu với Pháp Hải đạo nhân. Vừa thấy Từ, đạo sĩ nghiêm giọng hỏi:

— Từ tiên sinh đến có chuyện gì?

Từ thuật đầu đuôi tự sự. Đạo sĩ trao cho cái bát gỗ, dặn rằng:

— Đây là bửu pháp trừ yêu. Tiên sinh đem bát này về dùng cho yêu nghiệt trông thấy. Chờ khi bát cập, tiên sinh lấy bát chụp lên đầu nó và ấn mạnh xuống. Lúc ấy bần đạo sẽ đến tức khắc để bắt yêu.

Từ vâng lời ra về. Chiều hôm ấy, Từ giả bộ sắm soi chiếc trâm vàng trên mái tóc vợ. Phu nhân nũng nịu ngả đầu vào vai chồng.

Bất thành linh, Từ lấy bát chụp lên đầu vợ ấn xuống. Thân hình Phu nhân lần lần thu nhỏ lại, rồi cuối cùng bị cái bát huyền bí phủ kín. Từ lấy tay giữ chặt bát, không dám buông ra. Chàng nghe từ trong bát vẳng ra những tiếng kêu thương thảm thiết:

— Từ lang ơi! Bao năm hương lửa, thiếp vẫn giữ vẹn chung tình, sao chàng nỡ đang tâm hại thiếp? Chàng ơi, hãy buông tay cho thiếp được sinh tồn.

Từ cảm thấy lòng băng khuâng, xao xuyến. Lời của ai than thở, tiếng của ai khóc lóc làm cho lòng chàng quặn thắt đôi cơn.

Ngay lúc đó, Pháp Hải đạo nhân bước vào, cất tiếng vang như sấm:

— Yêu nghiệt! Đừng kêu than vô ích! Hãy mau khai thật nguồn gốc bọn người cho ta rõ.

Giọng Phu nhân càng thêm áo não:

— Nguyên thiếp vốn là bạch xà, con tỳ nữ vốn là con cá chép xanh trú ẩn ở Tây Hồ.

Đạo sĩ đưa tay lật cái bát lên. Thân hình Phu nhân chỉ còn bằng bàn tay. Nàng vẫn cất giọng van lơn:

— Thiếp yêu Từ lang với tất cả chân tình, chưa hề có ý làm hại chàng hoặc cản hại ai bao giờ. Xin đạo trưởng mở lượng khoan dung.

Đạo sĩ cất tiếng cười khanh khách:

— Người là kẻ đã tu luyện ngàn năm, há không biết tà dâm là tội trọng? Vậy hãy hiện nguyên hình xem nào!

Đạo sĩ vung gậy chỉ vào Bạch Phu nhân và Lục Hoa. Tức thì Phu nhân chuyển mình hóa thành con rắn trắng; con Lục Hoa cũng chuyển mình biến thành con cá xanh. Bạch xà còn ngẩng đầu lên

nhìn Từ. Đạo sĩ bỏ hai con vật vào bát, lấy một lá bùa đặt lên mặt bát, rồi thẳng đường về hướng Thanh Bi Tự. Từ Tuấn bàng hoàng, ngơ ngẩn nhìn theo.

Hôm sau, đạo nhân đến Lô Sơn Tự trên một khoảng đất trống cạnh Tây Hồ, đặt cái bát xuống đất, rồi cho thợ xây một tòa tháp đè lên. Thế là từ đó, bạch xà và con cá chép xanh bị nhốt dưới tháp, không còn trở về thế gian được nữa.

Từ ngày Bạch Phu nhân bị đạo sĩ bắt đi, Từ Tuấn trở về với cuộc sống cô đơn, mỗi tình xưa vẫn vấn vương trong tấm lòng đa cảm. Chàng nhớ những ngày êm ái cũ, một mối ân hận dày vò trong tâm não thư sinh. Nàng có tội tình gì mà phải chịu nhốt kín nghìn năm dưới đáy tháp? Phải chăng đó là tội chung tình? Chàng lại nhớ đến khi hiện nguyên hình thành con rắn trắng, nàng còn ngẩng đầu lên nhìn chàng lần cuối cùng như muốn tỏ niềm lưu luyến. Cử chỉ tế nhị ấy gieo cho chàng nỗi ân hận không nguôi.

Một hôm, ngồi nhìn về phía tháp đã chôn chặt mối tình, Từ Tuấn bỗng mơ màng thấy mình đến cạnh Tây Hồ. Giọt nước mắt kẻ chung tình rơi xuống tâm tã làm cho tòa tháp bỗng tan ra thành khói. Bạch Phu nhân vẫn xinh xắn, khả ái như ngày nào hiện ra trước mặt chàng, êm ái thỏ thẻ:

— Cảm động trước tấm chân tình của chúng ta. Thượng Đế tha tội cho thiếp và cho chúng ta cùng về tiên cảnh.

Từ mừng rỡ cầm lấy tay nàng. Giữa lúc ấy, một đám mây từ từ hạ xuống. Từ cùng nàng bước lên, chiếc xe mây đưa hai người lên khoảng không vô tận. Từ thấy ngợp thở, chơi vơi, bỗng giật mình tỉnh dậy. Thì ra đó chỉ là một giấc mơ.

Giấc mơ tiên cảnh ấy đã gieo vào lòng Từ một ý niệm xuất thế mãnh liệt. Chàng liền quyên tiền khách thập phương, rồi tiếp tục

công trình của đạo sĩ. Chàng cho cất cao thêm tòa tháp bảy tầng. Sau khi công việc kiến trúc hoàn thành. Từ vào Lô Sơn Tự thọ giáo quy y.

Cách đây vài năm, một đêm trời nổi phong ba, nước Tây Hồ dâng lên cuồn cuộn như quán lấy chân tháp. Sáng lại, trời yên gió lặng, người ta không thấy bóng Từ Tuấn đâu cả. Có người cho rằng Từ đã bị đắm dưới Tây Hồ. Cũng có người tin rằng Từ cùng người yêu đã được về tiên cảnh...

Ngày nay, khách nhàn du có dịp viếng Hàng Châu, sẽ còn được chiêm ngưỡng ngọn tháp Lô Sơn bảy tầng, đánh dấu khoa kiến trúc cổ thời đời Tống. Và mỗi khi nhìn ngọn tháp lung linh dưới ánh tà dương, mặt nước Tây Hồ gợn gợn một màu xanh biếc, lòng du tử không khỏi tránh niềm hoài cổ, nhớ đến tấm lòng chung thủy của ai xưa...

ÁNH ĐÈN CỬA SỐ NHÀ BÊN

(Luigi Pirandello)

LUIGI PIRANDELLO (1867-1936) là nhà văn Ý, sinh năm 1867 tại Girgenti trên đảo Sicile và từ trần năm 1936 tại thành Rome. Ông chuyên sáng tác kịch và tiểu thuyết. Văn phẩm của ông chứa đựng nhiều bản sắc độc đáo, nhờ vậy ông được giải thưởng Nobel về văn chương năm 1934. Tác phẩm nổi danh của ông gồm có:

KỊCH: Ai cũng có lẽ phải; Như trước, hơn trước; Như thế này, như thế kia...

TIỂU THUYẾT: Chàng Mathias Pascal quá cố; Chồng nàng; Quay phim...

ÁNH ĐÈN CỬA SỐ NHÀ BÊN là một truyện ngắn đặc sắc của ông, hàm chứa một quan niệm nhân sinh chua chát. Ông có tài diễn tả những biến chuyển tâm lý tế nhị trong nội tâm con người với lối văn thật nhẹ nhàng, súc tích.

Ngày nay nước Ý đã xuất hiện nhiều thiên tài mới, nhưng Luigi Pirandello vẫn chiếm một địa vị quan trọng trong nền văn học hiện đại Ý và vẫn giữ được cảm tình của đa số độc giả trí thức.



Vân Sinh đến thuê căn phòng này đã được hai tháng mà bà chủ nhà và cô gái chưa hề có dịp gặp gỡ chàng. Bà chủ tên Niệm là một

người đàn bà thấp nhỏ, quê mùa; cô con gái tên Trang là một thanh nữ lễ thì, phòng xuân còn trống. Hai mẹ con không gặp được chàng vì mỗi ngày chàng ra đi thật sớm mà trở về thật khuya. Họ chỉ biết chàng làm trạng sư, ngoài ra họ không được biết gì hơn nữa.

Vân Sinh ở trong một căn phòng chật hẹp nhưng xinh xắn. Phòng trang trí đơn sơ, không có gì chứng tỏ sự hiện diện của một nhà tri thức. Quần áo cất trong tủ. Không một bức tranh. Không một quyển sách hay một tờ báo.

Mẹ con bà Niệm phập phồng lo ngại chàng không chịu ở lâu nơi đây.

Thật ra, căn phòng này không có gì quyến rũ. Nhiều người đến xem nhà, đều chê không thêm thuê. Căn phòng chật chội chỉ có một cửa sổ trông xuống một ngõ hẻm hẹp, lại bị một ngôi nhà phía trước che khuất ánh sáng mặt trời. Mẹ con bà Niệm muốn đèn bồi lại người thuê bằng cách săn sóc họ thật chu đáo, tận tình. Nhất là cô Trang, cô đã nghĩ ra thật nhiều cách chiều chuộng. Nhưng cô chưa có dịp thi hành vì cô có gặp được chàng lần nào đâu.

Trái lại sự lo âu của họ, Vân Sinh thấy căn phòng u tối này thật hợp với tính chàng. Mỗi lần dạo phố, chàng thích đi đơn độc một mình, tay thọc vào túi áo, mũ trịch xuống tận mũi. Chàng không nói chuyện với ai. Chàng không vào một tiệm cà phê nào. Chàng chỉ tìm những ngõ tối, tránh cả ánh sáng đèn đường.

Chàng chưa hề tỏ một cử chỉ bất mãn nào, một nét nhăn nhó nào trên nét mặt. Khóe mắt, đầu môi không biểu lộ một ý tưởng chán đời. Nhưng cái buồn sâu kín, những ưu tư trầm lặng vẫn hằn lên vầng trán chàng quá lộ liễu.

Vân Sinh không viết sách, không đọc báo, không nhận thư từ, không dừng chân giữa phố vì tánh hiếu kỳ. Đôi khi bị mắc mưa,

chàng vẫn bước đi đều đều, thong thả, như chẳng có việc gì xảy ra.

Chàng không có tuổi thơ. Chàng không có tuổi trẻ. Tấn thảm kịch đã man xảy ra trong gia đình khi chàng còn thơ ấu đã giết chết mầm sống trong tâm hồn chàng. Mẹ chàng đã chết giữa nửa chừng xuân vì lòng tàn bạo, ác nghiệt, vì sự ngược đãi tàn nhẫn của cha chàng. Gia đình chàng tan nát. Chị chàng đi tu. Anh chàng trốn sang Mỹ. Chàng thoát ly gia đình, ra đi với hai bàn tay trắng. Sớm bị đời giày vò, chịu đựng biết bao nhiêu gian khổ, chàng nhẫn nại lắm mới lập được công danh, có được địa vị trong xã hội, nuôi tấm thân tàn dẫu dãi phong trần.

* * *

Hiện giờ thì chàng không còn đau khổ nữa. Chàng có vẻ như là đau khổ, thật ra sự đau khổ đã chết lịm trong lòng chàng từ lâu. Chàng có vẻ như hay tư lự, thật ra chàng có nghĩ ngợi gì đâu. Tâm hồn chàng mông lung trong nỗi sầu diệu vợi, chỉ còn vương chút đắng cay trong cổ họng nghẹn ngào.

Đêm đêm, chàng đi dạo cô đơn trên những con đường vắng vẻ. Chàng đếm bóng đèn, nhìn bóng mình trải trên đường, nghe tiếng chân mình vang động trong đêm. Đôi lúc, chàng dừng bước trước hoa viên một biệt thự, ngắm cây trúc bách diệp cũng lẻ loi đơn độc như mình.

Một bữa chúa nhật, sau một ngày đi chơi mệt mỏi, chàng trở về nhà sớm hơn thường lệ. Chàng ngồi trong phòng, đợi buổi cơm chiều.

Đó là một dịp may hiếm có cho mẹ con bà Niệm. Cô Trang lấy làm mừng rỡ, không biết trong những cách chiều chuộng cô đã nghĩ ra từ trước, phải đem cách nào ra xử dụng cho hợp tình. Như chợt nhớ ra, cô vỗ tay reo khê:

— Phải có ánh sáng trước đã! Phải đem cho ông ấy một cây đèn!

Nàng nhanh nhẹn châm đèn cây đèn sứ có vẽ hoa rồi nhẹ nhàng bước đến gõ nhẹ vào cửa phòng chàng thanh niên cô đọc. Nàng hồi hộp, giọng nàng run run:

— Tôi có thể vào được không? Tôi mang đèn đến cho ông đây mà.

Vân Sinh từ trong nói vọng ra:

— Không. Cảm ơn cô.

Cô gái lờ thì này cau mày, cúi gằm đầu xuống. Nàng cố nói thêm:

— Tôi mang đèn đến để ông... khỏi tối.

Vân Sinh cương quyết:

— Cảm ơn cô. Tôi không cần đèn.

Chàng ngồi im lặng trên ghế sau chiếc bàn nhỏ, đôi mắt giương lên trong bóng tối tràn ngập. Chàng cứ lặng im như thế, không bần khoản, không nghĩ ngợi.

Bỗng chàng thấy căn phòng bừng sáng.

Ngạc nhiên, chàng rảo mắt quan sát chung quanh. Căn phòng nhỏ hẳn đột nhiên sáng lên như bởi một năng lực huyền bí nào. Một thứ ánh sáng dịu dàng, mơn trớn...

Tại sao kỳ lạ vậy?

Ồ, kìa! Đó là ánh đèn cửa sổ nhà bên mà người ta vừa thắp lên.

Ánh sáng tràn vào phòng chàng đem theo hơi thở sự sống. Ánh sáng soi rõ những khoảng tối âm u, cái trống rỗng mênh mông của đời chàng.

Vân Sinh đưa mắt nhìn ánh sáng đó như một hiện tượng lạ lùng. Chàng lo sợ. Chàng thấy ánh sáng như mơn trớn thành giường. Chàng thấy sống lại trong ký ức những kỷ niệm gia đình tan nát, chàng nhớ đến mẹ, nhớ đến tuổi thơ bạc phước của mình. Rồi chàng lại liên tưởng đến ánh sáng một buổi bình minh. Chàng rời chỗ ngồi ra đứng tựa cửa sổ, nhìn trộm khung cửa sổ nhà bên.

Chàng thấy một gia đình đầm ấm đoàn tụ chung quanh bàn. Người cha và ba đứa con đã ngồi vào bàn. Người mẹ còn đứng bên cạnh, chàng đoán bà đang sẵn sóc cho con. Thật vậy, hai đứa lớn đang giơ thìa ra đòi ăn, đứa nhỏ đang rướn cổ lên vì cái khăn quàng quá chặt. Và kìa, thằng nhỏ thật là tham ăn! Chiếc thìa to thế kia đã ngấp vào miệng nó.

Người cha cười ròn. Người mẹ ngồi xuống.

Vân Sinh vội lùi lại, ẩn mình trong bóng tối. Chàng thấy người đàn bà ngồi đâu mặt với cửa sổ. Chàng tin rằng mình đã ẩn trong bóng tối, họ không thể nào trông thấy mình. Và chàng yên tâm chứng kiến cảnh gia đình đầm ấm của người ta.

Từ đây, buổi chiều đi làm về, chàng không còn lang thang thơ thẩn như xưa, mà vội trở về nhà, đến bên cửa sổ để chia sẻ cái thân mật, tươi tắn, ấm cúng của gia đình người, mà ngày thơ ấu chàng cũng đã từng được hưởng qua những buổi chiều sum vầy hạnh phúc, mặc dù rằng rất hiếm hoi. Và mẹ chàng... có khác gì bà mẹ kia? Nghĩ đến đây, chàng không cầm được lệ.

Cái ánh sáng từ cửa sổ nhà bên như có một phép lạ màu nhiệm. Nó đã phá tan u sầu trong tâm hồn chàng tuổi trẻ. Nhưng Vân Sinh

không ngờ đến những điều phỏng đoán kỳ dị của mẹ con bà chủ nhà.

Thêm hai lần nữa, cô Trang đã kiếm có mang đèn lên cho chàng nhưng đều bị từ chối. Cô ta ngạc nhiên nghĩ thầm: “Không biết ông ta có đốt nến lên không? Nhưng trong phòng làm gì có nến?”.

Một lần, cô ta đánh bạo hỏi qua cánh cửa, với giọng thật dịu dàng:

— Ông có ốm không?

Chàng lạnh lùng đáp:

— Cảm ơn cô. Tôi không sao cả.

Không làm cách nào được, cô ta đành rình mò nhìn qua lỗ khóa.

Và nàng hết sức ngạc nhiên.

Nàng đã bắt gặp trong gian phòng nhỏ cái ánh sáng dịu dịu, mờ ảo từ cửa sổ nhà bên kia; nàng cũng đã bắt gặp ông khách cô độc đang đứng ẩn trong bóng tối nhìn đăm đăm bà Mỹ Liên bên kia cửa sổ. Nàng vội vàng chạy báo cho mẹ biết điều lạ lùng nàng vừa khám phá. Nàng không quên thêm vài câu nhận xét: “Ông ấy đã yêu! Ông ấy đã yêu bà Mỹ Liên”.

Vài hôm sau, trong lúc Vân Sinh đang đứng ẩn mình trong bóng tối, nhìn trộm sang cửa sổ nhà bên, chàng bỗng thấy mẹ con bà Niệm kéo nhau sang nhà ấy. Hôm nay người đàn ông đi vắng. Người đàn bà tiếp đón mẹ con bà Niệm rất niềm nở. Họ to nhỏ với nhau những gì chàng không rõ, nhưng có lúc chàng bỗng thấy người mẹ và ba đứa trẻ đều ngẩng đầu nhìn về phía chàng. Không còn nghi ngờ gì nữa, mẹ con bà chủ nhiều chuyện này đã nói về chàng. Thế là hết! Nếu biết chàng nấp ở đây, từ rày đêm đêm người vợ hay người chồng sẽ khép cửa lại. Chàng sẽ không bao giờ còn

trông thấy cái ánh sáng đã làm cho lòng chàng sống lại, đem đến cho chàng một nguồn vui tinh khiết.

Nhưng sự thật không như chàng tưởng!

Ngay đêm sau, cửa sổ nhà bên vẫn rộng mở và ánh sáng vẫn tỏa sang. Và khi ánh đèn đã tắt, chàng đợi gia đình kia đi ngủ, thì chàng kinh hoàng thấy bóng thiếu phụ lồ lộ hiện ra giữa khung cửa sổ. Có lẽ nàng động tánh hiếu kỳ vì lời nói của mẹ con bà Niệm.

Hai cửa sổ giáp gần nhau. Nàng đứng đó vì nàng biết chàng cũng đang đứng ở cửa sổ bên kia. Nàng đã vì chàng mà đứng đó.

Xuyên qua bóng tối, thật khó mà nhìn nhau tận tường nhưng chàng biết rằng nàng đẹp. Chàng biết nàng có đôi mắt biếc long lanh và nụ cười duyên trên đôi môi thắm. Song sự hiện diện bất ngờ của nàng làm cho chàng vừa ngạc nhiên vừa hốt hoảng. Chàng run lên và cố dẫn lăm mới không trốn chạy.

Sự đầm ấm, sự vui vẻ mà gia đình kia đang hưởng và chàng đang nếm trộm chút vị thừa, rồi đây sẽ tan thành mây khói nếu người thiếu phụ đêm đêm lén ra cửa sổ vì một người khách lạ. Mà người khách ấy lại chính là chàng!

Mẹ con bà chủ nhà đã thấu dặt những gì để khêu gợi tánh hiếu kỳ của thiếu phụ? Cuộc sống đầy bí ẩn của chàng có sức quyến rũ gì, đến nỗi mới nghe qua thân thể, nàng thiếu phụ đáng thương kia đã vội tìm cách làm bạn với chàng?

Đứng đối diện nhau, mặc dù cả hai đều làm ra vẻ tình cờ như không ai có ẩn ý, mặc dù cả hai muốn tránh nhìn tận mặt nhau, chàng biết chắc rằng cả hai đều rung động, đều hồi hộp, đều lo sợ sự hấp dẫn mãnh liệt đang quyến lấy hai người trong bóng tối.

Trời thật khuya, chàng mới khép cửa. Chàng tin rằng đêm sau, khi đèn tắt, thiếu phụ lại ra đứng đấy cho chàng ngắm. Quả nhiên, chàng đoán không sai.

Từ đó, Vân Sinh không còn chờ đợi đèn nhà bên thấp sáng; trái lại chàng còn mong cho nó sớm tắt đi. Mỗi tình đầu nung đốt dữ dội lòng chàng trai lâu nay chưa hề biết sống. Và tình yêu ấy đã lôi cuốn thiếu phụ như cơn gió lốc, rút nàng ra khỏi khuê phòng, đưa nàng vào kiếp sống phiêu linh...

Ngày Vân Sinh rời bỏ căn phòng chật hẹp của mẹ con bà Niệm thì bên kia nàng thiếu phụ cũng bỏ chồng, bỏ con ra đi... Tin ấy vang rền như một tràng pháo.

Căn phòng Vân Sinh ở ngày nào, bây giờ trở nên vắng lạnh. Căn phòng bên kia nơi gia đình bà Mỹ Liên vui vẻ đoàn tụ trong bữa cơm chiều bây giờ trở nên ủ dột, buồn tênh. Người cha đau khổ ngơ ngác nhìn ba con. Ba đứa con dàu dàu không dám nhìn ra phía cửa mà thường bữa mẹ chúng bưng tô súp bốc khói bước vào.

Một đêm, mẹ con bà Niệm kinh ngạc thấy ông khách thuê phòng trở về, vẻ mặt vô cùng thảm não.

Ông ta muốn gì đây? Ông ta muốn thuê lại căn phòng để ở?

Không, ông ta không thuê lại căn phòng để ở, mà chỉ thuê một lát thôi, và chỉ đến âm thầm vào buổi tối. Bà mẹ khốn khổ kia muốn nhìn lại mấy đứa con, đứng xa mà nhìn, không cho ai hay biết. Họ hứa sẽ kín đáo, cẩn thận; nếu cần họ sẽ trá hình và sẽ trả giá gấp đôi giá thuê thường.

Không, mẹ con bà Niệm không bằng lòng cho thuê đâu.

Mẹ con bà chỉ bằng lòng cho thuê... vài lần thôi... in ít thôi... Ồ! Để làm phúc mà... miễn là họ phải tuyệt đối kín đáo.

Đến sau, Vân Sinh và tình nhân âm thầm đến, lén lút như những kẻ gian phi. Họ đứng lặng trong căn phòng tăm tối. Họ chờ đợi, trong nghẹn ngào, ánh đèn cửa sổ nhà bên.

Nó đây rồi!

Vân Sinh cảm thấy khó chịu. Giờ đây, chàng thấy ánh sáng kia sao mà lạnh lẽo, bạc bẽo, phản bội. Nó hiển hiện như một âm hồn.

Còn Mỹ Liên, nàng uống lấy nó như một người đã khát từ lâu. Nàng chạy đến bên cửa sổ, rút chiếc khăn tay bịt lấy miệng để ngăn tiếng thốn thức tuôn trào. Kìa! Con mình kìa! Chúng nó đang ngồi ở bàn, chúng nó có hay biết gì đâu!...

Vân Sinh vội chạy đến, đỡ nàng trong vòng tay. Hai người ôm nhau, siết chặt. Rồi họ đứng lặng, đưa mắt nhìn trộm cửa sổ nhà bên...

NHẠC KHÚC RẮN THẦN

(R. K. Narayan)

R. K. NARAYAN là một trong số những nhà văn nổi tiếng trên thế giới hiện nay. Ông chuyên viết tiểu thuyết, sở trường về loại truyện ngắn diễn tả phong tục và tập quán nước Ấn. Văn phẩm của ông được độc giả trong nước hoan nghênh và được phổ biến khắp thế giới. Tác phẩm đặc ý nhất của ông gồm có: Nhạc khúc rắn thần, Triều đình, Hành khất...

NHẠC KHÚC RẮN THẦN là một truyện ngắn thể hiện rõ rệt dân tộc tính với lối kể chuyện thật hồn nhiên, hấp dẫn. Tác giả khéo léo đưa ta đi vào thế giới huyền bí của xứ Ấn Độ cổ kính đầy những huyền thoại kỳ bí, từ người đến thú vật, từ nghệ sĩ đến Thần linh.

Văn ông thật giản dị nhưng có sức lôi cuốn mãnh liệt. Nhiều nhà phê bình cho ông thành công một phần lớn là nhờ không khí thần kỳ của Đông Phương huyền bí được cô đọng trong lối thuật sự linh động, có hồn. Có thể nói truyện ngắn này đã gói trọn những bản sắc tâm kỳ của R. K. NARAYAN.



Rời khỏi phòng hòa nhạc, chúng tôi có cảm tưởng bầu không khí nơi đây thật thích hợp với nghệ thuật và buổi trình diễn hôm nay rất hấp dẫn, hợp với cảm quan của giới thưởng thức văn nghệ.

Trong lúc chúng tôi còn vẫn vương vì những cảm nghĩ trên thì mọi người bỗng chú ý đến một gã đàn ông đang tía lia phẩm bình, bất chấp cả bao người chung quanh. Trong gã xơ xác chẳng khác nào một người vừa thoát khỏi lao tù. Vậy mà miệng gã cứ liên tiếp phát thanh.

Tôi bực mình nói:

— Chắc tôn ông là một bậc vĩ nhân của âm nhạc? Chắc tôn ông cho rằng nền cổ nhạc miền Nam Ấn Độ đã cáo chung? Tôn ông hẳn quen biết nhiều nghệ sĩ và giới sáng tác? Hay là tôn ông chỉ ham lý luận viển vông mà không hiểu tí gì về nhạc lý và không thể nào phân tách được chính xác nghệ thuật một bản nhạc?

Gã đàn ông thẳng thắn trả lời:

— Tôi tuy mộc mạc, chất phác, song cũng hiểu ông muốn ám chỉ gì. Quả thật tôi cũng hiểu chút ít về âm nhạc, nhưng sự hiểu biết của tôi thật là ấu trĩ, kém xa tất cả mọi người ở đây. Chính tôi lấy làm hổ thẹn, ghê tởm cái kiến thức thô thiển của mình.

Chúng tôi không muốn cãi lý với anh ta làm gì, nên với vẻ lạnh nhạt, chúng tôi chuyển sang chuyện khác và chỉ nói riêng với nhau. Nhưng gã vẫn đi cạnh chúng tôi, miệng vẫn không ngớt lời nhải. Chúng tôi rất cuộc phải nghe từ đầu đến cuối câu chuyện hãn kễ:

— Có lẽ, các ông cho tôi chỉ là một người bán phân hơn là một nghệ sĩ? Tôi thú thật rằng, đã có lúc, tôi có hoài bão trở thành một nhạc sĩ tài danh lỗi lạc. Tôi gần đạt được ước vọng đó, nếu không có một chuyện bất ngờ kỳ dị xảy ra.

Ngày xưa, tôi sống ở một làng quê hẻo lánh. Trong làng có một nhạc sĩ thối tiêu rất tài tình. Mỗi lần ông thối tiêu mục súc lũ lượt kéo tới quanh ông để nghe nhạc. Lúc đó tôi cho ông là một nhạc sĩ tài hoa nhất thế giới. Vậy mà ông ta cam phận sống âm thầm trong

bóng tối, không khoe khoang tài nghệ, không cần ai biết tới nghệ thuật tuyệt kỹ của mình. Ông chỉ sống ẩn dật trong đèn thờ, tấu nhạc cho Thần linh nghe. Người trong làng xem ông tầm thường như bao nhiêu nhạc công tầm thường khác.

Riêng tôi, tôi lấy làm khâm phục ông ta. Tôi tha thiết xin ông dạy cho tôi nghệ thuật thổi tiêu, đáp lại tôi sẽ tình nguyện làm giúp ông tất cả mọi việc trong nhà như thư ký, giặt ủi, quét nhà... Ông bằng lòng, nhưng chỉ lúc nào cao hứng, ông mới chỉ dạy cho tôi chút ít. Tuy vậy, tôi thu nhận rất nhiều, vì một giờ ông dạy bằng một năm đối với các nhạc sư khác. Nghệ thuật của ông lạ lùng mà phương pháp dạy của ông cũng lạ lùng không kém.

Sau ba năm trời găng công học tập, tôi cảm thấy tiến bộ rất nhiều. Thấy tôi cũng nhận thức điều đó, nên có lần ông vui vẻ bảo:

“Nếu anh khổ công rèn luyện, có lẽ chỉ một năm nữa anh có thể ra kinh thành trình diễn trước công chúng”.

Nghe lời thầy nói, tôi càng găng sức trau dồi nghệ thuật, vì tôi không thích sống mãi nơi cô tịch, kéo lê cuộc đời tối tăm này nữa. Tôi muốn bước ra ngoài ánh sáng. Tôi muốn danh tôi sẽ nổi như cồn. Tôi muốn nhờ nấc thang nghệ thuật mà trở nên giàu sang tột đỉnh. Có lần tôi mộng thấy tôi đến một kinh thành lớn, trình diễn ở một đại nhạc hội và được thính giả hoan nghênh nhiệt liệt. Tên tôi vang dội khắp bốn phương. Tôi chỉ sử dụng một ống tiêu tre nhỏ bé, nhưng nó có ma thuật huyền bí giúp tôi bước vào một thế giới mới lạ đầy quyến rũ.

Tôi sống trong một túp lều tranh giản dị và có thói quen rèn luyện nghệ thuật vào đêm khuya thanh vắng. Một đêm kia, tôi đang mê say luyện nhạc, bỗng có tiếng gõ cửa bên ngoài. Tôi cau có hỏi:

— Ai đó?

— Một hành khất đến xin ăn.

— Xin ăn vào giờ này? Đi đi, đừng quấy rầy.

— Người đói không phân biệt được thì giờ.

— Cút đi! Tôi không có gì để bố thí. Tôi còn phải sống nhờ vào thầy tôi.

— Nếu ông không có gì để bố thí, ông cũng nên an ủi hơn là nặng lời xua đuổi.

Tôi hét to:

— Đi đi!

Tôi ra đóng cửa, rồi bắt đầu thổi lại bản nhạc dở dang. Một lát sau, lại có tiếng gõ cửa. Tôi tức giận:

— Thật anh không biết điều! Sao anh cứ quấy rầy tôi mãi?

— Anh thổi tiêu nào nùng quá! Tôi muốn vào nghe một lúc. Anh không cho tôi thức ăn, thì xin cho tôi vào nghe nhạc.

Tôi không thích ai đến phá rầy trong khi tôi luyện nhạc, nên lời yêu cầu của anh ta càng làm cho tôi thêm tức giận. Tôi nói to:

— Anh đi ngay. Nếu không, tôi sẽ tổng cổ anh.

Tiếng nói từ bên ngoài vọng vào như một lời nguyện rủa:

— Được rồi, anh khỏi cần đuổi. Tôi đi đây. Nhưng anh hãy nhớ đây là lần cuối cùng anh được làm bạn với ống tiêu kia.

Dứt lời, anh ta bỏ đi. Tôi nghe tiếng guốc xa dần. Tôi thở dài nhẹ nhõm và lại tiếp tục nhạc khúc dở dang. Nhưng tâm hồn tôi bỗng nhiên rối loạn. Tôi cứ vẩn vơ mãi lời từ giã của gã hành khất. Lời gã có ý nghĩa gì? Không yên tâm, tôi với tay lấy ngọn đèn treo trên tường rồi lần bước ra ngoài. Đường phố tối tăm vắng vẻ. Tôi hy vọng gã hành khất trở lại nhưng gã đã biệt tăm. Tôi trở vào. Tôi

đứng trước tượng Thần, cầu xin người giải thoát tôi khỏi lời nguyền rủa của gã hành khất vô danh. Rồi tôi nâng tiêu lên môi, hồn lâng lâng theo tiếng nhạc.

Âm thanh trầm bổng vang lên như ru hồn tôi trong sóng nhạc. Tôi cảm thấy mình như bay bổng lên không trung, hòa mình với các đấng thần linh. Rồi vô tình, tôi thổi bản “Nhạc khúc rắn thần” lúc nào tôi không hay. Qua âm thanh kỳ diệu mơ màng tưởng tượng một con rắn thần oai vệ với những túi nọc độc to tướng, con rắn được thần Bạt-va-Thi quán quanh mình, thần Vít-Nu gối trên đầu và thần Xu-Ra-Ma-Na thường ngày làm bạn. Tất cả huyền thoại lạ lùng về rắn đang tập trung lại để ám ảnh tôi.

Ngay lúc đó, một con rắn đen hiện ra giữa cửa. Đầu nó ngẩng lên, cái mào dựng ngược. Tôi sợ hãi, lấy tay dụi mắt, không biết là thật hay mơ? Tôi thấy mình vẫn tỉnh táo. Rõ ràng là một con rắn thật đang nghe tôi tấu nhạc. Tôi ngưng thổi tiêu, mắt đăm đăm nhìn con rắn, lòng hồi hộp khôn tả. Con rắn từ từ bò về phía tôi, thân mình nó dài và đen. Tôi vô cùng khủng khiếp. Nhưng trong cơn hốt hoảng, bản năng tự vệ như thôi thúc tôi: “Cứ tiếp tục thổi tiêu đi. Ngừng lại là nguy đó!”. Và như cái máy, tôi lật đặt đưa nhạc khí lên môi, tấu lên một nhạc điệu âm u huyền bí. Con rắn ngẩng cao đầu lên, giương mắt nhìn tôi, lắng nghe tiếng nhạc chơi vui...

Miệng tôi thổi nhưng mắt tôi không rời con rắn. Trông nó thật trang nghiêm xứng đáng với quyền uy Thần rắn. Tôi vừa kinh hoàng vừa sùng bái. Bản nhạc đó tôi thổi đi thổi lại đến ba lần. Dứt lần thứ ba, tôi thổi sang một bản khác. Không dè tôi vừa đổi nhạc, con rắn rít lên một tiếng giận dữ và trườn mình đến gần tôi. Tôi vội vàng thổi lại “Nhạc khúc rắn thần”. Con rắn lại nằm im thờng thức.

Đã mấy lần tôi thử thay đổi nhạc khúc, con rắn càng tỏ vẻ giận dữ, toan phóng đến để hành hung tôi. Thế là tôi lại phải tiếp tục thổi bản nhạc ấy suốt đêm, đến nỗi cổ tôi khô cứng, má tôi rã rời, đầu tôi choáng váng mà vẫn không dám rời ống tiêu ra. Tôi cảm thấy không thể chịu đựng được nữa. Chỉ vài phút nữa thôi, tôi sẽ ngã lăn ra chết. Dầu sao, tôi muốn nuôi một chút hy vọng sinh tồn. Và, không nghĩ ngợi gì thêm, tôi liệng ống tiêu xuống đất, sụp xuống lạy con rắn với lời cầu khẩn cuối cùng:

— Thần rắn linh thiêng! Ngài có thể giết tôi tùy thích, nhưng tôi không thể tấu nhạc cho ngài thưởng thức được nữa. Tôi đã đuổi quá rồi...

* * *

Khi tôi tỉnh dậy thì trời vừa sáng. Con rắn đã bỏ đi đâu mất. Cái ống tiêu nằm bên vách.

Bấy giờ tôi mới biết rằng mình còn sống. Tôi vội đi tìm thầy tôi, thuật lại câu chuyện rùng rợn đêm qua. Thầy tôi lặng im nghe, vẻ mặt thật là trang trọng. Khi tôi kể xong, thầy tôi nghiêm trọng nói:

— May lắm anh mới thoát chết đó. Anh há không biết không nhạc sĩ nào dám tấu bản nhạc ấy vào ban đêm sao? Bây giờ nếu anh còn thổi tiêu nữa, chắc chắn con rắn ấy sẽ trở lại kiếm anh ngay. Anh còn muốn thổi tiêu nữa hay không?

Tôi sợ hãi đáp nhanh:

— Không, nghìn lần không.

Kỷ niệm đêm ấy cứ đeo đuổi theo tôi để ám ảnh tôi mãi. Tôi phải từ giã âm nhạc. Tôi phải liệng ống tiêu đi vì tôi không thể chơi với

một con rắn. Tôi đã khóc. Thầy tôi thương hại, an ủi:

— Nếu anh luyện tiếng âm nhạc thì chỉ còn một cách. Anh hãy tìm người hành khất đêm đó, cầu xin anh ta tha thứ cho anh.

Từ đó, tôi lên đường tìm người hành khất vô danh. Tôi đã đi nhiều nơi. Tôi sẽ còn đi khắp nơi để tìm cho được con người kỳ bí ấy. Và ngay đêm nay, nếu gặp được anh ta, tôi sẽ không ngại gì quỳ dưới chân anh, cầu xin anh ta tha thứ để tôi có thể nối lại mối duyên với âm nhạc.

Table of Contents

MÁU (Émile Zola)

I

II

III

IV

V

TIMBUCTOO (Guy de Maupassant)

NHỮNG VÌ SAO - CON ĐÊ CÁI CỦA CỤ SĨ HUỖNH (Alphonse Daudet)

NHỮNG VÌ SAO

CON ĐÊ CÁI CỦA CỤ SĨ HUỖNH

MẸ VÀ CON (Alexis Tolstoi)

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG (O. Henry)

HOA MI VÀ HOA HỒNG (Oscar Wilde)

NGỌN ĐUỐC THÀNH VIENNE (A. J. Cronin)

GIẤC MƠ TIÊN CẢNH (Tamura Samaru)

ÁNH ĐÈN CỦA SỐ NHÀ BÊN (Luigi Pirandello)

NHẠC KHÚC RẮN THẦN (R. K. Narayan)